Dịch giả: **TRẦN-DUY-BÌNH**
NGUYÊN TRƯỞNG BAN KHẢO-THÍ
HỘI Y-DƯỢC VIỆT-NAM

Y - HỌC

醫 學

TAM - TỰ KINH

三 字 經

Quyển II

CHÂN DUNG DỊCH GIẢ

TimSách

Dịch giả: **TRẦN DUY BÌNH**
NGUYÊN TRƯỞNG BAN KHẢO THÍ
HỘI Y DƯỢC VIỆT NAM

Y - HỌC

醫　學

TAM - TỰ KINH

三　字　經

Quyển II

TìmSách

DỊCH GIẢ GIỮ BẢN QUYỀN
Cấm Trích Dịch và in Trùng

TìmSách

LỜI NÓI ĐẦU

Đạo làm thuốc là Nhân Thuật mà lại là Nguy nữa: Biết tôn-trọng tính mệnh người, biết Y lý để trị bệnh, đó là Nhân Thuật; Coi tính mệnh người như cỏ rác, không biết Y lý để trị bệnh, sống thác mặc bay, tiền Thầy vỏ dẫy, đó là Nguy.

Đã trải mấy ngàn năm Y đạo ở Phương Đông ta do ở các bực Tiền-Thánh Tiền-Hiền nghiên-cứu Y lý, lập thành phương thuốc để trị bệnh, viết ra sách để truyền lại đời sau, nếu ta không biết chữ, không biết đọc làm sao mà hiểu thấu tinh-tuý của Y lý để trị bệnh?

Bởi vậy lời nói đầu ở Y-học Tam-tự-kinh quyển I tôi mới nói Tây Y họ khinh bỉ nghề làm thuốc của ta, vì họ thấy ta phần nhiều người không biết chữ không biết đọc cũng làm Thầy thuốc được, còn họ làm nghề thuốc có trường học, có chuyên khoa, tốn bao nhiêu công học hỏi mới thành ông Thầy thuốc. Nói như vậy là tôi có ý kỳ vọng khắp trong nước ta làm nghề thuốc ai ai cũng đều biết chữ, biết đọc cho có giá trị, ngõ hầu ngang hàng với Tây-Y như các nước Âu Mỹ; Đông-Y như nước Tầu, nước Nhật, chớ không phải tôi tôn-trọng nghề Thuốc Tây, mà kinh bỉ nghề thuốc của ta đâu, vả lại tôi đây cũng thuộc trong ngành Đông-Y.

Than ôi! đạo làm thuốc rất cao sâu, nếu không biết Y lý không hiểu Âm, Dương, Thủy, Hỏa, không phân-

TìmSách

biệt Hàn, Nhiệt, Hư, Thực, làm sao mà trị bệnh cho người được, đã không trị bệnh cho người được, mà lại còn hại người nữa, không những hại người mà lại còn hại mình nữa, cho nên có câu: « Nhất thế Y, Tam thế suy » nghĩa là một đời làm thuốc, suy tới ba đời là thế.

Nay tôi đã dịch xong quyển II thế là trọn bộ Y-Học Tam-Tự kinh, để cung hiến cho chư vị độc giả, sau này nếu tôi có khả năng sẽ dịch thêm các sách thuốc khác có ích, lần lượt xuất-bản, hoặc có giúp ích vào trong Y giới một phần nào, đó là nguyện vọng của tôi.

Nay xin có bài thơ để tỏ-bày tâm-sự của tôi như sau:

Nhà Nho tai mắt ở trên đời
Một việc không thành cũng hổ ngươi
Kinh sử dùi mài lòng chưa thỏa
Non sông hò hẹn chí khôn nguôi
Đã không Lương-Tướng tài yên nước
Thì cũng Lương-Y thuật cứu người
Trước cảnh muôn dân nhiều tật bệnh
Dám đem tâm-sự ngỏ đôi lời.

Đông Y-Sĩ TRẦN-DUY-BÌNH
Biệt hiệu : **Thi-Minh-Tử**
Nguyên Trưởng-ban Khảo Thí
Hội Y-Dược Việt-Nam

TìmSách

Hai bài thơ, một bài họa nguyên vận và một bài phóng vận của cụ Tuần-Phủ Trí-Sĩ Trần Tướng-Công đề sách Y-Học Tam-Tự-Kinh quyển II.

BÀI HỌA NGUYÊN VẬN

Ra sách Đông-Y giúp đỡ đời
Nhà Nho dễ mấy được như người
Quyển hai phần lớn công càng gắng
Tuổi bảy mươi già chi chửa nguôi
Không thể dụng binh thì dụng thuốc
Mang lòng yêu nước để yêu người
Thuốc ta đương buổi cần tinh tiến
Tam-Tự ai hay tán một lời.

BÀI PHÓNG VẬN

Bao năm trước thuật sách Đông-Y
Quyển nhất ra xong lại quyển nhì
Kể cách phô bày hơi giản-ước
Về phần khảo cứu rất tinh-vi
Cho hay Nho-học nhiều công dụng
Dìu dắt Sinh-viên một lối đi
Tóc bạc lơ phơ lòng đỏ chói
Có công Y-giới mấy ai bì.

Canh-Tý quý Thu.

Hán-học Cử-Nhân
TUẦN - PHỦ TRÍ - SĨ
Bắc-Kỳ Hưu-Tầu
TRẦN - VĂN - ĐẠI
phụng đề

TimSách

Mấy lời giới-thiệu của Nam-Dán Nguyên Tiên-sinh đề sách Y-Học Tam-Tự-Kinh quyển II :

Đọc cuốn Y-Học Tam-Tự-Kinh của bạn Thi-Minh Trần-Tiên-sinh, biết Tiên-sinh làm thuốc có bản lĩnh và có học thức nhiều. Đương thời buổi này thầy Lang ra đời đông như kiến cỏ, mà Tiên-sinh can-đảm đem Kinh này của cụ Trần-Tu-Viên sửa chữa phiên dịch và đem ấn loát để lưu hành ở đời, khác nào ông Lục-Tuyên-Công sao các sách thuốc đem truyền bá, nổi tiếng là «Hoạt quốc hựu hoạt nhân» sau ông Hải-thượng Lãn-Ông mới có cuốn sách này là một, thực là có công với đời về nghề làm thuốc.

Vậy lạm bút phê bình và có mấy câu thơ sau này để giới-thiệu cùng chư vị độc-giả :

Rừng thuốc Đông Tây đủ mọi phương
Mà kinh Tam-Tự lại tinh tường
Tôn thầy Trọng-Cảnh làm khuôn mẫu
Học cụ Tu-Viên chỗ họ hàng
Chữa nước đã nên tài lão luyện
Coi đời từng rõ bệnh cao hoang
Mới hay Cách-mệnh xoay nghề khéo
Lương-Tướng Lương-Y cũng một đường.

Hán-học Cử-Nhân
Trợ-Tá Trí-Sĩ
Đại-học Văn-Khoa Trường Giáo-Sư
Nam-Dán NGUYỄN-VĂN-BÌNH
kính đề (ngày 5-11-1960)

TìmSách

Hai bài thơ, một bài Việt-văn và một bài Hán-văn của Hải-Thạch Nguyễn Tiên-Sinh đề sách Y-Học Tam-Tự-Kinh quyển II.

BÀI VIỆT-VĂN :

Nửa túi sâm linh, nửa túi thơ
Trước lầu Bến-Nghé, cuốn rèm thưa
Một liều thuốc đắng, xoay non nước
Ba chữ kinh vàng, thét gió mưa
Tinh mắt, đã rành căn bệnh mới
Già tay cho biết giống Hùng xưa
Mười năm chợt tỉnh mơ Đông-độ
Rừng Hạnh đương hoa, tóc bạc phơ.

Hán-học Cử-Nhân
Tri-Phủ Trí-Sĩ
Hải-Thạch NGUYỄN-QUANG-ĐÔN
kính đề.

BÀI HÁN-VĂN :

詩鳴子醫書題詞
半壁蒼凉以術鳴
白頭湖海一囊青
皆余聖矣軒岐死
此技神乎扁跗生
鴻雁無聲啼國痛
龍蛇非毒失天腥
古來良相知多少
幾見黃扉問難經
漢學舉人知府致
仕海石阮光焯敬
題。

TimSách

Hai bài thơ của Việt-Nhân Vũ Tiên-sinh đề sách Y-Học Tam-Tự-Kinh quyển II.

1) Tỉnh mộng Đông-du trải mấy sương
Buồn trông hoa cỏ vẻ tang-thương
Sẵn bầu huyết nhiệt vì nòi giống
Ghé bộ Thương-hàn rõ thuốc thang
Khoé mắt nhằm xa đời Trọng-Cảnh
Cõi lòng coi rẻ bọn Hàn-Khang
Dịch kinh Tam-Tự chia từng loại
Theo đúng nguyên văn rất rõ ràng.

o°o

Ai cũng khen ông thuốc mát tay
Càng giầu kinh nghiệm lại càng hay
Tinh thần Hồng, Lạc lo bồi bổ
Phương pháp Hoàng, Nông mượn giải bầy
Tưởng nỗi giang hồ thân đã nhẹ
Trông vời hương quốc dạ còn cay
Dịch kinh Tam-Tự Tu-Viên soạn
Tình họ hàng xa lại đạo thầy.

Hán-học Tú Tài
Hán-Văn Giảng-viên trường
Đại-học Sư-Phạm Saigon
Việt Nhân : VŨ-HUY-CHIỀU
Kính đề.

TìmSách

Đề tặng Y-Học Tam-Tự-Kinh quyển II
của Trần-Thi-Minh Tiên-sanh.

Muốn cho nòi giống được khang cường
Phải cậy Y-khoa đứng chủ trương
Mừng cụ thất-tuần còn quắc thước
Ra kinh Tam-tự đủ lương phương
Thương đời phong vũ từng xông bước
Cứu bệnh trầm kha mở nẻo đường
Lớp trẻ sau này như có biết
Soi vào nghĩa đó để làm gương.

THANH-CHÂU
HỒ-MỘNG-QUẾ Dalat
kính đề

Kính đề quyển Y-Học Tam-Tự-kinh Quyển II
của Thi-Minh-Tử.

Con cháu Thần-Nông hãy ghé trông
Năm châu Y-giới rộng mênh mông
Ngũ-thanh ngũ-sắc cần phân biệt
Sinh-mệnh sinh-tâm phải hợp đồng
Tấu-lý biết xoay nên dễ trị
Cao-hoang gặp bí khó thành công
Lương-Y Lương-Tướng kia ai đó ?
Kỷ-Bá ngàn xưa những ước mong.

Hán-học Cử-nhân
Đệ : Tây-Hồ BÙI-TẤN-NIÊN
kính đề

TìmSách

Ba bài thơ của cụ NGÔ-VĂN-TÙNG THUẬN-THIÊN ĐƯỜNG Phan-Thiết để tặng Y-Học Tam-Tự kinh quyển II. Một bài họa và hai bài phóng vận.

(I) *Xưa nay Thầy thuốc vẫn lo đời*
Chuyên trị bệnh đời dám dễ ngươi
Nghe tiếng rên la lòng quá cảm
Thấy ai đau khổ dạ nào nguôi
Đã rằng góp mặt cùng Y-giới
Âu phải ra tay cứu mạng người
Hải-Thượng Tu-Viên từng giậy bảo
Y dân Y quốc nhớ ghi lời.

o°o

(I) *Đông-Y Quốc-lão cụ Thi-Minh*
Tam-Tự thung-dung dịch đã thành
Long-não cứu tra tài vẫn trọng
Đăng-tâm diễn giải nghĩa thêm rành
Đào-nhơn thỏa dạ nhà Tiền-bối
Ích-trí vui lòng bọn Hậu-sinh
Đại-kế lo sao dân khỏe mạnh
Kim-ngân nào ngại của công mình.

o°o

(III) *Kim-ngân nào ngại của công mình*
Quốc-lão Trần-Bình rực rỡ danh
Viễn-chí lo toan dân thoát tử
Liên-tâm cứu chữa bệnh hồi sanh
Bây giờ Xuyên-luyện người Nam-Việt
Có lúc lưu-hành xứ Bắc-kinh
Hải-Thượng Thiên-môn đà thỏa dạ
Tu-Viên Bắc-hải rạng oai linh.

NGÔ-VĂN-TÙNG
THUẬN-THIÊN ĐƯỜNG Phan-Thiết
kính tặng

TìmSách

Bài thơ của Danh-Sơn Đào Tiên-sinh tặng.

Trân trọng kính tống TRẦN TIÊN-SINH
Nhả-giám.

Bảy chục niên hoa quý lắm mà
Vẽ người quắc thước bậc danh gia
Ngang tàng Thư-kiếm xưa từng trải
Lỗi-lạc giang-hồ trước đã qua
Khối óc vẫn đanh như thiết thạch
Con thuyền đà dạn với phong ba
Mái đầu gội vuốt bao sương gió
Rừng Hạnh tiêu dao lúc cảnh già.

Canh-Tý Thu
Danh-Sơn ĐÀO-NGỌC-KỶ
bái bút.

TìmSách

Y-HỌC TAM-TỰ KINH

Quyển II

Trướng Mãn Cổ Trướng thứ 12

脹爲病辨實虛 Trướng vi bệnh, biện thực hư (phàm bệnh trướng, phải phân thực với hư)

Bệnh trướng là trướng ở trong, trướng thuộc về hư chứng, lỡ cho uống thuốc công phạt thì phải bể nát ; trướng thuộc về thực chứng, lỡ cho uống thuốc bổ thì lại càng tăng bệnh lên.

氣壅滯七氣疏 Khí sậu trệ, thất khí sơ (khí trệ nhiều. uống thang thất-khí cho thông)

Thang thất-khí có thể sơ thông được trệ khí.

滿拒按七物祛 Mãn cự án, thất vật khư (bụng đầy lấy tay đè xuống thấy đau, thì cho uống thang thất-vật).

Nếu bụng trướng đầy lấy tay đè xuống không chịu nổi, thì cho uống thang hậu-phác thất-vật, tức là thang quế-chi

TimSách

hợp với thang tiểu-thừa-khí để giải thực-tà ở trong và ở ngoài.

脹閉痛三物鋤 Trướng-bế thông, tam-vật xử (trướng bế đau, uống thang tam-vật)

Nếu bụng trướng đầy và đau, đại tiện thực, thì cho uống thang hậu-phác tam-vật để hành khí và tẩy thực, đó là trị tại gốc bệnh.

Hai bài trên đây là trị những bệnh trướng thuộc về thực chứng.

若虛脹且躊躇 Nhược hư trướng, thả trù trừ (Nếu trướng hư, phải cẩn thận)

Nếu bệnh trướng thuộc về hư, phải chẩn mạch coi cho rõ, chớ có khinh thường mà cho uống thuốc công phạt.

中央健四旁如 Trung ương kiện, tứ bàng như (trung ương mạnh, tứ bàng cũng vậy).

Ông DỤ-GIA-NGÔN nói : phải giữ vững trung-ương cho tới tứ bàng, đó là lời cách ngôn của muôn đời.

參竺典大地輿 Tham trúc điển, đại địa dư (coi trúc điển, trọng về địa-dư)

Thổ mộc không khắc là quẻ Phục. Phật kinh lấy phong luân để giữ đại địa, coi tới câu đó mới hiểu cái nguồn gốc trị bệnh trướng.

單腹脹實難除 Đơn phúc trướng, thực nan trừ (riêng bụng trướng, thực khó trị).

Nếu chân tay không thũng mà chỉ riêng bụng trướng thật là khó trị.

TimSách

山風卦指南車 Sơn phong quái, chỉ nam xa (quẻ sơn phong là kim chỉ nam)

Quẻ sơn-phong-cổ ở trong kinh Dịch.

易中旨費居諸 Dịch trung chỉ, phí cư chư (ý ở trong kinh Dịch, phải phí thời giờ mời coi hiểu)

Kinh Dịch nói : cổ biến quái trên cứng mà dưới mềm, trên thì cao cứng không tiếp xuống dưới được, dưới thì co rút lại không giao lên trên được. Đó là hai tình không giao thông vậy, người trị bệnh cổ phải dè dặt cẩn thận tốn hao tinh thần thì mới trị được, cũng như kinh Dịch nói : cổ nguyên hanh nhi thiên-hạ trị, nghĩa là loạn đã cực phải có người tài giỏi ra làm mới có thể phản loạn thành trị ; lại nói : lợi thiệp đại-xuyên nghĩa là chữa bệnh cổ cũng như người lội qua sông lớn phải trải qua hiểm trở mới qua được.

Đến phúc trưởng thức Nam Y ?

Một phương khí trị hay không ?
Mà huyền thoại. tây Y và Ma
thuật cho là thứ - Em Ngải

Tìm Sách

NHỮNG PHƯƠNG THUỐC TRỊ VỀ BỆNH TRƯỚNG MÃN CỔ TRƯỚNG

1— Thất khí thang trị về bệnh thực trướng thuộc về khí thất-tình.

Phương này coi ở trong mục (Tâm-phúc-thống)

2 — Vị-linh tán tiêu trướng hành thủy

蒼术炒	Thương-truật sao	1, 5 ch
厚朴	Hậu-phác	1, 5 ch
陳皮	Trần-bì	1, 5 ch
猪苓	Chư-linh	1, 5 ch
茯苓	Phục-linh	4 ch
白术	Bạch-truật	1, 5 ch
桂枝	Quế-chi	1, 5 ch
澤左	Trạch-tả	1, 5 ch
炙草	Chích-thảo	1 ch
生姜	Gừng-sống	5 lát

Đổ 3 chén nước sắc còn 8 phân uống nóng.

Bỏ quế và cam-thảo còn các vị kia sao nửa sống nửa chín tán nhỏ làm hoàn, uống mỗi lần 4 chỉ với nước gạo lâu năm, mỗi ngày uống hai lần càng tốt.

TimSách

3 — Tam-vật hậu-phác thang, trị bụng đau đại tiện bế.

厚朴	Hậu-phác	4 ch
大黃	Đại-hoàng	2 ch
只實	Chỉ-thực	1, 5 ch

Đổ hai chén nước sắc còn 8 phân uống nóng.

4 — Thất-vật hậu-phác thang :

桂枝	Quế-chi	1, 5 ch
生羌	Sanh-khương	2, 5 ch
甘草	Cam-thảo	1, 5 ch
大棗	Đại-táo	2 trái

Đổ hai chén sắc còn 8 phân uống nóng. Nếu nôn mửa thì gia

半夏 Bán-hạ 1, 5 ch

lạnh nhiều thêm 生羌 Sanh-khương 1, 5 ch nữa.

5 — Quế, cam khương, táo, ma, tân, phụ-tử thang, trị về khí, bụng dưới cứng lớn như cái chén.

桂枝	Quế-chi	3 ch
甘草	Cam-thảo	2 ch
細辛	Tế-tân	2 ch
大棗	Đại-tảo	3 trái
生羌	Sanh-khương	3 ch
麻黃	Ma-hoàng	2 ch
附子	Phụ-tử	1,5 ch

TimSách

Đổ 3 chén nước sắc còn 8 phân uống nóng, ngày đêm uống 3 lần, uống rồi thấy đương khi mồ-hôi ra mà ngoài da như kiến bò là khỏi.

Chứng này là do bệnh tâm thận, khí ở trên không xuống, khí ở dưới không lên, ngày lần lần cứng như sắt đá khó bề, phương thuốc này vị quế, cam, khương, tảo để hòa ở trên, dùng vị ma-hoàng tế-tân phụ-tử để trị ở dưới, ngõ hầu trên dưới giao thông được thì bệnh khỏi, tức là đại-khí chuyển thì khí tan liền.

6 — Chỉ-truật thang, trị bụng dưới cứng lớn như bàn mà không đầy, không đau, là do bệnh thủy-ẩm làm ra, bệnh này khác với bệnh khí phận.

只 實	Chỉ-thực	2 ch
白 术	Bạch-truật	4 ch

Đổ 2 chén nước sắc còn 8 phân uống, ngày đêm uống 3 lần, thấy trong bụng mềm là khỏi.

7 — Vũ-dư-lương hoàn, trị mười thứ thủy khí, cẳng chân thủng, hơi thở rút khò khè, tiểu tiện không lợi, đều trị được hết.

蛇 含 石	Xà-hàm-thạch	3 lạng

đựng vào cái chén mới rồi bỏ vào giữa đám than hồng nung cho đỏ lấy kìm gắp xà-hàm-thạch ấy ra bỏ vào dấm đợi cho nguội rồi tán nhỏ

禹 餘 糧	Vũ-dư-lương	3 lạng
真 針 砂	Chân-châm-sa	5 lạng

lấy nước rửa cho sạch rồi sao khô, bỏ chung với Vũ-dư-

TimSách

lương-thạch vào trong nồi đất đổ 2 thăng dấm vào nấu cho cạn dấm đem ra lại bỏ cả vào nồi và thuốc vào than hồng nung cho đỏ rồi đem ra để trên miếng gạch đợi cho nguội rồi đem tán nhỏ, lấy 3 vị này làm chủ, sau coi người hư thực sẽ cho thêm bài dưới đây : (trị thủy bệnh hay ở vận chuyển, 3 vị này không tựa như vị đại-kích cam-toại nguyên-hoa mà lại có bài thuốc sau giúp đỡ, dẫu rằng người hư hay người già cũng đều uống được).

Khương-hoạt, mộc-hương, phục-linh, xuyên-khung, ngưu-tất, (tẩm rượu), quế-tâm, bồng-truật, phụ-tử, can-khương, thanh-bì, bạch-đậu khấu, đại-hồi-hương (sao), kinh-tam-lăng, bạch-tật-lê, đương-qui, tẩm rượu một đêm, mỗi vị nửa lạng tán cho nhỏ rồi nhào chung với 3 vị trước cho đều lấy chầy đâm cho kỹ rồi viên mỗi hoàn lớn bằng hột ngô, mỗi lần uống với rượu trắng hâm nóng 30 hoàn cho tới 50 hoàn, rất kỵ muối, nếu có một hột muối lộn vào miệng thì bệnh càng tăng lên, uống thuốc này thì bệnh theo đường tiểu-tiện mà ra chớ không hề động tới tạng phủ, mỗi ngày uống 3 lần, phương thuốc này là ôn hòa điều bổ khí huyết là phương thuốc thần diệu vô cùng, mà không hề công phạt.

TimSách

THUỐC BỔ

CỬU-LONG-HOÀN

VÕ-ĐÌNH-DẦN

35 năm được tín nhiệm
toàn cỏi Việt - Nam

Nữ Đông-Y-Sĩ

NGUYỄN-THỊ-TÚY

tức

Bà TÔN-THẤT-PHÙNG

Chuyên trị bệnh đàn ông,
đàn bà và trẻ em

40, Trần-quang-Khải

— SAIGON —

TìmSách

Thứ Chứng thư 13

傷暑病動靜商 Thương thử bệnh, động tĩnh thương (bệnh thương thử (trúng nắng) phải phân động trúng hay tĩnh trúng)

Mùa Hạ bị trúng nắng phải biết phân ra động trúng hay tĩnh trúng là do ở thuyết của Ông Đông-Viên.

動而得熱爲殃 Động nhi đắc, nhiệt vi ương. (Động mà trúng, làm nóng dữ)

Nếu mà đi đường xa bị trúng nắng thì mình nóng như lửa đốt, mặt xần xượng, mình co rút lại, miệng khát nước, mạch hồng mà yếu.

六一散白虎湯 Lục-nhất-tán, bạch-hổ thang. (uống bài lục-nhất-tán hay thang bạch-hổ)

Bài lục-nhất tán trị các chứng trúng thử, thang bạch-hổ gia nhân-sâm là vì ra mồ hôi nhiều sợ rằng hơi nắng làm thương nguyên khí, còn gia thương-truật là bởi mình nóng chân lạnh tức là hơi nắng làm ra nóng.

靜而得起貪凉 Tĩnh nhi đắc, khởi tham lương. (Tĩnh mà trúng, do ở ham ngồi bóng mát)

Ở trong nhà rộng lớn mà sợ nắng ham ngồi những nơi bóng mát thì bị khí nắng âm thành bệnh.

TimSách

惡寒象 熱逾常 Ố hàn tượng, nhiệt du thường. (Hơi ơn ớn sợ lạnh, thì nóng lại càng nhiều)

Chứng sợ lạnh tựa như chứng thương hàn, duy có nóng lại nhiều hơn chứng thương-hàn.

心煩躁 切莫忘 Tâm phiền biện, thiết mạc vong. (Trong bụng buồn bực là trúng thử, phải nhớ đừng quên)

Tuy rằng tựa như chứng thương-hàn, nhưng khác ở cái : trong bụng buồn bực, hơn nữa chứng thương-hàn thì mạch thịnh mà chứng thương thử thì mạch hư.

香需飲 有專長 Hương-nhu ẩm, hữu chuyên trường. (Bài hương-nhu ẩm là chuyên trị chứng trúng thử).

Bài hương-nhu ẩm phát hãn lợi thủy là bài thuốc chuyên trị về chứng trúng thử, gặp mùa hạ mà không dùng bài hương-nhu ẩm thì còn dùng vào mùa nào nữa ?

大順散 從證方 Đại-thuận tán, tòng chứng phương. (Còn bài đại-thuận tán, theo chứng bệnh mà trị).

Bài đại-thuận tán này chữa về gặp trời nắng do sợ nóng ưa mát mà thành bệnh, chớ không phải trị chứng trúng thử, bài này là không kể thời tiết chỉ theo chứng mà trị.

生脈散 久服康 Sanh-mạch tán, cửu-phục-khang. (Bài sanh-mạch-tán, thường uống thì tốt).

Bài sanh-mạch tán là phương thuốc thường uống, chớ không phải phương thuốc trị bệnh.

東垣法 防氣傷 Đông-viên pháp, phòng khí thương. (Phép của Ông Đông-Viên, phải phòng thương khí).

TimSách

Trời nắng thì hay thương nguyên-khí cho nên uống thuốc cần phải bổ, đó là phương-pháp của Ông Đông-Viên cho nên có thang thanh-thử ích-khí rất hay.

雜說述 道弗彰 Tạp-thuyết khởi, đạo phất chương. (Những tạp thuyết nêu ra, làm mờ mịt đạo thánh)

Những tạp thuyết ở trên nêu ra làm mờ tối đạo của Tiền-Thánh, những người hành đạo phải nên suy xét cho kỹ kẻo nữa lầm đường lạc lối.

若精蘊 祖仲師 Nhược-tinh uẩn, tổ Trọng-Sư (Còn tinh túy nhiệm mầu, phải theo phép của đức Trọng-Sư mới đúng)

Thiên hình, thấp, yết ở Thương-hàn-luận Kim-quỹ yếu-lược của đức Trọng-Cảnh chữ nào cũng tinh-vi mầu nhiệm.

太陽病 旨在茲 Thái-dương bệnh, chỉ tại tư. (Bệnh thái-dương, ý-nghĩa cả ở đó)

Đức Trọng-Sư bảo là (Thái-dương trúng yết) cứ hai chữ thái-dương là ý nghĩa đầy đủ cả, vì người ta đều nhận là nhiệt-tà cho nên nêu ra hai chữ thái-dương để kêu tỉnh: hàn thử đều là ngoại tà, trúng vào dương, mà dương-khí thạnh thì lạnh cũng thành nóng; trúng vào dương, mà dương-khí hư thì nóng cũng thành lạnh, còn trúng vào âm thì không phân hàn thử đều là âm chứng. Như dương lúc trời nắng nung nấu không có một chút hàn tà mà trái lại nhiều âm chứng. Nói tóm lại tà trúng vào người ta là tùy theo lục khí, ở trong người âm dương hư thực mà xoay vần biến hóa, chớ cũng không cứ thương-hàn là âm, mà thương thử là dương vậy.

TimSách

經脈辨 標本歧 Kinh-mạch biện, tiêu bản kỳ (Coi kinh-mạch, biện rõ gốc ngọn)

Đức Trọng-Sư nói thái-dương trúng yết phát nóng ấy là bệnh thái-dương mà bị khí tiêu dương thành bệnh ; sợ lạnh ấy là bệnh thái-dương mà bị khí bản hàn thành bệnh ; mình nặng mà đau nhức ấy là bệnh thái-dương kinh thông khắp mình thành bệnh ; mạch huyền, tế, khâu, trì, ấy là bệnh thái-dương mạch thông khắp mình thành bệnh ; tiểu tiện rồi ơn ớn chân lông nổi gai ốc chân tay lạnh ấy là bệnh thái-dương bị khí bản hàn không được khí dương nhiệt hóa thành bệnh ; còn làm việc một chút thì nhọc mệt nóng nẩy miệng hả ra răng khô ấy là bệnh thái-dương bị tiêu dương hóa không được tân dịch của chân âm thấm-nhuần thành bệnh, đó là tiêu bản kinh mạch của bệnh thái-dương trúng yết là thế. Trị bệnh phải nên bổ tiêu bản, ích kinh mạch mới trúng, nếu không biết mà cho phát hãn hay hạ thì nguy lắm.

臨證辨 法外思 Lâm chứng biện, pháp ngoại tư(Lâm chứng biện cho rõ, ngoài phương-pháp lựa mà trị)

Như ý tôi : mượn thang ma-hạnh thạch-cam để trị ngoại chứng về trúng thử, đầu nhức, mồ hôi ra, thở khò khè, miệng khát nước ; mượn thang hoàng-liên a-giao kê-tử-hoàng để trị nội chứng về trúng thử, trong bụng buồn bực nằm không được. Còn những thang : sài-hồ, chi-tử, thừa khí đều có thể lựa chọn mà dùng. Đức Trọng-Sư nói : khát nước thì cho uống thang chư-linh, lại nói nhiệt ứ ở trong thì dùng thang ma-liên biển-đậu cho uống để nuôi âm lợi thấp theo tiểu-tiện mà ra, đó là phép ngoại

TimSách

pháp lựa chọn mà dùng khéo léo ở mình vậy.

方 兩 出 大 神 奇 Phương lưỡng-xuất, đại-thần kỳ (Hai phương ra, rất là thần hiệu)

Nắng trúng người ta là theo âm-dương, hư, thực ở trong mình người ta mà biến hóa vần chuyển, như người dương tạng nhiều hỏa thì nắng ngụ ở trong hỏa mà làm ra bệnh đổ mồ hôi mà buồn bực khát nước, đức Trọng-Sư có thang bach-hổ gia nhân-xâm để trị ; như người âm tạng nhiều thấp, thì nắng núp ở trong thấp mà làm ra bệnh mình nóng đau nhức nặng nề, mạch hơi yếu, đức Trọng-Sư cho rằng bởi mùa hạ bị thương lãnh thủy, thủy ở ngoài da mà thành bệnh, cho nên trị bệnh phải trị về thấp chỉ dùng thang một vị qua-đế cho uống khiến cho (thủy) đi thì (thấp) không có nơi nương tựa mà cũng phải đi vậy.

TimSách

NHỮNG PHƯƠNG THUỐC TRỊ VỀ THỬ CHỨNG

Lục nhất tán : trị những bệnh trúng thử

滑石	Hoạt-thạch	6 lạng
甘草	Cam-thảo	1 lạng

Hai vị tán cho nhỏ, mỗi lần uống 3 chỉ với nước trà hay nước nóng.

Bạch-hổ thang ; trị về chứng thương-thử khát nhiều, ra mồ hôi nhiều phương thuốc ở trong mục thương-hàn, gia-nhơn-sâm là vì hơi nắng làm thương nguyên-khí ; gia thương-truật trị chứng mình nóng, chân lạnh vì hơi nắng có thấp khí ở trong.

Hương-nhu ẩm : trị về chứng thương thử mình đau phát nóng, lưỡi khô, miệng ráo và thổ tả.

香需	Hương-nhu	4 ch
厚朴	Hậu-phác	1,5 ch
扁豆	Biển-đậu	2 ch
甘草	Cam-thảo	1 ch

đổ 2 chén nước sắc còn 8 phân uống nóng hay lạnh cũng được.

Nếu tả lỵ gia phục-linh và bạch truật, ói mửa gia bán

TimSách

hạ, hơi nắng làm co rút gia khương-hoạt tần-giao.

Đại-thuận-tán : trị về bệnh âm-thử sợ nóng mà ham nơi mát.

干 羌	Cân-khương	1,5 ch
杏 仁	Hạnh-nhơn	6 phân
甘 草	Cam-thảo	8 phân
肉 桂	Nhục-quế	6 phân

đồ một chén nước sắc còn 7 phân uống, hay tán chung mỗi lần uống 3 chỉ với nước.

Sanh-mạch tán là phương thuốc trị về trúng thử rất hay.

人 參	Nhân-sâm	1 ch
五 味	Ngũ-vị	1 ch
麥 冬	Mạch-đông	3 ch

đồ 1 chén rưỡi nước sắc còn 7 phân uống

Thanh-thử-ích-khí thang (Đông-Viên)

炙 芪	Chích-kỳ	1,5 ch
白 术	Bạch-truật	5 phân
青 皮	Thanh-bì	5 phân
麥 冬	Mạch-đông	5 phân
黃 柏	Hoàng-bá	5 phân
澤 左	Trạch-tả	1 ch
人 參	Nhân-sâm	5 phân
蒼 术	Thương-truật	5 phân
陳 皮	Trần-bì	5 phân

TìmSách

猪苓	Chư-linh	5 phân
干葛	Càn-cát	1 ch
神曲	Thần-khúc	8 phân
五味	Ngũ-vị	5 phân
升麻	Thăng-ma	3 phân
大棗	Đại-tảo	2 trái
炙草	Chích-thảo	5 phân
生羌	Gừng sống	3 miếng

đồ 2 chén nước sắc còn 7 phân uống.

Nhất-vật qua-đế thang:

瓜蒂	Qua-đế	20 chiếc

đề 2 chén nước sắc còn 8 phân uống.

TimSách

THUỐC CAM HÀNG BẠC

HÀ NỘI

MÓN THUỐC GIA TRUYỀN RẤT THẦN HIỆU NỔI TIẾNG KHẮP NƠI, CHUYÊN TRỊ CÁC CHỨNG BỊNH CỦA TRẺ EM, CÓ CÔNG DỤNG TỐNG CÁC THỨ SÁN LẢI VÀ CHẤT ĐỘC RA NGOÀI, LÀM CHO TRẺ EM MẬP MẠP, VUI VẺ, DA THỊT HỒNG HÀO, ĂN NGON NGỦ KHỎE, HẾT MỒ HÔI TRỘM, TIÊU SẠCH CAM SÀI. HIỆN NAY Ở TẠI :

Tổng cục 447 B *đường* HAI BÀ TRƯNG (Tân-định) Saigon.

Đại Lý : 5 c đường Phước - Hải — NHA-TRANG
91 c đường Phan - bội - Châu — QUI - NHƠN
35, đại lộ Hùng - Vương — ĐÀ - NẴNG

TìmSách

Tiết Ta thư 14

濕氣盛 五瀉成 Thấp khí thịnh, ngũ tả thành (thấp khí mà thịnh, thành ra 5 chứng tả).

Sách có nói : nếu người ta nhiều thấp khí, thì hay sanh ra chứng tiết tả.

胃苓散 厥功宏 Vị-linh tán, Quyết công hoành (thang vị-linh tán, công-dụng được nhiều)

Thang vị-linh tán làm cho ấm tỳ, bình-vị, lợi thủy là phương thuốc cần yếu trị về bệnh tiết tả.

濕而熱 連芩程 Thấp nhi nhiệt, liên cầm trình. (thấp mà nhiệt uống thêm vị liên cầm).

Thang vị-linh tán gia hoàng-cầm hoàng-liên, nếu nhiệt lắm bỏ quế-chi gia càn-cát.

濕而冷 莨附行 Thấp nhi lãnh, giu phụ hành (thấp mà lạnh, uống thêm vị giu phụ)

Thang vị-linh tán gia thêm những vị ngô-thù giu, phụ-tử, bụng đau thì gia vị mộc-hương.

濕焃積 曲查迎 Thấp hiệp tích, khúc tra nghinh (thấp mà ăn bị tích thì thêm vị khúc tra)

Ăn mà bị tích thì gia vị sơn-tra, thần khúc, nếu uống rượu bị tích thì gia vị cát-căn.

TimSách

虛兼濕 參附苓 Hư kiêm thấp, sâm phụ linh (hư mà lại thấp, gia thêm vị sâm, phụ)

Hư mà lại thấp cũng uống thang vị-linh tán gia thêm vị nhân-sâm, phụ-tử.

脾腎瀉 近天明 Tỳ thận tả, cận thiên minh (Tỳ thận hư, hay đi tả về lúc gần sáng)

Từ canh 5 trở đi mà đi tả, thế là thận hư, đi tả có đúng kỳ bởi tỳ chủ tín, thế là tỳ hư, cho nên gọi là tỳ thận tả khó trị.

四神服 勿紛更 Tứ-thần-phục, vật phân canh (uống thang tứ-thần, đừng nên dời đổi)

Tứ-thần hoàn gia những vị bạch-truật nhân-sâm càn-khương phụ-tử phục-linh túc-sác làm hoàn, uống lâu mới thấy công-hiệu.

恆法外 內經精 Hằng pháp ngoại, nội-kinh tinh (Ngoài những phương đó, duy có bộ Nội-kinh là tinh-tường)

Chiếu theo những phương-pháp đó mà trị không hết, thì nên cầu ở trong bộ nội-kinh tinh tường hơn.

腸臟說 得其情 Trường-tạng thuyết, đắc-kỳ tình(Thuyết về trường và tạng, giải rõ tình-trạng)

Ông Trương-Thạch-Ngoan giải rõ tinh nghĩa trường nóng tạng hàn và trường hàn tạng nóng ở trong bộ Nội-kinh.

瀉心類 特丁寧 Tả tâm loại, đặc đinh ninh (Những loại như thang tả-tâm thật là cặn kẽ)

Ông Trương-Thạch-Ngoan mượn những loại như thang tả-tâm để trị về bệnh tả rất hợp với ý chí ở trong bộ nội-kinh, có chép rõ ở mục y-học tòng-chúng.

TimSách

NHỮNG PHƯỢNG THUỐC TRỊ VỀ BỆNH TIẾT-TẢ

Phương vị-linh tán coi trong mục trướng mãn.

Tứ-thần hoàn trị về chứng tỳ thận hư hàn, thường đi tả về lúc canh 5.

補骨脂	Bố cốt-chi sao rượu	4 lạng
肉豆扣	Nhục đậu khấu bỏ dầu	2 lạng
五味	Ngũ-vị sao	2 lạng
吳茱萸	Ngô-thù-du	2 lạng
	Dùng táo đỏ	5 lạng
	Gừng sống	5 lạng

bỏ chung đem nấu cho nhừ rồi bỏ gừng và vỏ hột táo đi rồi hòa với các vị trên tán nhỏ làm hoàn, mỗi hoàn lớn 5 phân, trước khi đi ngủ uống 3 chỉ với đầu canh 5 uống ba chỉ với nước gạo rang nấu, gia thêm vị bạch-truật, phụ-tử, túc-sác, nhân-sâm càng tốt.

Sanh-khương-tả-tâm thang, Hoàng-liên thang, cam-thảo tả-tâm thang, Bán-hạ tả-tâm thang, càn-khương hoàng-cầm hoàng-liên nhân-sâm thang, Hậu-phác sanh-khương bán-hạ cam-thảo nhân-sâm thang. Sáu thang này đều chua ở mục thương-hàn luận độc.

TimSách

Xét ra những phương thuốc trên đây cùng với một tiết trong Nội-kinh trúng nhiệt tiêu đán thì tiện hàn, thuộc về hàn thì tiện nhiệt cứ so-sánh với mạch chứng rồi lựa chọn mà dùng rất nghiệm, bộ y-thông của ông Trương-Thạch-Ngoan chép rất rõ ràng. Tôi mới hiểu ra một phương có ý tả-tâm, trên có thê tiêu bĩ, dưới có thê chỉ tá, trường nhiệt vị hàn có thể chia ra mà trị được hết, không có phương nào khác, tức là phương Ô-mai-hoàn ở trong mục quyết-âm bệnh thương-hàn, càng dùng càng thấy hiệu-nghiệm.

TìmSách

Huyễn Vựng thứ 15

眩暈證 皆屬肝 Huyễn vựng chứng, giai thuộc can (chứng huyễn vựng, đều thuộc về gan)

Nội kinh nói : các thứ phong (gió) làm ra chứng sây sẩm đều thuộc về gan.

肝風木 相火干 Can-phong mộc, tướng hỏa can. (Gan là phong mộc, tướng hỏa ở đó)

Quyết-âm là tạng của phong mộc, quyết-âm phong mộc là nơi của thiếu-dương tướng-hỏa đóng ở đó

風火動 兩動摶 Phong hỏa động, lưỡng động đoàn. (Gió với lửa chủ động, hai động tung ra thành vần chuyển)

Gió với lửa đều thuộc dương chủ động, hai động cùng nhau tung ra thì thành vần chuyển.

頭旋轉 眼紛繁 Đầu toàn chuyển, nhỡn phân phồn. (Đầu vần chuyển, mắt tối tăm).

Hai câu ấy tả rõ cái ráng của chứng bệnh, sây sẩm.

虛痰火 各分觀 Hư đàm hỏa, các phân quan. (Hư, đàm, hỏa, phải chia ra cho rõ).

Đức Trọng-Cảnh chủ về đàm-ẩm, Ông Đan-Khê tôn cái

TimSách

thuyết không đàm thì không huyễn, không hỏa thì không vựng của Ông Hà-Giản. Nội-kinh nói : trên hư thì huyễn. Lại nói : thận hư thì đầu nặng, rung rinh, tủy-hải không đủ thì óc chuyển tai kêu các thuyết không giống nhau như thế.

究其指總一般 Cứu kỳ chỉ, tổng nhất ban. (Xét cho đúng lẽ, cũng là một thứ).

Tuy rằng mỗi thuyết khác nhau, nhưng xét ra cũng cùng một ý, bởi vì cây có động thì mới sinh ra gió, gió sinh thì lửa mới phát. Lập luận là gió với lửa của ông Hà-Giản là thế ; gió sinh tất nhờ thế cây để khắc thổ, thổ bệnh thì nước tụ lại thành đàm, cho nên Đức Trọng-Cảnh lập luận cho là đàm hỏa ; Xét ra thận là can mộc, thận chủ chứa tinh, tinh hư thì óc trống, óc trống thì đầu phải rung rinh, tai kêu cho nên lập luận của Nội-kinh cho là tinh hư và tủy hải không đủ. Nói là hư là nói về căn bệnh ; nói là thực là nói về ráng bệnh, nói tóm lại cũng là một lẽ.

痰火亢大黃安 Đàm hỏa cang, đại hoàng an. (Đàm hỏa thạnh, dùng vị đại-hoàng).

Thốn mạch đi hoạt, nhận xuống cáng chắc đó là thượng thực, ông Đan-Khê dùng một vị Đại-hoàng tẩm rượu sao ba lần rồi tán nhỏ mỗi lần uống 1, 2 chỉ với nước trà.

上虛甚鹿茸餐 Thượng hư thậm, lộc nhung san (Trên hư nhiều, phải uống lộc-nhung).

Mạch thốn đi lớn nhận xuống tan liền đó là thượng hư, nên cho uống rượu lộc-nhung, lấy nghĩa là lộc-nhung mọc ở đầu cùng một loại theo nhau đi thẳng vào đốc-mạch mà thông tới óc vậy, mỗi lần dùng nửa lạng chưng với rượu rồi bỏ cặn cho một chút xạ-hương vào mà uống hay là dùng thang Bổ

TimSách

trung-ích-khí và những loại cao Kỳ-truật. Chứng này như những vị Câu-đằng Thiên-ma Cúc-hoa đều có thể đưa vào làm Sứ được.

欲下取 求其端 Dục hạ thư, cầu kỳ đoan. (Muốn lấy ở dưới, phải cầu ở gốc).

Đoan là đầu, nghĩa là tìm tới đầu gốc vậy. Muốn cho tốt ở trên thì phải tưới ở gốc, phép trị bệnh của Cổ-nhân có khi đau ở trên mà trị ở dưới.

左歸飲 正元丹 Tả-qui ẩm, Chính-nguyên đan).

Thang Tả-qui ẩm gia Nhục-thung-dung Xuyên-khung Tế-tân cho uống rất hay, hoặc thang Chính-nguyên-đan cũng thần diệu.

TìmSách

NHỮNG PHƯƠNG THUỐC TRỊ VỀ CHỨNG HUYỄN-VỰNG

Nhất vị Đại-hoàng tán, Lộc-nhung tửu

Hai phương này coi ở tiểu chú Tam-Tự-Kinh.

Gia vị Tả-qui ẩm : trị chứng thận hư đầu-nhức hay như thần, và trị chứng huyễn-vựng đau mắt.

熟地	Thục-địa	7,8 ch
茱肉	Thù-nhục	3 ch
懷山	Hoài-sơn	3 ch
茯苓	Phục-linh	3 ch
枸杞	Cẩu-kỷ	3 ch
肉蓯蓉	Nhục-thung-dung rửa rượu	4 ch
細辛	Tế-tân	1 ch
炙草	Chích-thảo	1 ch
川芎	Xuyên-khung	2 ch

ba chén nước sắc còn tám phân uống nóng.

Chính-nguyên đan : trị mạnh-môn hỏa suy không sanh được tỳ, sanh ra chứng thổ lợi quyết lãnh, có khi âm hỏa đưa lên thì đầu mặt đỏ nóng sây sẩm, bợn dạ trọc khí

TimSách

đưa lên, bụng sườn đau nhức, rốn và bụng dưới trướng lên.

人參 Nhân-sâm 3 lạng, bỏ chung với 1 lạng phụ-tử vào sắc vừa hết nước rồi bỏ phụ-tử.

黃芪 Hoàng-kỳ 1 lạng rưỡi bỏ chung với 1 lạng Xuyên-khung đổ rượu vào sắc vừa cạn rượu bỏ Xuyên-khung.

白朮 Bạch truật 2 lạng bỏ chung với 5 chỉ Trần-bì sắc vừa hết nước bỏ Trần-bì.

山藥 Sơn-dược 1 lạng bỏ chung với 3 chỉ Cân-khương sắc vừa hết nước bỏ Càn-khương.

茯苓 Phục-linh 2 lạng bỏ chung với 6 chỉ Nhục quế chưng với rượu vừa khô bỏ quế rồi phơi cho khô, kỵ lửa.

甘草 Cam-thảo 1 lạng rưỡi bỏ chung với 1 lạng Ô-dược sắc sôi nước rồi bỏ Ô-dược.

Sáu vị trừ vị Phục-linh đem bồi lửa cho khô lần lần chớ đừng sao làm thương tánh thuốc, đem tán nhỏ mỗi lần dùng 3 chỉ đổ một chén nước với 3 lát gừng 1 trái táo đỏ nấu cho sôi vài lần rồi bỏ một chút muối vào hòa với cặn mà uống, uống rồi uống 1 chén rượu nóng để trợ sức thuốc

TimSách

Ẩu, Thổ, Yết thứ 16

嘔吐噦 皆屬胃 Ẩu, Thổ, Yết giai thuộc vị (Ói mửa, ợ đều thuộc về vị « bao tử »)

Ẩu là ói ra nước mà không có món ăn, thổ là mửa ra món ăn mà không có nước, còn ẩu thổ là mửa ói vừa món ăn và nước, yết là ợ ra mùi hôi thối, ói khan là trong miệng có hơi hôi thối mà sanh ra ói khan, những chứng ấy đều thuộc về vị (bao tử).

二陳加 時醫貴 Nhị-trần gia, Thời-y quý (Thang Nhị-trần gia gừng, Thời-y lấy làm quý).

Thang Nhị-trần gia nhiều gừng sống là thứ thuốc an vị giáng nghịch, lạnh thì gia Đinh-hương Sa-nhân ; nóng thì gia những loại Hoàng-liên Trúc-nhự tươi và Thạch-hộc.

小柴胡 少陽謂 Tiểu Sài-hồ, Thiếu-dương vị, (Thang Tiểu Sài-hồ, thuộc kinh Thiếu-dương)

Khi nóng khi lạnh mà ói, tức là thuộc về kinh Thiếu-dương.

吳茱萸 平酸味 Ngô-thù-du, bình-toan vị, (Thang Ngô-thù-du, bình mùi chua)

Thang Ngô-thù-du trị về kinh Dương-minh là khi ăn rồi muốn ói ra ; lại về chứng Thiếu-âm chân tay lạnh ngắt

TimSách

và thổ lợi nóng nảy buồn bực muốn chết, lại trị về chứng ói khan và thổ ra nhớt rãi. Chứng này ói mửa có nhiều hơi chua.

食已吐 胃熱沸 Thực dĩ thổ, vị nhiệt phí. (Ăn rồi thổ liền, là vị nóng sôi)

Ăn rồi thổ ra liền là trong vị của người đó sẵn có chất nóng gặp món ăn vào hai thứ nóng xông lên cho nên món ăn không để được phải thổ ra liền.

黃芩湯 下其氣 Hoàng-thảo thang, hạ kỳ khí. (Uống thang Hoàng-thảo, cho hạ khí xuống).

Thang Đại-hoàng, Cam-thảo trị chứng ăn rồi thổ ra liền. Kim-quỹ nói rằng : chứng muốn thổ thì không nên hạ, Lại nói : ăn rồi thổ liền thì cho uống thang Đại-hoàng Cam-thảo để cho hạ là nghĩa làm sao ? Đáp rằng : bệnh ở trên mà muốn thổ thì phải nhân nheo mà cho thổ, nếu trái mà cho hạ thì lại càng thêm rối loạn. Còn đã thổ rồi mà thổ hoài không thôi tức là chỉ có lên mà không xuống, thì lại phải cho ha xuống.

食不入 火堪畏 Thực bất nhập, hỏa kham úy. (An không vô được, là do hỏa mạnh)

Ông Vương-Thái-Bộc nói rằng : ăn mà không vô được thế là có hỏa.

黃連湯 爲經緯 Hoàng-liên thang, vi kinh vĩ. (Dùng thang Hoàng-liên mà xoay sở).

Ông Dụ-Gia-Ngôn hay dùng thang Tiến-thoái Hoàng-liên, Ông Kha-Vận-Bá chỉ dùng thang Càn-khương Hoàng-liên Hoàng-cầm Nhân-sâm. Xét ra thang Tả-tâm cũng có

TimSách

thể dùng được, cứ mấy thang đó đem ra xoay sở mà dùng được cả.

若呃逆 代赭彙 Nhược ách nghịch, Đại-giả vị. (Nếu ánh nghịch, dùng thang Đại-giả)

Thang Đại-giả Toàn-phúc trị hơi ợ tức là trị chứng ách nghịch Nếu bệnh lâu ngày mà ách nghịch tức là vị khí gần tuyệt, phải dùng Nhân-sâm 1 lạng, Càn-khương Phụ-tử mỗi vị 3 chỉ, Đinh-hương Thị-đế mỗi vị 1 chỉ sắc cho uống, may ra trong mười người có thể cứu được một người.

TimSách

PHƯƠNG-THUỐC TRỊ VỀ BỆNH ẨU, YẾT, THỔ

Nhị-trần thang :

半夏	Bán-hạ	2 ch
茯苓	Phục-linh	3 ch
陳皮	Trần-bì	1 ch
炙草	Chích-thảo	1 ch

Gia 3 lát gừng sống, đổ hai chén nước còn 8 phân uống. Phép gia giảm đã chua ở Tam-Tự-Kinh,

Tiểu Sài-hồ thang (coi ở mục Thương-hàn)

Ngô-thù-du thang (coi ở mục Cách-thực Phiên-vị)

Đại hoàng Cam-thảo thang (Kim quỹ)

Trị chứng ăn rồi thổ liền :

大黃	Đại-hoàng	5 ch
甘草	Cam-thảo	1, ch 5

Đổ 2 chén nước sắc còn 8 phân uống.

Càn-khương Hoàng-liên Hoàng-cầm Nhân-sâm thang (Trọng-Cảnh)

Phàm những bệnh Ẩu phát nóng mà uống những vị Hương, Sa, Quất, Bán mà không chịu thì uống thang nầy hay như thần :

TimSách

Càn-khương không sao, Hoàng-liên, Hoàng-cầm Nhân-sâm mỗi vị 1 chỉ rưỡi đổ 1 chén rưỡi nước sắc còn 7 phân uống.

Tiến-thoái Hoàng-liên thang :

黃 連	Hoàng-liên (tẩm nước gừng sao)	1	ch 5
干 羌	Càn-khương	1	ch 5
人 參	Nhân-sâm (tẩm sữa người sao)	1	ch 5
桂 枝	Quế-chi	1	ch 5
製 半 夏	Bán-hạ-chế	1	ch 5
大 棗	Đại tảo	2	trái

Tiến-pháp là : dùng nguyên phương không chế, đổ 3 chén nước trà sắc còn 1 chén uống nóng.

Thoái pháp là : không dùng quế-chi, còn Hoàng-liên bớt đi một nửa hoặc gia Nhục-quế 5 phân theo phép chế như trên rồi sắc uống.

Nhưng sáng sớm uống 3 chỉ Thôi-thị Bát-vị hoàn tới lúc đói sẽ uống thuốc sắc.

TimSách

KÍNH MỜI QUÝ KHÁCH CHIÊU CỐ :

TIỆM

PHƯỚC-HÙNG

Số 29, đường Phạm Ngũ-Lão
(Cl. Grimaud cũ)

(Trước chợ Bến thành — Sau trạm chánh xe Autobus)

Đ. T. 23.664 **SAIGON**

BÁN ĐỦ VẬT-DỤNG QUÂN-TRANG

TìmSách

Điên, Cuồng, Gian thứ 17

重陽狂 重陰癲 Trọng dương cuồng, Trọng âm điên, (Trọng dương là cuồng, Trọng âm là điên)

Nội-kinh nói rằng: Nặng về chân-dương là chứng cuồng, nặng về chân-âm là chứng điên.

靜陰象 動陽宣 Tĩnh âm tượng, động dương tuyên. (Tĩnh thuộc về âm, động thuộc về dương).

Chứng Điên là khi cười, khi khóc không chừng, gặp đâu nói đó không có thứ tự, mà người thường tĩnh (im lặng); Chứng Cuồng là chửi mắng không kể người thân hay người sơ, mà người thường động (phá phách).

狂多實 疾宜豁 Cuồng đa thực, đàm nghi quyên. (Cuồng phần nhiều là thực, phải nên trừ đàm).

Trừ ngoan đàm nếu dùng khổn-đàm-hoàn gia ô-mai châu-sa cho uống, hay là thang Sinh-thiết-lạc-ẩm hay thang Đương-qui thừa-khí cũng được.

癲虛發 石補天 Điên hư phát, thạch bổ thiên. (Điên thuộc chứng hư, lấy đá vá trời)

Từ-Thạch-hoàn tức là phương-pháp lấy đá vá trời, Lạc-thị Nội-kinh thập-di dùng thang Ôn-đàm.

忽搐搦 癎病然 Hốt súc nhược. giản bệnh nhiên (Bỗng chốc co rút người lại, đó là bệnh giản)

TimSach

Chân tay co rút té xuống không hay, bỗng chốc hết, bỗng chốc đau, bệnh phát không chừng cho nên gọi là chứng giản.

五畜狀 吐痰涎 Ngũ súc trạng, thổ đàm diên (Bệnh trạng như năm giống vật, thổ ra đàm nhớt).

Phổi như tiếng chó sủa, Gan như tiếng dê ré ; Tâm như tiếng ngựa hý ; Tỳ như tiếng trâu rống , Thận như tiếng lợn kêu, mỗi lần phát bệnh thì miệng mép sùi ra nhiều đàm dãi nhớt.

有生病 歷歲年 Hữu-sinh bệnh, lịch tuế niên. (bệnh hữu-sinh, trải lâu năm).

Do khi còn ở trong bụng mẹ bị kinh mỗi lần xúc động thì phát ra, gốc bệnh khởi từ khi chưa sanh, còn ở trong bụng mẹ, chớ không phải sanh rồi mới có bệnh. Nội-kinh thập-di dùng thang Ôn-đảm để trị, còn Ông Kha-Vận-Bá dùng Từ-châu hoàn để trị).

火氣亢 簫薈平 Hỏa khí cang, Lô-hội bình. (Hỏa khí mạnh, dùng Lô-hội-hoàn mà trị).

Như hỏa-khí thịnh tất phải dùng thứ đại-hàn đại khổ để giáng xuống, nên dùng Đương-qui lô-hội hoàn mà trị.

痰積錮 丹礬穿 Đàm tích-cổ, Đan phân xuyên (Đàm-tích cứng chắc, phải dùng Đan-phàn hoàn mới thấu)

Đan-phân hoàn mới thấu vào trong tâm bào-lạc để đưa những đàm rãi nhớt theo đường đại tiện mà ra. Nhưng không bằng dùng Từ-châu hoàn còn hay hơn.

三證本 厥陰愆 Tam chứng bản, Quyết âm khiên : (Gốc ba chứng, là gốc ở quyết-âm)

TimSách

Những phép trị ở trên mà các Thời-y tập dùng mà không thấy hiệu, là vì không biết cái gốc ở quyết-âm. Quyết âm thuộc phong-mộc cùng với Thiếu-dương Tướng-hỏa cùng ở một chỗ, cái khí của Quyết-âm nghịch lên thì các khí đều nghịch, khí đã nghịch thì hỏa phát, hỏa phát thì phong sanh, phong sanh thì mộc cậy thế đó mà hại thổ, đã bệnh thì động dịch (nước) mà thành đàm, đàm thành rồi dồn cả vào tâm mà làm ra những chứng ở trên.

體用變 標本遷 Thể dụng biến, tiêu bản thiên (Thể dụng biến, thì tiêu bản phải dời đổi).

Gốc vốn là âm, mà thể thì nóng,

伏所主 所因先 Phục sở chủ, sở nhân tiên: (Phục sở chủ của bệnh, trước sở nhân của bệnh)

收散互 逆從連 Thu tán hỗ, nghịch tòng liên (Hoặc thu, hoặc tán, hoặc nghịch, hoặc tòng, đàng nào lợi thì làm)

和中氣 妙轉旋 Hòa trung khí, diệu chuyển toàn (Hòa trung khí, khéo vần xoay).

Điều-trung-khí cho được hoà bình. Từ câu Phục-sở chủ tới đây, những tiểu-chú toàn là nguyên-văn của Nội-kinh, chuyển toàn là ý nói tâm, thủ linh-hoạt để xoay vần, cốt yếu là điều-hòa trung-khí, trung-khí tức là thổ-khí, tri can nên lấy ở dương-minh để chế bớt cái khí khinh lờn thổ.

悟到此 治立痊 Ngộ đáo thử, tri lập thuyên (Hiểu được như vậy, mới trị hết được bệnh)

Cái chứng bệnh ấy tuy rằng trị được, nhưng mình không hiểu cách trị cũng không hết bệnh được.

TimSách

NHỮNG PHƯƠNG THUỐC TRỊ VỀ CHỨNG ĐIÊN, CUỒNG, GIẢN,

Khổn-đàm hoàn : của Ông Vương Ấn Quân (trị những chứng thực đàm. Đàn bà có thai không nên uống)

青礞石 Thanh-mông-thạch 3 lạng

Tán nhỏ bằng hột gạo bỏ chung với 3 lạng Diêm-tiêu vào nồi đất mới đậy nắp lấy giây kẽm cột chặt lại, rồi lấy bùn và muối nhào lộn trát cho kín đem nung qua rồi đem ra tán nhỏ lấy nước phi còn lại 2 lạng.

沉香 Trầm-hương 1 lạng tán riêng

川大黃 Xuyên đại-hoàng chưng rượu 8 lạng

黃芩 Hoàng cầm sao 8 lạng

Bỏ chung các vị vào tán nhỏ làm hoàn lớn bằng hột đậu xanh, mỗi lần uống 1 chỉ cho tới 2 chỉ triêu với nước sôi nóng.

生鐵洛飲 Sanh thiết lạc ẩm : (Trị những chứng cuồng vọng không kể người thân, người sơ)

鐵洛 Thiết lạc 1 ch

Đổ 6 chén nước đun còn 3 chén rồi bỏ những vị : Thạch cao 1 lạng, Long-sỉ, Phục-linh, Phòng-phong, mỗi vị 7 phân Hắc-sâm, Tần-giao mỗi vị 5 chỉ vào sắc còn 1 chén, uống mỗi ngày 2 lần.

TimSách

Đương-qui thừa-khí thang : Phương bí truyền (Trị đàn ông, đàn bà bị đảm mê tâm khiếu mà nhảy tường, leo vách, nói nhảm chạy lung tung)

歸尾	Qui vĩ	1	lạng
大黃	Đại-hoàng rửa bằng rượu,	5	ch
只實	Chỉ-thực,	5	ch
厚朴	Hậu-phác,	5	ch
芒硝	Mang-tiêu	5	ch
炙草	Chích-thảo	3	ch

Đổ 2 chén nước sắc còn 8 phân uống.

Ôn-đảm thang tức là thang Nhị-trần gia chỉ-thực, Tiên-trúc-nhự mỗi vị 2 chỉ, hoặc bỏ thêm 1 phân Phi-phàn sắc uống.

Lạc-thị Nội-Kinh thập-dị nói rằng : cái chứng Điên Cuồng là do đảm nhớt rưới trong bụng, cho nên thần không giữ nhà, thì nên ôn đảm, cũng là trị cả chứng giản.

Đương-qui long hội hoàn :

Tự can-kinh thực hỏa, đại tiện bí kết, tiểu tiện sáp trệ hoặc hung cách đau đau nhức, âm nang thũng trướng, phàm thuộc về chứng can-kinh thực hỏa đều dùng được cả.

Ông Diệp-Thiên-Sĩ nói rằng : Khi tức giận lên thì động tới năm chí, dương việt không chế được, cuồng loạn không kể người thân người sơ, nếu không có thứ thuốc đắng để giáng xuống thì không thể thanh sảng được thần.

Đương-qui, Long-đảm-thảo, Chi-tử-nhân, Hoàng-bá, Hoàng-liên, Hoàng-cầm mỗi vị 1 lạng ; Đại-hoàng, Lô-

TimSách

hội, Thanh-đại mỗi vị 5 chỉ ; Mộc-hương 2 chỉ rưỡi ; Xạ-hương 5 phân tán riêng, đem tán nhỏ lấy Thần-khúc hồ làm hoàn, mỗi lần uống 20 viên với nước gừng.

Đan-phàn hoàn (Y-Thông)

Trị 5 chứng giản.

黄丹	Hoàng-đan	1 lạng
白礬	Bạch-phàn	2 lạng

Hai vị đem bỏ vào trong nồi bằng bạc đem nướng cho đỏ rồi đem ra tán nhỏ nhào chung với 1 lạng Lạp-trà lấy máu tim con heo làm hoàn, lấy vị Châu-sa làm áo ngoài, mỗi lần uống 30 viên với nước trà, uống lâu ngày tự nhiên đàm nhớt ra, uống chừng nửa tháng rồi lấy thuốc an thần mà điều phục.

Xét ra máu tim con heo không dính phải cho thêm một ít mật vào mới viên được.

Từ-châu hoàn : Trị chứng Điên Cuồng Giản hay như thần.

磁石	Từ-thạch	2 lạng
硃砂	Châu-sa	1 lạng
六神曲	Lục-thần-khúc	3 lạng

để sống mà tán. Các vị đem tán nhỏ rồi lấy 1 lạng. Lục-thần-khúc hoà với nước đun sôi keo lại như bánh bỏ chung vào thuốc tán, gia thêm mật nhào lại làm hoàn bằng hột mè lớn, uống mỗi lần 2 chỉ với nước sôi.

Coi lời giải ở trong bộ Thời-phương Ca-quát.

TimSách

Ngũ-lâm Long-bế Xích-bạch-trọc · Di-tinh thứ 18

五淋病皆熱結 Ngũ-lâm bệnh, giai-nhiệt kết (Bệnh Ngũ-lâm đều bởi nhiệt kết).

Lâm là đi tiểu tiện đau sáp dầm dề, muốn đái mà không đái được, muốn thôi mà không thôi được, là đều bởi nhiệt kết ở bàng-quang.

膏石勞氣與血 Cao-thạch-lao, khí giữ huyết (Cao, thạch, lao, khí với huyết)

Thạch-lâm là đi đái ra như cát sỏi, Cao-lâm là đi đái như cao như mỡ, Lao-lâm là bởi lao lực mà ra, Khí-lâm là bởi khí trệ không thông, dưới rốn đau lăn tăn, Huyết lâm là bởi ứ huyết đọng lại, đau nhức ở trong ống đái.

五淋湯是秘訣 Ngũ lâm thang, thị bí quyết (Thang Ngũ lâm, đó là bí quyết)

Chứng thạch lâm uống thang này với vị Phát-hôi, Hoạt thạch, Thạch thủ, Ngữ đầu nội thạch nghiền nhỏ, Cao lâm uống thang này hợp với Ty-giải phân thanh ẩm ; Khí lâm gia Kinh giới Hương phụ, Sinh-mạch-nha mà uống, không khỏi gia Thăng-ma hay là cho thổ, Lao lâm cũng thang ấy hợp với thang Bổ-trung ích-khí mà uống, Huyết lâm gia ngưu-

TimSách

tất, Uất-kim, Đào-nhân và cho một chút Xạ-hương vào mà uống nóng.

敗精淋 加味嗄 Bại tinh lâm, gia vị xuyết: (Nếu bại-tinh lâm, nên gia vị mà uống)

Uống nhiều những thuốc kim thạch cùng với người già chân dương đã yếu mà còn tưởng sắc-dục để giáng tinh cho tới nỗi bại ở trong mà thành chứng lâm, vậy phải nên uống thang trước gia vị Ty-giải, Thạch-xương-bồ, Thỏ-ty-tử để dẫn đạo.

外冷淋 腎氣咽 Ngoại lãnh lâm, Thận-khí yết (Ngoài ra chứng lãnh lâm. phải uống Thận-khí hoàn)

Ngoài chứng Ngũ-lâm lại còn có chứng lãnh-lâm, chứng đó ở bên ngoài sợ lạnh mà ưa uống nước nóng, nên cho uống Gia-vị Thận-khí hoàn với chút nước muối.

點滴無 名癃閉 Điểm trích vô, danh Long-bế (Đi đái ra từng giọt, thế là chứng long-bế)

Đi tiểu-tiện ra từng giọt không thông cùng với chứng ngũ-lâm đi đái chút một khác nhau.

氣道調 江河決 Khí đạo điều, Giang-hà quyết. (Phải điều đường khí, cũng như khoi sông)

Cũng uống thang trước gia thêm những vị thuốc hòa khí, hay là uống Tư-thận hoàn rất hiệu, ông Mạnh-Tử nói rằng: cũng như khoi sông thì nước ầm ầm chảy xuống không thể ngăn được, dẫn lời nói đó cũng tỷ như đi đái được thông nhiều vậy.

上竅通 下竅泄 Thượng-khiếu thông, hạ khiếu tiết (Thông lỗ ở trên, lỗ dưới chảy ra được)

Cũng như thùng đựng nước có lỗ dưới mà bít ở trên

TimSách

dẫu có treo lên cũng không chảy nước được, phải thông lỗ ở trên tự nhiên ở dưới nước chảy xuống được, vậy nên uống thang bổ-trung ích-khí rồi móc tay vào họng cho thổ ra.

外竅開水源鑒 Ngoại khiếu khai, thủy nguyên tạc (Khai lỗ bên ngoài, tức là khai nguồn nước)

Lại có phép mở lỗ ở phía ngoài, tức là mở lỗ ở phía trong, vị Ma-hoàng sức mạnh có thể thông được dương-khí tới chỗ chí-âm. Vì thế khí chủ về bì mao (da lông) chung với vị Hạnh-nhân để giáng khí xuống tới châu-đô, tức là nghĩa khoi nước phải khoi từ chỗ cao-nguyên vậy, cũng phương thuốc trước gia hai vị đó mà uống rất hiệu.

Nếu mùa Hạ, không dám dùng vị Ma-hoàng thì lấy những vị Tô-diệp, Phòng-phong, Hạnh-nhân đem sắc mà uống nóng trùm mền cho ra mồ hôi một chút thì đi đái được liền. Còn người hư lấy vị Nhân-sâm Ma-hoàng mỗi vị một lượng đem sắc uống rất thần hiệu.

分利多醫便錯 Phân lợi đa, y tiện thác (cho uống lợi thủy nhiều, đó là lầm lỗi của người trị bệnh)

Càng cho uống lợi thủy bao nhiêu thì càng bế tắc bấy nhiêu.

濁又殊竅道別 Trọc hựu thù, khiếu đạo biệt (Đi tiểu đục lại khác, hai đường lỗ khác nhau)

Đi nước tiểu do ở lỗ đi đái mà ra, còn đi ra nước đục là do ở lỗ tinh mà ra.

前飲投精愈涸 Tiền-ẩm-đầu tinh-dũ hạt (Cho uống phương trước, thì tinh-khí càng khô cạn)

Vì đi đái càng nhiều thì tinh-khí càng hư.

TimSách

腎套談 理脾恪 Thận sáo đàm, Lý-tỳ khác (Chỉ bàn về thận, phải trị ở tỳ)

Trị bệnh trọc chỉ dùng thứ thuốc về thận mà không hiệu là bởi tỳ chủ Thổ, thổ bệnh thì thấp nhiệt rót xuống thì nước tiểu đục ngầu ; thấp nhiều hơn nhiệt thì thành ra bạch trọc ; nhiệt nhiều hơn thấp thành ra xích-trọc, thấp nhiệt hết thì nước đục hóa trong vậy.

分清飲 佐黃栢 Phân-thanh-âm, tá Hoàng-bá (Uống về phân-thanh, thêm vị Hoàng-bá)

Uống tỵ-giải phân-thanh-ẩm gia Thương-truật, Bạch-truật lại gia Hoàng-bá là ý dắng để ráo thấp, lạnh để trừ nhiệt.

心腎方 隨補綴 Tâm thận phương, tùy bổ chuyết (Dùng phương tâm-thận, tùy ý thêm vào)

Uống thang Lục-bát-vị gia vị thận-dược như Long-cốt, Mẫu-lệ hay thang Tứ-quân-tử gia tâm-dược là Viễn-chí tức là phương thuốc Tâm-thận cùng với phương trước gián phục (uống cách quãng)

若遺精 另有說 Nhược-di-tinh, lánh hữu thuyết (Còn bệnh di-tinh, lại trị cách khác)

Bệnh di-tinh cùng với bệnh trọc khác nhau.

有夢遺 龜胆折 Hữu mộng-di, long-đảm chiết (Mộng mà di-tinh uống thang long-đảm)

Có mộng mà di-tinh đó tức là Tướng-hỏa vượng, tôi lấy thang Long-đảm tả-can cho uống với Ngũ-bội-tử hoàn thấy công hiệu nhiều, Ông Trương-thạch-Ngoan nói rằng : can nhiệt thì hỏa dâm ở trong, hồn không giữ được, cho nên

TimSách

nhiều dâm mộng thất ttinh ; Lại phần nhiều bởi âm hư dương mới phá rối được, cho nên xuất ở những khi gần sáng là lúc dương-khí phát động, như thế thì đủ hiểu, cho uống Diệu-hương tán rất tốt.

無夢遺 十全設 Vô mộng di, thập toàn thiết (Không mộng mà di-tinh, phải uống thang thập-toàn)

Không có mộng mà di-tinh, đó là bởi khí hư không giữ được tinh, nên cho uống thang Thập-toàn đại-bổ gia Long-cốt Mẫu-lệ Liên-tu Ngũ-vị-tử Hoàng-bá làm hoàn mà uống luôn luôn.

坎離交 亦不切 Khảm-ly giao, diệc bất thiết (Ướng về khám-ly giao, cũng không ăn nhập gì)

Các Thời-y hễ gặp chứng ấy cho là tâm-thận không giao, dùng những loại Phục-linh Viễn-chí Liên-tử Tảo-nhân cũng không trúng bệnh tình, đều là những phương sáo không ăn nhập gì.

TimSách

HỒNG-PHÁT

THƯƠNG - CUỘC

194, đường Gia-Long (gần Chùa Bà) — SAIGON

Đ. T. 22.017

(góc đường Trương-công-Định và Gia-Long)

Giám-đốc Chủ hãng : Ô. VŨ-THIẾU-TUNG

- Nơi đã được tiếng là : RỪNG XE GẮN MÁY và PHỤ - TÙNG.
- Bán các hiệu xe : **SACHS MOBYLETTE SOLEX VÉLOVAP COMET.**
- Luôn luôn có nhiều xe : ĐỨC — Ý — PHÁP, KIỂU MỚI, LẠ BỀN ĐẸP.

● ĐẦY ĐỦ TÍN NHIỆM, TIẾP, ĐÓN LỄ ĐỘ.

● BUÔN BÁN ĐỨNG ĐẮN, SỬA CHỮA BẢO ĐẢM.

Và cũng là nơi đã được lòng hết thảy quý khách gần xa.

Tìm Sách

NHỮNG PHƯƠNG THUỐC TRỊ VỀ CHỨNG NGŨ-LÂM, LONG-BẾ, XÍCH-BẠCH-TRỌC, DI-TINH

Ngũ-lâm thang:

赤茯苓	Xích-phục-linh	3 ch
白芍	Bạch-thược	2 ch
山梔	Sơn-chi	2 ch
當歸	Dương-qui	1,5 ch
細甘草	Tế-cam-thảo	1,5 ch
燈心	gia Đăng-tâm	14 tấc

Sắc nước uống. Lời giải ở mục thời-phương Ca-quát.

Tư-thận-hoàn : (cũng là tên Thông-quan hoàn)
Trị những chứng đái ra từng giọt không thông và Xông-mạch đưa ngược lên làm ách thở khò-khè:

黃栢	Hoàng-bá	1 lạng
知母	Tri-mẫu	1 lạng
肉桂	Nhục-quế	1,5 ch

Ba vị bỏ chung tán nhỏ làm hoàn, mỗi hoàn bằng hột ngô lớn, mỗi lần uống 3 chỉ với nước muối lạt,

Bổ-trung-ích-khí thang :
(Phương này ở trong mục Trúng-phong)

TimSách

Trị những chứng khí-hư hạ hãm.

Ty-giải-phân-thanh ẩm : Trị về chứng bạch-trọc

川萆薢	Xuyên-ty giải	4 ch
益智仁	Ích-trí nhân	1,5 ch
烏藥	Ô-dược	1,5 ch
石菖蒲	Thạch-xương-bồ	1 ch
甘草	Cam-thảo	1,5 ch
茯苓	Phục-linh	2 ch

Đổ 2 chén nước sắc còn 8 phân bỏ một chút muối vào uống, mỗi ngày uống hai lần.

Tứ-quân-tử thang:

(Phương này coi ở mục Thời-phương ca-quát)

Chứng Bách-trọc phần nhiều bởi tâm-khí hư, chứ không nên trị về một mặt thận hư. Thang tứ-quân-tử gia Viễn-chí cho uống thấy kiến hiệu ngay.

Long-đảm tả-can thang :

Trị về chứng sườn đau, miệng đắng, tai điếc, gân yếu, âm thấp nóng ngứa; âm thũng đi tiểu bạch-trọc có lộn máu.

龍胆草	Long-đảm-thảo	3 ph
黃芩	Hoàng-cầm	1 ch
梔子	Chi-tử	1 ch
澤瀉	Trạch-tả	1 ch
木通	Mộc-thông	5 ph
當歸	Đương-qui	3 ph

TimSách

甘草	Cam-thảo	3 ph
生地	Sinh-địa	3 ph
柴胡	Sài-hồ	1 ch
車前子	Xa-tiền-tử	5 ph

Đổ 1 chén rưỡi nước sắc còn 8 phân uống.

Ngũ-bội-tử hoàn :

(Phương trị di-tinh cố thoát)

五倍子 Ngũ-bội-tử 2 lạng bỏ thanh-diêm vào chưng cho cạn khô

茯苓	Phục-linh	2 lạng

Cùng tán nhỏ nhào mật làm hoàn lớn bằng hột ngô, mỗi lần ăn 2 chỉ uống với nước muối, mỗi ngày uống 2 lần.

Diệu-hương tán :

懷山	Hoài-sơn	2 lạng
茯苓	Phục-linh	1 lạng
茯神	Phục-thần	1 lạng
遠志	Viễn-chí	1 lạng
人參	Nhân-sâm	1 lạng
龍骨	Long-cốt	1 lạng
吉更	Cát-cánh	5 ch
木香	Mộc-hương	3 ch
甘草	Cam-thảo	1 lạng
射香	Xạ-hương	1 ch
硃砂	Châu-sa	2 ch

Cùng tán nhỏ, mỗi lần uống 3 chỉ với thang nước Liên-tử.

TimSách

Sán Khí thứ 19

疝任病 歸厥陰 Sán nhậm bệnh, qui quyết-âm (Sán là nhâm bệnh, trị ở quyết-âm)

Kinh nói rằng : Nhâm-mạch làm bệnh, ngoài kết bầy thứ Sán, con gái có chứng đới hạ hà-tụ. Ông Đan-Khê chuyên trị ở quyết-âm lấy ý là gan chủ về gân.

寒筋水氣血尋 Hàn-cân thủy, khí huyết tầm (Hàn-Sán, Cân-Sán, Thủy-sán và khí-sán, Huyệt-sán)

狐出入 癩頑麻 Hồ xuất nhập, đồi ngoan ma. (Hồ thì ra vào, đồi thì tê tê)

Hồ sán là khi nằm thì lặn vào trong bụng, khi đứng thì nổi ra ngoài bụng ; Đồi-sán thì lớn như thăng đấu tê tê không biết đau.

治氣 景岳箴 Xuyên trị khí, Cảnh-Nhạc châm (Chuyên trị về khí, phép của Ông Cảnh-Nhạc)

Ông Cảnh-Nhạc nói rằng : Sán mà gọi là khí là bởi bệnh ở khí vậy, Lạnh có khí lạnh, nóng có khí nóng, thấp có khí thấp, nghịch có khí nghịch, hết thảy phải dùng khí dược.

五苓散 加減斟 Ngũ-linh tán, gia giam châm (Phương Ngũ-linh tán, liệu mà thêm bớt)

TimSách

Biệt-lục lấy phương này gia Xuyên-luyện-tử, Mộc-thông, Quất-hạch, Mộc-hương để thông trị các chứng Sán.

茴香料著醫林 Hồi-hương-liệu, trứ Y-lâm (Phương thuốc Hồi-hương, nổi tiếng trong rừng thuốc)

Phương Tam-tăng Hồi-hương hoàn trị chứng Sán, dẫu lâu tới ba mươi năm, lớn bằng cái đấu cái nồi cũng đều tan hết.

痛不已須洗淋 Thống bất dĩ, tu tẩy lâm (Đau nhức không hết, nên dùng thuốc rửa)

Âm thũng lớn đau nhức thì dùng phương Thiên-kim-dực mà rửa hay như thần (Hùng-hoang tán 1 lạng; Phàn-thạch 2 lạng; Cam-thảo 1 thước. Đổ 1 gáo nước sắc còn 2thăng đem rửa.

TimSách

NHỮNG PHƯƠNG THUỐC VỀ CHỨNG SÁN-KHÍ

Ngũ-linh tán : (của Đức Trọng-Cảnh)

Phương này trị về chứng Thái-dương : mình nóng, miệng khát tiểu tiện ít. Nay biến phân lạng mượn để trị về bệnh Sán-khí.

猪苓	Trư-linh	2 ch
澤瀉	Trạch-tả	2 ch
茯苓	Phục-linh	2 ch
肉桂	Nhục-quế	1 ch
白术	Bạch-truật	4 ch
Gia Mộc-thông, Xuyên-luyện-tử mỗi vị		1,5 ch
橘核	Quất-hạch	3 ch
木香	Mộc-hương	1 ch

Đổ 3 chén nước sắc còn 8 phân uống nóng.

Tam-tằng Hồi-hương hoàn :

(Trị hết thảy bệnh Sán-khí hay như thần).

大茴香	Đại-hồi-hương	5 ch

hòa với muối 5 chỉ sao

川楝子	Xuyên-luyện-tử	1 lạng

TimSách

沙參	Sa-sâm	1 lạng
木香	Mộc-hương	1 lạng

Cùng tán nhỏ lấy hồ hoàn, mỗi hoàn bằng hột bắp lớn mỗi lần uống 3 chi với rượu hay nước muối. Uống lúc bụng đói, uống hết lại tiếp luôn liều thứ hai theo phương trước gia Tất-bát 1 lạng, Tân-lang 5 chỉ cũng làm hoàn và phép uống như trước. Nếu chưa khỏi lại uống liều thứ ba, lại theo phương thứ hai gia thêm Phục-linh 4 lạng, Phủ-tử-bào 1 lạng cũng làm hoàn và phép uống như trước, dẫu bệnh lâu tới ba mươi năm, trong bụng lớn bằng chén, cái đầu cũng tiêu tan hết, thật là thần hiệu không thể tưởng tượng được.

Thiên-kim đực tẩy phương :

(Trị dàn ông âm thũng bằng cái đầu, trong ống đái đau nhức).

雄黃	Hùng-hoàng tán nhỏ	1 lạng
礬石	Phàn-thạch	2 lạng
Cam-thảo		7 ch

Đổ 5 chén nước sắc còn 2 chén rưỡi,

TìmSách

Thuốc dưỡng-thai

MẸ TRÒN CON VUÔNG

HIỆU KIM-ĐIỀN, BẢO ĐẢM: KHÔNG TRẢN, BÓN, ÓI, MỬA; SANH DỄ, KHÔNG ĐAU; CON CỨNG MẠNH, DỄ NUÔI, MAU LỚN.

Giá 8$

Có bán khắp nơi

Nhà thuốc : 361, Phan-đình-Phùng — Saigon

Đ. D. ST : Đ. P. PHỤNG

TìmSách

Đàm Ẩm thứ 20

痰飲源水氣作 Đàm-ẩm nguyên, thủy khí tác (Gốc bệnh đàm-ẩm, là bởi thủy khí)

Thủy khí đưa lên gặp dương nung nấu thì đặc lại mà thành đàm ; gặp âm tụ đọng lại thì loãng mà thành ẩm. Nhưng thủy về ở Thận mà thụ chế ở Tỳ, trị bệnh ấy phải lấy Tỳ thận làm chủ.

燥濕分治痰畧 Táo thấp phân, trị đàm lược (Chia ra : Táo hay Thấp, đó là cách trị đàm)

Các sách chi li (vụn vặt) không thể theo được, chỉ nên biện rõ về Táo hay Thấp mà trị, Táo đàm thì nên nhuận Phế, Thấp đàm thì nên Ôn-tỳ, đó là chốt yếu của phép trị đàm ẩm, nên tham-khảo những thiên Hư-lao khái-thấu, hoặc lão đàm nên dùng Vương-tiết-Trai hóa-đàm hoàn ; thực đàm quái chứng nên dùng Khốn-đàm hoàn.

四飲名宜斟酌 Tứ ẩm danh, nghi châm chước (Tên bệnh Tứ ẩm, nên châm chước mà trị)

Kim-Quỹ nói rằng : Người ta vốn khỏe mạnh, nay gầy ốm nước chảy vào trong ruột nghe có tiếng róc-rách, gọi là chứng Đàm-ẩm, tức nay gọi là chứng Cứu-khái đàm-xuyễn, Khi uống nước rồi, nước chảy xuống dưới bạng sườn sanh ra ho khạc nhổ đau nhức gọi là chứng Huyền-ẩm, tức nay

TimSách

gọi là chứng Đình-ẩm hiệp thống ; Uống nước rồi thấp vào tứ-chi, thì phải ra mồ hôi, mà không ra mồ hôi được, mình mẩy đau nhức nặng nề, gọi là chứng dật-ẩm, tức nay gọi là chứng phong-thủy thủy thung ; Ho ngược lên khó thở nằm không được hình như thủng, gọi là chứng Chi-ẩm. tức nay là chứng Đình-ẩm xuyễn-mãn không nằm được, Lại có chứng Chi-ẩm ở về một phía chớ không ở ngay chính giữa.

參五臟細量度 Tham ngũ tạng, Tế-lượng đạc (Coi trong năm tạng, phải đo lường cho kỹ)

Chứng Tứ ẩm chứa hết là do ẩm-tà làm nên bệnh, Phàm năm tạng có chỗ thiên hư, khi uống thì nước đọng lại tức là ở tạng không kịp phủ, phủ thuộc dương, nước ở phủ thì đi được, Kim Quỹ nói rằng : Thủy ở trái tim (tâm) trái tim chắc cứng khí vẫn không ưa nước nên không muốn uống ; Thủy ở phổi (phế) thì hay nhổ ra nhớt rãi nên muốn uống nước ; Thủy ở lá lách (tỳ) thì ít khí, mình nặng ; Thủy ở gan (gan) thì dưới sườn đầy và đau nhức ; Thủy ở thận (thận) thì bụng dưới hồi hộp.

補和攻視强弱 Bổ hòa công, thị cường nhược (Bổ, hòa, hay công, coi ngươi mạnh yếu)

Nên bổ nên công hay hòa phải coi ở bệnh tình và cũng nên coi ở thể chất ngươi mạnh hay yếu mà trị.

十六方各鑿鑿 Thập-lục phương, các tạc tạc (Mười sáu phương thuốc, đều là sáng tỏ)

1 — Quế-linh Truật-cam thang

2 — Thận-khí hoàn

3 — Cam-toại bán-hạ thang

TimSách

4 — Thập-táo thang

5 — Đại-thanh-long thang

6 — Tiểu-thanh-long thang

7 — Mộc-phòng-kỷ thang

8 — Mộc-phòng-kỷ gia. Phục-linh mang-tiêu thang

9 — Trạch-tả thang

10 — Hậu-phác Đại-hoàng thang

11 — Đình-lịch Đại-tảo tả-phế

12 — Tiểu-bán-hạ thang

13 — Kỳ-tiêu Đình-lịch hoàn

14 — Tiểu-bán-hạ gia Phục-linh

15 — Ngụ-linh tán

16 — Phụ ngoại-đài Phục-linh ẩm

溫藥和博返約 Ôn-dược hòa, bác phản ước (Lấy ôn-dược hòa, bác mà lại ước)

Kim Qũy nói rằng : bệnh Đàm thì phải lấy ôn-dược mà hòa, nên rõ bốn chữ : ôn, dược, hòa, chi, tức là độ của kim châm. Bởi vì Đàm là bệnh Thủy, Thủy về ở Thận, mà bị chế ở Tỳ, muốn cho Thủy do trong đất mà đi trở về ngòi rạch, không dùng ôn-dược để hóa khí thì không được, muốn cho thủy không tràn trề mà đắp đê để phòng-ngừa không dùng Ôn-dược để bổ Tỳ thì không thể được, như những loại Quế-linh Truật-cam thang, Thận-khí hoàn, Tiểu Bán-hạ thang. Ngũ-linh tán đều là ôn-dược cả, tức như Thập-tảo thang có 10 trái táo, Cam-toại Bán-hạ thang

TimSách

có nửa thăng Bạch-mật, Mộc-Phòng-kỷ thang có Sâm-quế, Đình-lịch thang có Đại-táo cũng đều ngụ ý ôn-hòa cả, còn như phép Công Hạ chẳng qua quyền nghi trong một thời, trước sau gì cũng không thể rời bỏ cái ý chí ôn-hòa được.

陰霾除陽光灼 Âm-mai trừ dương-quang chước (Muốn trừ âm mờ, phải cho dương sáng)

Ẩm-là âm-ta, phải cho Ly (hóa) chiếu giữa trời mới có thể lui tan được quần âm, mỗi khi tôi thường dùng Sâm-linh-Truật-Phụ gia nước gừng sống cho uống thấy hay.

滋潤流醫時錯 Tư nhuận lưu, y thời thác (Cho uống tư-nhuận, phép trị sai lầm)

Trong phương nếu lầm cho Địa-hoàng Mạch-đông Ngũ-vị vào để phụ họa chân âm, thì âm mờ càng xông lên, ẩm-tà đầy rẫy không sao cứu được, tức như phương Thận-khí hoàn cũng nên cẩn-thận mà dùng.

真武湯水歸壑 Chân-vũ thang, thủy quy hác (Dùng thang Chân-vũ, dẫn nước về ngòi)

Trong Phương lấy Phục-linh vị dạm để khơi, Bạch-truật vị táo để chế, Sanh-khương vị cay để đưa đi, Bạch-thược vị đắng để tiết, dược vị Phụ-tử để đưa nước về ngòi.

白散方窺秘鑰 Bạch-tán phương, khuy bí thược (Phương Tam-nhân-Bạch tán, thấu rõ cốt-yếu)

Cải công-hiệu của phương Tam-nhân-bạch tán, Ông Giụ-Gia-Ngôn giải-thích rất rõ ở trong Ý-môn Pháp-luật, môn Trúng phong.

TimSách

NHỮNG PHƯƠNG THUỐC VỀ CHỨNG ĐÀM-ẨM

Vương-tiết-trai hóa-đàm-hoàn :

(Trị chứng tân-dịch bị hoả nung nấu keo đục uất kết thành đàm đã thâm căn cố đế, lấy thuốc này trị lần lần.)

香附	Hương-phụ (tẩm đồng-tiện sao)	5 ch
橘紅	Quất hồng	1 lạng
瓜蔞仁	Qua lâu nhân	1 lạng
黃芩	Hoàng cầm (soa rượu)	1 lạng
天冬門	Thiên đông-môn	1 lạng
海粉	Hải phấn	1 lạng
青黛	Thanh-đại	3 ch
芒硝	Mang tiêu (tán riêng)	3 ch
吉更	Cát-cánh	5 ch
連翹	Liên kiều	5 ch

Cùng tán nhỏ luyện mật cho chút nước gừng sống làm hoàn, mỗi lần uống 2 chỉ với nước gừng.

Quế-linh-truật-cam thang (kim-quỹ).

(Trị chứng bụng sườn đầy, mắt mờ và trị chứng ẩm-tà ngăn trệ dương-khí của Tâm, phế khiến cho hơi thở ra ngắn.)

TimSách

Thận-khí hoàn : (Trị chứng ẩm-tà ngăn-trệ âm-khí của Can, Thận khiến cho hơi hút vào ngắn.)

Hai phương này chưa ở trong mục Suyễn-chứng.

Cam Toại Bàn Hạ thang :(Kim-Quỹ)

Trị chứng ẩm-tà liên miên không giứt, bụng đưới cứng và đầy.

甘遂 -	Cam-toại lớn	3 mai
半夏 -	Bán hạ chế	12 hột
芍藥	Thược-dược	3 ch
甘草	Cam-thảo	1,5 ch

Đổ hai chén nước sắc còn 1 chén bỏ bã đi rồi đổ nửa chén mật vào nấu còn 8 phân uống.

Trình-thị nói rằng : Nước lưu lại thì cho chảy đi dùng Cam-toại để khoi nước, kết lại thì cho tan ra, dùng Bán-hạ để tan đàm, vị Cam-toại mạnh sợ rằng quá hành thủy, nên lấy cam thảo Bạch-mật 2 vị ngọt chắc, Thược-dược vị đắng để hoãn bớt lại, tuy rằng Cam-thảo Cam toại 2 vị phản nhau, nhưng thực ra để sai khiến nhau, đó là phép khổ Kiên, Cam, hoãn ước vậy.

Vưu-thị nói rằng : Vị Cam thảo và Cam toại phản nhau mà cùng dùng với nhau, đó là muốn một lần trị mà chứng lưu ẩn hết luôn, nhân cùng khích mà cùng nên vậy vị Thược-dược Bạch-mật không những là an trung mà lại còn hoãn được vị độc nữa.

Thập-Tảo thang (Kim quỹ)

(Trị chứng huyễn ẩm đau ở trong, cũng trị cả chứng chi ẩm nữa phương thuốc này chua ở trong mục Phúc thống)

TimSách

Đại-thanh-long thang (Kim quỹ)

(Trị về bệnh dật ẩm thuộc kinh biểu, thuộc nhiệt, uống phương này cho mát)

Tiểu-thanh-long thang (Kim quỹ)

(Trị bệnh dật ẩm thuộc kinh biểu, thuộc hàn, uống phương này cho ôn. (2 phương trên đây đều chua ở trong mục thương-hàn).

Mộc-phòng-kỷ thang (Kim quỹ)

Cách trung của người ta trong trẻo như Thái-không, nếu bị cái khí của chi ẩm đè nén thì sanh ra đầy, xuyễn mà bĩ cứng, sắc mặt đen sạm, mạch cũng trầm khẩn, đã bị ba mươi bữa mà cho thổ cho hạ đều không khỏi, thì nên lấy thang này để mở cái kết của Tam tiêu, để thông cái khí của trên dưới.

木防己	Mộc-phòng kỷ	3 ch
石膏	Thạch cao	6 ch
桂枝	Quế-chi	2 ch
人參	Nhân-sâm	4 ch

Đổ 2 chén nước sắc còn 8 phần uống nóng.

Mộc-phòng-kỷ thang khử Thạch-cao gia Phục-linh Mang-tiêu-thang (Kim-quỹ)

Vì cho thổ, hạ rồi thủy-tà nhân hư mà kết lại cho uống phương trước hết liền, nếu thủy-tà thực kết dẫu có hết rồi ba bữa lại phát, cho nên dùng thang này bỏ vị Thạch-cao hàn, gia vị Phục-linh thấu suốt tới thủy-đạo, Mang-tiêu để mở chỗ kết cứng vậy.

TimSách

木防己	Mộc-phòng kỷ	2 ch
桂枝	Quế-chi	2 ch
茯苓	Phục-linh	4 ch
人參	Nhân-sâm	4 ch
芒硝	Mang-tiêu	2,5 ch

Đổ 2 chén nước sắc còn 7 phân, bỏ bã, bỏ Mang-tiêu vào đun nóng uống, tiện lợi một chút là khỏi.

Trạch-tả thang (Kim-quỹ)

Chi-ẩm tuy không ở chính giữa, mà sát cạnh với trái tim, ẩm-tà trên lấn cái ngôi của thanh-dương, làm cho người tinh-thần mờ mịt như có vật gì che trước mắt thì cho uống thang này.

澤瀉	Trạch-tả	5 ch
白术	Bạch-truật	2 ch

Đổ 2 chén nước sắc còn 7 phân uống nóng.

Hậu-phác Đại-hoàng thang : (Kim-quỹ)

(Trị chứng chỉ-ẩm bụng đầy, phải đuổi theo đại-tiện mà ra.)

厚朴	Hậu-phác	2 ch
大黃	Đại-hoàng	3 ch
只實	Chỉ-thực	1,5 ch

Đổ 2 chén nước sắc còn 7 phân uống nóng.

Đình-lịch Đại-tảo tả-phế thang : (Kim-Quỹ)

(Trị chứng chi-ẩm không dừng (phương thuốc này

TimSách

chua ở trong mục Khí-suyễn)

Tiểu bán-hạ thang (Kim quỹ)

Trị chừng bụng dưới chi ẩm, nôn ói mà không khát.

半夏	Bán-hạ	4 ch
生姜	Sanh-khương	8 ch

Đổ 2 chén nước sắc còn 8 phân uống nóng.

Kỷ-tiêu-lịch hoàng hoàn (Kim-quỹ)

(Trị chứng bụng đầy, miệng lưỡi khô ráo, trong ruột có hơi nước).

防己 Phòng-kỷ 椒目 Tiêu-mục 葶藶 Đình-lịch 大黃 Đại-hoàng, mỗi vị một lạng cùng tán nhỏ luyện mật làm hoàn bằng hột ngô lớn, mỗi ngày uống ba lần, mỗi lần uống một hoàn trước khi ăn, lần lần uống thêm lên, trong miệng có tân-dịch mà khát nước thì gia nửa lạng mang-tiêu.

Trình-thị nói rằng : Vị Phòng-kỷ Tiêu-mục là đưa chứng ẩm ở trước, trong, thì theo tiểu tiện mà ra, đầy chứng ẩm ở sau, đục, thì theo đại-tiện mà xuống, đó là trước sau phân tiêu thì bớt đầy bụng mà thủy ẩm đi được, Tỳ khí chuyển mà tân dịch sanh ra được.

Tiểu-bán-hạ gia Phục-linh thang (Kim-qũy)

(Trị chứng bỗng chốc ói mửa, bụng dưới bĩ, chỗ cách có hơi nước, tức là thang Tiểu-bán-hạ gia Phục-linh 4 chỉ).

Ngũ-linh-tán : (Kim quỹ)

Trị chứng dưới rốn hồi hộp thổ ra nhớt rãi mà điên huyễn đó là bởi thủy.

TimSách

澤瀉	Trạch-tả	1 lang 2 ch
猪苓	Trư-linh	7 ch
茯苓	Phục-linh	7 ch
白术	Bạch-truật	7 ch
桂枝	Quế-chi	5 ch

Cùng tán nhỏ, mỗi ngày uống 3 lần, mỗi lần uống một muỗng với nước nóng, mồ hôi ra thì khỏi.

Xét ra chứng dưới rốn hơi động nên bỏ vị Bạch-truật mà uống hoàn Lý-trung gia Quế mới phải. Nhưng đây vì thổ ra nhớt rãi là bởi thủy khí thạnh tất phải có vị Bạch-truật khổ táo mới có thể chế được thủy, còn điên huyễn là bởi thấp khí ở Thổ hóa làm âm mai, tất phải có vị Bạch-truật ôn táo mới có thể thắng được chứng Thấp, phép dùng thuốc phải có thông biến.

Phụ phương : Ngoại-đài Phục-linh ẩm :

(Trị chứng tích ẩm đã hết, mà hư khí đầy lấp ở trong không ăn được, chứng này rất nhiều, dùng phương thuốc này rất thần diệu.

茯苓	Phục-linh	1,5 ch
人參	Nhân-sâm	1,5 ch
白术	Bạch-truật	1,5 ch
橘皮	Quất-bì	1,5 ch
只實	Chỉ-thực	1 ch
生羌	Sanh-khương	2 ch

TimSách

Đổ 2 chén nước sắc còn 7 phân uống nóng, mỗi ngày uống 3 lần.

Ông Từ-Trung-Khả nói rằng : Tục cho rằng vị Trần bì giảm bớt sức Sâm lại còn gia Chỉ thực nữa đó là cách trị cả bổ lẫn tả thật là thần diệu.

Tam-nhân Bạch Tán :

滑石	Hoạt-thạch	5 ch
半夏	Bán-hạ	2,5 ch
附子	Phụ-tử	2,5 ch

Cùng tán nhỏ mỗi lần uống 5 chỉ với 3 lát gừng sống và 3 chỉ mật đồ 1 chén rưỡi nước đun sôi còn 7 phân uống nóng.

TimSách

SÁNG LẬP 1924

QUANG-VIỆN

LUNA

TIỆM CHÁNH : *81, đại lộ Nguyễn - Huệ*
Đ. T. 21.289 SAIGON
CHI - NGÁNH : *129, Lê - thánh - Tôn — SAIGON*

- **PHÒNG THỬ MẮT ĐẦY ĐỦ DỤNG - CỤ TỐI - TÂN**
- **XƯỞNG MÁY CHẾ TẠO CÁC LOẠI KÍNH THUỐC DUY NHẤT VIỆT-NAM**

Một nhà kinh rất tín-nhiệm do :

Giám đốc TRẦN - VĂN - PHI
Opticien diplomé d'Etat et d'ESO
F. I. Ingénieur de l'Institut d'Optique de Paris

Chúng tôi là đại-diện và giám-khảo cho trường :
INSTITUT CENTRAL D'OPTIQUE DE PARIS
dạy Quang-học Nhản-kính theo lối gửi thư.
Biên thư hỏi điều lệ.

TìmSách

Tiêu Khát thứ 21

消渴證 津液乾 Tiêu-khát chứng, Tân-dịch càn (Chứng tiêu-khát, tân-dịch khô)

Miệng khát nước hoài là thượng-tiêu, lấy thang Nhân-sâm Bạch-hổ mà trị, ăn rồi đói liền là trung-tiêu, lấy thang Điều-vị thừa-khí mà trị, lần uống lần đái, nước tiểu như keo là hạ-tiêu, lấy Thận-khí-hoàn mà trị, thực ra đều là bệnh tân-dịch khô ráo vậy.

七味飲 一服安 Thất vị ẩm, nhất phục an (dùng thất-vị-ẩm, uống một lần yên)

Ông Triệu-dưỡng-Qùy thay đổi phương-pháp, ông nói rằng : trị chứng tiêu khát không cần phân ra Thượng, trung, hạ, hễ thấy khát nhiều táo nhiều nên dùng liều Lục vị hoàn 1 cân, Nhục quế 1 lạng, Ngũ vị tử 1 lạng đổ 7 chén nước đun sôi một chặp lâu, để nguội rồi uống, ngủ một giấc dậy như hết chứng khát, còn những thang Bạch hổ, thừa khí đều không trị được.

金匱法 別三般 Kim quy pháp, biệt tam ban (Phép của Kim quỹ, chia làm ba thứ)

Hay ăn mà khát là trọng ở Nhị-dương, bởi vì Thủ thái-dương chủ về tân dịch, Túc thái-dương chủ về huyết. Lần uống lần đái là trọng ở Thiếu-ẩm, bởi vì Thận khí hư

TimSách

không thể thâu nhiếp được, cho nên nước chảy thẳng xuống dưới, Thận khí hư không thể nung nấu cho nước đưa lên trên. Không hay ăn mà khí đưa lên là trọng ở Quyết-âm bởi vì Can hỏa ở trong mình người ta nó nung đốt dữ tợn làm hao thương tân dịch mà làm ra chứng tiêu khát. Kim-quỹ luận trị về chứng tiêu khát mở miệng đã nêu ra cái ý đó để bổ vào trong Nội kinh chưa nói đến, vậy thì không còn ngờ là sai lầm nữa.

二陽病治多端 Nhị dương bệnh, trị đa đoan (Chứng bệnh Nhị-dương, trị có nhiều mối).

Lao thương vinh vệ uất mà thành nhiệt, thang Chích Cam-thảo có thể dùng được, ông Dụ-Gia-Ngôn dùng thang Thanh-táo tức là biến cam-ôn làm cam-hàn vậy, khí nóng nung nấu trong bụng thì dùng thang Nhân-sâm Bạch-hổ, Kim-quỹ dùng thang mạch-môn tức là biến cam-hàn làm cam bình vậy, tiêu cốc mà bụng cứng chắc thì dùng Ma nhân hoàn gia Đương-quy Cam-thảo Nhân-sâm, hay ở trong chỗ tư dịch mà công chỗ cứng chắc, bởi vì bụng cứng chắc thì không thể tiêu nước được, cũng như lấy nước mà đổ lên đá, nước chảy đi mà đá vẫn tự nhiên vậy. Chứng Tiêu là thuộc hỏa, Hỏa uất ở trong là đủ tiêu thủy, những nước uống có thể đỡ khát, chỉ vì trong khô cứng không để cho nước thấm nhuần thì nước lại theo thế lửa mà chảy tuột xuống Bàng-quang, cho nên tiểu-tiện luôn, càng đái luôn lại càng chắc cứng, càng chắc cứng thì lại càng tiêu vậy. Luận của ông Dụ-gia Ngôn về chứng này rất tinh.

少陰病腎氣寒 Thiếu âm bệnh, Thận khí hàn (Bệnh về Thiếu âm, do Thận khí lạnh)

TimSách

Uống nước nhiều mà tiểu tiện ít, tên là Thượng-tiêu, ăn cơm nhiều mà đại tiện cứng, tên là thực-tiêu cũng tên là Trung-tiêu, Thượng Hạ hai tiêu đều thuộc nhiệt, duy chứng Hạ-tiêu uống rồi đái liền là bởi ở trong có Hỏa hóa, mới rõ là Thận khí hàn, cho nên phải dùng Thận khí hoàn.

厥陰病烏梅丸 Quyết âm bệnh, ô mai hoàn (Bệnh về quyết-âm, phải dùng ô-mai hoàn).

Trong phương dùng đủ cả vị ngọt, cay, đắng, chua, vị ngọt để hoãn lại cho thỏa cái chí của Can, vị cay để tan ra cho đẹp cái thần của Can, vị đắng để đè xuống thì Hỏa ngược lên theo mà trở xuống, vị chua để thâu lại, để hoàn lại khúc trực là bản tính của Toan, theo tính mà làm thì không việc gì nữa, cho nên hoàn này là môn thuốc trị chứng Quyết-âm, trị chứng này trừ hoàn này ra đều không dùng thuốc đắng, vì sợ đắng theo hỏa mà hóa vậy.

變通妙燥熱餐 Biến thông diệu, táo nhiệt san (Diệu về biến thông, cho uống táo nhiệt)

Tỳ không giúp Vị để làm tân dịch, phế không thông điều được Thủy đạo mà thành tiêu khát, người ta chỉ lấy thanh nhuận mà trị, mà không biết rằng Tỳ ưa Táo, mà phế ghét Hàn, thử xem hễ tiết tả thì phải khát đó là vì thủy tinh không đưa lên mà chỉ tiết xuống, cho nên lấy thuốc táo Tỳ mà trị thì thủy dịch đưa lên không còn khát nữa. Tôi thường dùng Lý-trung hoàn, bội Bạch-truật gia Quát-lâu-căn để trị rất thần hiệu.

TimSách

NHỮNG PHƯƠNG THUỐC VỀ CHỨNG TIÊU KHÁT.

Bạch-hổ thang, Điều-vị Thừa-khí thang, Lý-trung hoàn, Ô-mai hoàn.

(Bốn phương này chua ở trong mục Thương-hàn.)

Thận-khí hoàn, Lục-vị-thang, Chích Cam-thảo thang

(Ba phương này chua ở trong mục Hư-lao.)

Mạch-môn-đông thang :

麥門冬	Mạch-môn đông	4 ch
半夏	Bán-hạ	1,5 ch
人參	Nhân-sâm	2 ch
粳米	Ngạnh-mễ	4 ch
炙甘草	Chích-cam-thảo	2 ch
大棗	Đại-tảo	2 trái

Đổ 2 chén nước sắc còn 8 phân uống nóng.

Ma-nhân hoàn :

火麻仁	Hỏa-ma-nhân	2 ch
芍藥	Thược-dược	5 ch
只實	Chỉ-thực	5 ch

TimSách

大黃	Đại-hoàng	1 lạng
厚朴	Hậu-phác	1 lạng

Các vị cùng tán nhỏ luyện mật làm hoàn lớn bằng hột ngô, mỗi lần uống mười hoàn với nước gạo.

TìmSách

Thương-hàn Ôn-dịch thứ 22

傷寒病極變遷 Thương-hàn bệnh, cực biến thiên (Chứng bệnh Thương-hàn biến đổi nhiều thứ).

Thái-dương chủ bề ngoài của mình người ta, giữ về kinh Hàn-thủy, phàm bệnh từ ngoài lại đều là Thương-hàn chớ không phải Hàn-nhiệt biến ra vậy. Biến đổi là : hoặc Tam-dương, hoặc Tam-âm, hoặc hàn-hóa, hoặc nhiệt-hóa khác nhau.

六經法有真傳 Lục-kinh pháp, hữu chân truyền (Phép trong Lục-kinh, có đủ chân truyền)

Thái-dương Hàn-thủy là kinh chủ bên ngoài, trong sách có đầy đủ mọi phép phát hãn, Dương-minh Táo-kim là kinh chủ về bên trong, trong sách có đầy đủ mọi phép công-lý (công ở trong), Thiếu dương Tướng-hỏa là kinh ở giữa khoảng trong và ngoài, tức là Dương-khu vậy, trong sách có đầy đủ mọi phép hòa giải. Thái-âm thấp-thổ, thuần-âm mà chủ hàn, trong sách có đủ mọi phép ôn-bổ. Thiếu-âm Quân hỏa, tiêu bản nóng lạnh khác nhau, tức là âm-khu vậy trong sách có lập đủ hai phép trị hàn nhiệt. Quyết-âm Phong-mộc, Mộc thì có Hỏa mà chủ về nhiệt, trong sách có đủ mọi phép thanh hỏa, tuy Thái-dương cũng có lý chứng, Dương-minh cũng có biểu chứng, Thái-âm cũng có nhiệt

TimSách

chứng, Quyết-âm cũng có hàn chứng, nhưng đề cương không ở chỗ đó.

頭項痛 太陽編 Đầu hạng thống, Thái-dương biên (Đầu và cổ đau, thuộc kinh Thái-dương)

Ba Dương đều chủ biểu, mà kinh Thái-dương là biểu ở trong biểu, luận chứng cho là đầu đau, cổ cứng, phát nóng, ghét lạnh làm đề cương, có mồ hôi thì cho uống thang Quế-chi, không mồ hôi thì cho uống thang Ma-hoàng.

胃家實 陽明編 Vị-gia thực, Dương-minh biên (Vị gia thực, thuộc kinh Dương-minh)

Dương-minh là lý ở trong biểu, chủ lý, thực chứng, cho nên uống thang Tam-thừa-khí, luận-chứng lấy vị-gia thực làm đề cương, lại mũi khô, mắt đau không ngủ được làm kinh bệnh, nếu sợ lạnh đầu nhức là bệnh chưa lìa kinh Thái-dương, phải xét rõ có mồ hôi hay không có mồ hôi để dùng thang Quế-chi hay thang Ma-hoàng, Nếu không có nhức đầu sợ lạnh, chỉ thấy nóng nhiều tự ra mồ hôi, miệng khát là bệnh đã lìa kinh Thái-dương nên cho uống thang Bạch-hổ, đề cương của đức Trọng-Cảnh không cho như thế, phàm những phép giải hàn phải cầu ở kinh Thái-dương, những phép công-lý phải cầu ở kinh Dương-minh đó là lập pháp nghiêm vậy.

眩苦嘔 少陽編 Huyễn-khổ ẩu, thiếu-dương-biên (Mắt mờ miệng đắng ói, thuộc kinh Thiếu-dương)

Thiếu-dương ở giữa khoảng Thái-dương Dương-minh tức là Dương-khu, hàn nhiệt lẫn lộn, nếu hàn nhiệt còn quanh quẩn ở bên ngoài mà làm cho bụng và sườn đầy phiền, thì nên cho uống thang Đại, Tiểu Sài-hồ, nếu hàn nhiệt chống nhau ở trong mà làm bụng đau ói mửa, thì cho

TimSách

uống Hoàng-Liên, trong bụng bĩ đầy ói ngược lên, thì cho uống thang Bản-hạ tả tâm, ăn nuốt không vào được thì cho uống thang Càn-khương Hoàng-liên Nhân-sâm, nếu Tà đã vào cả trong Đảm-phủ công xuống Tỳ mà làm tự lợi thì nên cho uống thang Hoàng-cầm, ngược lên Vị mà làm lợi lại thêm nôn ói thì cho uống thang Hoàng-cầm gia Bán-Hạ Sinh-khương, luận chứng lấy miệng đắng, cổ khô, mắt mờ làm đề cương.

吐利痛 太陰編 Thổ lợi thống, Thái âm biên (Chứng Thổ, Lợi, Thống, thuộc kinh Thái-âm)

Thái-âm Thấp thổ là tạng thuần Âm theo hàn hóa nhiều theo nhiệt hóa ít. Kinh này chủ về hàn chứng mà nói, nên cho uống thang Lý-trung thang Tứ-nghịch làm chủ yếu, Nguyên bản bị ông Vương thúc-Hòa làm lộn cả, luận chứng lấy trong bụng đầy, thổ thực, tự lợi, không khát, chân tay ấm, bụng có khi đau làm đề cương.

但欲寐 少陰編 Đãn dục mị, thiếu-âm biên (Chứng chỉ muốn ngủ, thuộc kinh Thiếu-âm)

Thiếu-âm ở giữa khoảng Thái-âm Quyết-âm, tức là âm-khu, có khi lạnh, có khi nóng, luận chứng lấy mạch vi tế chỉ muốn ngủ làm đề cương, những phép trị: Hàn: thì dùng thang Ma-hoàng Phụ-tử Tế-tân, thang Ma-hoàng Phụ-tử Cam-thảo và thang Bạch-thông, thang Thông-mạch tứ-nghịch. Nhiệt: thì dùng thang Chư-linh, thang Hoàng-liên Kê-tử hoàng và thang Đại-thừa-khí.

吐蚘渴 厥陰編 Thổ vưu khát, Quyết-âm biên (Chứng thổ-vưu khát, thuộc kinh Quyết-âm)

Quyết-âm tức là âm đã hết, âm hết thì dương sinh, vả

TimSách

lại thuộc về phong mộc có Hỏa chủ về nhiệt chứng, luận chứng lấy tiêu khát khí đưa lên đụng tâm, trong bụng đau nóng, đói không muốn ăn, ăn thì thổ tả lợi không dứt làm đề cương, lấy Ô-mai hoàn làm chủ trị, tự lợi hạ trọng khát nước, lấy thang Bạch-đầu-ông làm chủ trị. Phàm hết thảy những phép phát biểu nói đủ ở kinh Thái-dương, hết thảy những phép công-lý nói đủ ở trong kinh Dương-minh, hết thảy những phép hòa giải nói đủ ở trong kinh Thiếu-dương, hết thảy những phép ôn-bổ nói đủ ở trong kinh Thái-âm, hết thảy những phép nên làm hàn-lương đã đủ ở trong kinh Quyết-âm, hết thảy những phép dùng cả hàn nhiệt nói đủ ở trong kinh Thiếu-âm, đó là Lục-kinh của Đức Trọng-Cảnh luận về Thương-hàn cùng với Lục-kinh của Nội-kinh luận về Nhiệt-bệnh khác nhau.

長沙論 嘆高堅 Trường-Sa luận, thán cao kiên (Luận của Trường-Sa, rất cao, rất chắc)

Luận của Trường-Sa (tức là đức Trọng-Cảnh) rất là cao xa bền chắc, càng trông càng cao, càng giùi càng bền chắc.

存津液 是真詮 Tồn-tân-dịch, thị chân thuyên (Giữ còn tân-dịch, đó là tôn-chỉ)

Giữ còn tân-dịch đó là tôn chỉ của toàn thư, như thang Quế-chi là cam ôn để giải cơ dưỡng dịch ; tức như thang Ma-hoàng vào thẳng da, lông không bằng vị gừng cay nóng vị Táo ngọt ủng theo ngoài trị bên ngoài mà không thương tới Vinh-khí cũng là dưỡng-dịch vậy, thang thừa-khí cấp hạ đấy mà không để cho Tà-hỏa đốt chân âm cũng là dưỡng-dịch tức như thang Ma-hoàng Phụ-tử Tế-tân dùng vị Phụ-tử để giữ vững cái gốc của Thiếu-âm khiến bên trong giữ lấy tân dịch không theo mồ hôi mà ra cũng là dưỡng dịch ;

TimSách

thang Ma-hoàng Phụ-tử Cam-thảo là lấy vị Cam-thảo (hoãn) thay cho vị Tế-tân, vị Ma-hoàng thấm vào Trung tiêu lấy tân-dịch của thủy cốc làm ra mồ-hôi mà không thương tới chân âm đó là dưỡng-dịch vậy, suy như thang Lý-trung, Ngũ-linh tán phải húp chút nước cháo, thang tiểu-sài-hồ, thang Ngô-thù-du đều dùng vị Nhân-sâm, mỗi phương, phương nào cũng đều có phép dưỡng dịch cả.

汗 吐 下 温 清 遡 Hãn-thổ-hạ, ôn-thanh-huyền (Phép Hãn, thổ, hạ, và phép ôn-thanh)

Bệnh ở Biểu thì nên cho phát hãn, ở Hung cách nên cho thổ, ở Lý nên cho Hạ, Hàn nên cho ôn, nhiệt nên cho thanh.

補 貴 當 方 而 圓 Bổ quý đáng, phương nhi viên (Phép bổ quý đáng, vừa vuông và tròn)

Bệnh hư thì phải bổ, hợp với trên là sáu phép, nói vuông tròn là nói một bộ Thương-hàn luận đều là phép để cứu sống người.

規 矩 廢 甚 於 今 Quy cũ phế, thậm ư kim (Bỏ cả khuôn phép, nhất là ngày nay)

Từ ông Vương-thúc-Hòa trở về sau, những nhà chua ra phần nhiều lầm lẫn, song cũng còn có phải có quấy, tệ nhất là bây giờ không còn biết cái luận Thương-hàn là vật gì nữa, bỏ hết cả khuôn phép.

二 陳 尚 九 味 尋 Nhị-trần thượng, Cửu-vị tầm (Chuộng thang Nhị-trần, tìm thang Cửu-vị)

Người ta đều nói rằng thang Nhị-trần là một phương thuốc phát hãn bình ổn, mà không biết vị Phục-linh thấm, vị Bán-hạ sáp đều có thể lưu tà sinh nóng biến thành những

TimSách

chứng nói nhảm, không đi tiện được : người ta đều nói rằng thang Cửu-vị Khương-hoạt so với hai thang Ma Quế còn ổn hơn, mà không biết kinh Thái-dương bệnh nặng nên phòng ngừa bệnh chạy vào kinh Thiếu-dương, trong phương ấy có vị Cầm-địa đắng lạnh. Uống rồi không ra mồ hôi sợ rằng vị đắng lạnh ấy hãm vào kinh Thiếu-dương biến ra chứng mạch trầm tế mà chỉ muốn ngủ ; uống rồi ra mồ hôi được lại sợ vị đắng lạnh ấy phá hại Thận-dương, dương không giữ chắc ở trong, biến ra chứng lậu không dứt, Thời Y ưa dùng phương ấy thì cũng nên rõ cái hại của phương ấy làm hại người ta không ít.

香蘇外 平胃臨 Hương-tô ngoại, Bình-vị lâm (Ngoài Hương-tô ẩm, tới Bình-vị tán)

Cái lực lượng của Hương-tô ẩm rất yếu không thể đuổi tà ra hết được, sợ rằng tà còn lại sẽ truyền biến ra nhiều thứ, Bình vị tán là phương thuốc táo thấp tiêu đạo, phép của Đức Trọng-Cảnh không hề dùng thứ thuốc táo để phát hãn, vả chăng ngoại tà chưa đi, lại càng không nên công ở trong trước.

汗源涸 耗真陰 Hãn-nguyên hạt, hao chân âm (Nguồn mồ hôi khô, làm hao chân âm)

Âm là nhà của Dương vậy, thang Quế-chi có vị Bạch-thược và húp nước cháo đều là phép tư âm để cứu lấy nguồn mồ hôi, thang Ma-hoàng dùng vị Cam-thảo và không húp nước cháo, cũng là giữ chân-âm để cứu nguồn mồ hôi, Ông Cánh-Nhạc ngộ nhận cái ý đó mà thường dùng vị Quy-địa để hại bao nhiêu mà kể.

邪傳變 病日深 Tà truyền biến, bệnh nhật thâm (Tà đã truyền biến, bệnh càng ngày càng sâu)

TimSách

Trị mà trúng phép bề nào cũng khỏi, còn nếu đã sinh ra chứng nghịch chứng Hoại chứng quá kinh không hết là đều do ở trị sai lầm mà tới nỗi như vậy.

目擊者 實痛心 Mục-kích giả, thực thống tâm (Mắt thấy như vậy thật là đau lòng)

Người ta chết về bệnh thì ít, mà chết về thuốc thời nhiều, những người hành đạo ngày nay, phần nhiều học lợi khẩu lấy thứ thuốc ấy để giết người, tức là lấy thứ thuốc ấy để được danh, thực là đáng than thở vậy, tôi biết chắc rằng những người ấy sẽ để hại tới con cháu.

醫醫法 腦後鍼 Y-y pháp, não hậu chậm (Phép trị thày thuốc, châm thẳng sau óc)

Tiêu-Tiền-bối nói rằng : Trị bệnh người trước hết hãy trị thày thuốc, một ông thày thuốc trị ngàn muôn người, chẳng qua chỉ trị được ngàn muôn người mà thôi, cứu một ông thầy thuốc tức là cứu ngàn muôn người, cứu ngàn muôn ông Thầy-thuốc tức là cứu biết bao hằng-hà sa số người Thiên hạ đời sau vậy, cho nên tôi nói châm thẳng vào sau óc ông Thầy thuốc

若瘟疫 治相倂 Nhược ôn-dịch, trị tương mâu (Còn chứng ôn-dịch, trị cũng như nhau)

Khí bất chính của bốn mùa và dị khí của phương-thổ, người bệnh cảm-mạo uế khí mà thành chứng ôn-dịch, tuy có chia ra theo kinh lạc mà vào, theo miệng mũi mà vào khác nhau, mà kiến chứng cũng lấy theo Lục-kinh làm bằng, phép trị cũng giống như trị Thương-hàn.

通聖散 兩解求 Thông-thánh tán, lưỡng giải cầu (Phương Thông-thánh-tán, cầu hai thứ giải)

TimSách

Ở trong điều kinh Thái-dương của đức Trọng-Sư nêu ra câu phát nóng không sợ lạnh mà khát nước là bệnh ôn, tức là noi theo bã-thuyết trong bộ Nội-kinh, người ta bị thương về lạnh thì thành bệnh nóng : mùa Đông thương về lạnh, tới mùa Xuân tất là bệnh Ôn, trước ngày Hạ-chí là bệnh Ôn, sau ngày Hạ-chí là bệnh thử, ban đầu dùng thang Ma-hạnh-Cam-thạch, ở kinh thì dùng thang Bạch-hổ gia Nhân-sâm, nhập lý thì dùng thang Thừa-khí và Thái-âm dùng thang Nhân-trần-hao, Thiếu-âm dùng thang Hoàng-liên A-giáo, thang Trư-linh, Quyết-âm dùng thang Bạch-đầu-ông đều là phương thuốc cần yếu, xét ra khác với chứng Ôn-dịch. Bệnh Ôn-dịch đều do cảm cái khí độc dữ mà phát ra, khi mới bị, nếu kiêm cả sợ lạnh, thế là tà theo kinh lạc mà vào, nên dùng thang Nhân-sâm bại-độc là phép giữ chính đuổi tà, khi mới bị, nếu kiêm cả bụng đầy, miệng thổ ra nhớt vàng, ấy là tà theo miệng mũi mà vào, nên dùng thang Hoắc-hương chính-khí là phép lấy mùi cay thơm để trừ uế-khí, duy có phương Phòng-phong Thông-thánh là đầy đủ mọi mặt là khi mới bị chưa chắc đã nội thuộc, trong phương riêng có vị Tiêu-hoàng thật là thần diệu, không hề có cái hại hãm-tả, nếu đọc sách của Đức-Trọng-Sư thấy câu dưới ai ai cũng lè lưỡi, nhưng không biết có lợi mà không hại vậy.

六法備 汗爲尤 Lục-pháp bị, hãn vi vưu (Đủ sáu phép trị, cho ra mồ hôi là hơn)

Hãn, Thổ, Hạ, Ôn, Thanh, Bổ là sáu phép trị về bệnh Thương-hàn, trong 6 phép duy có phép cho ra mồ-hôi là cần yếu, về bệnh Ôn-dịch có mồ-hôi thì sống, không có mồ hôi thì chết, cái kỳ mồ-hôi lấy bảy bữa làm cữ, nếu bảy bữa chưa có lại đợi tới bảy bữa nữa cho có mồ-hôi, lại bàn xem phép của Đức Trọng-Thánh cho Thổ, cho

TimSách

Hạ, cho Ôn, cho Thanh, cho Bổ đều là cần cho có mồ hôi, nói rõ ở trong mục Thời-phương diệu dụng.

達原飲 昧其由 Đạt-nguyên-ẩm, muội kỳ do (Phương Đạt-nguyên-ẩm, làm mờ tối bệnh do)

Ông Ngô-hựu-Khả bảo rằng bệnh thớ-thịt lấy thang Đạt-nguyên-ẩm làm đầu, dựng ra cái dị thuyết để dối người, thực là chưa biết cái bệnh do vậy.

司命者 勿逐流 Tư-mệnh giả, vật trục lưu (Người giữ mệnh, đừng có a-dua)

Người trị bệnh tức là giữ cái mệnh của ngươi ta, phải nên đọc kỹ sách của Đức Trọng-Thánh để tới khi lâm nhiều chứng bệnh tự có định liệu, chớ đừng nên a-dua theo thói thường.

TimSách

NHỮNG PHƯƠNG THUỐC VỀ BỆNH THƯƠNG-HÀN KINH THÁI-DƯƠNG

Quế-chi thang :

桂枝	Quế-chi	3 ch
白芍	Bạch-thược	3 ch
甘草	Cam-thảo	2 ch
生姜	Sinh-khương	3 ch
大棗	Đại-tảo	4 trái

Đổ 2 chén nước sắc còn 8 phân uống nóng, uống rồi một lát hút một chén cháo để giúp sức thuốc, trùm mền cho ra mồ hôi, uống một lần hết bệnh thì thôi, nếu bệnh nặng ngày đêm uống ba lần.

Ma-hoàng thang :

麻黃	Ma-hoàng bỏ gốc, đốt	3 ch
桂枝	Quế-chi	2 ch
杏仁	Hạnh-nhân bỏ vỏ	4 ch
甘草	Cam-thảo	1 ch

Đổ 3 chén nước sắc vị Ma-hoàng trước, còn hai chén thổi bọt đi rồi bỏ các vị kia vào sắc còn 8 phân uống nóng, không cần húp cháo.

TimSách

Đại-thanh-long thang :

麻黃	Ma-hoàng bỏ gốc đốt	6 ch
桂枝	Quế-chi	2 ch
炙草	Chích-thảo	2 ch
杏仁	Hạnh-nhân bỏ vỏ	2 ch
生羌	Sanh-khương	3 ch
大棗	Đại-tảo	4 trái
石膏	Thạch-cao đâm nát	4,5 ch

Đổ 4 chén nước sắc vị Ma-hoàng trước còn 2 chén rưỡi bỏ bọt trên đi sẽ bỏ mấy vị kia vào sắc còn 8 phân uống nóng trùm mền cho ra mồ hôi, nếu mồ hôi ra nhiều lấy ôn-phấn (Bạch-truật, hà Long cất, hà Mẫu-lê tán nhỏ) mà thoa, sợ mồ-hôi ra nhiều thì vong Dương lấy khát mà cứu.

Tiểu-thanh-long thang :

麻黃	Mã-hoàng bỏ gốc đất	1 ch
白芍	Bạch-thược	2 ch
干羌	Càn-khương	1,5 ch
桂枝	Quế-chi	2 ch
甘草	Cam-thảo	1 ch
半夏	Bán-hạ	3 ch
五味子	Ngũ-vị-tử	1 ch
細辛	Tế-tân	8 ph

TimSách

Đổ 3 chén nước bỏ vị Ma-hoàng sắc trước còn 2 chén rưỡi gạt bọt trên đi sẽ bỏ mấy vị kia vào sắc còn 8 phân uống nóng nếu khát nước, bỏ vị Bán-hạ gia vị Quát-lâu-căn 2 chỉ, còn nghẹn, bỏ vị Ma-hoàng gia vị Phụ-tử 1 chỉ rưỡi, tiểu-tiện không lợi, đau bụng và đầy, bỏ vi Ma-hoàng gia vị Phục-linh 4 chỉ, còn suyễn thì bỏ vị Ma-hoàng gia vị Hạnh-nhân 3 chỉ. Xét luận rằng nếu vị lợi bỏ vi Ma-hoàng gia vị Nguyên-hoa, không dùng vị Nguyên-hoa thí lấy vị Phục-linh mà thay, hay là vị Chư-linh vị Trạch-tả cũng được.

Quế-chi gia Cát-căn thang :

Tức là thang Quế-chi gia 4 chỉ Cát-căn.

Đổ 2 chén nước sắc còn 8 phân uống nóng, không nên húp nước cháo.

Cát-căn thang :

葛根	Cát căn	4 ch
麻黃	Ma-hoàng	2 ch
生姜	Sanh-khanh	2 ch
甘草	Cam-thảo	2 ch
桂枝	Quế-chi	2 ch
白芍	Bạch-thược	2 ch
大棗	Đại-tảo	4 trái

Đổ 3 chén rưỡi nước sắc vị Ma-hoàng và vị Cát-cắn còn 2 chén rưỡi gạt bỏ trên đi sẽ bỏ các vị kia vào sắc còn 8 phân uống nóng lấy mồ hôi, không nên húp cháo.

TimSách

KINH DƯƠNG MINH

Bạch-hổ thang :

石膏	Thạch-cao đâm nát	8 ch
知母	Tri-mẫu	3 ch
炙草	Chích-thảo	1 ch
粳米	ngạnh-mễ	4 ch

Đổ 3 chén nước sắc còn 1 chén uống.

Điều-vị Thừa-khí thang :

大黃	Đại-hoàng rửa rượu	4 ch
炙草	Chích thảo	2 ch
芒硝	Mang tiêu	3 ch

Đổ 2 chén rưỡi nước sắc vị Đại hoàng, Cam-thảo trước còn 1 chén bỏ cặn đi sẽ bỏ vị Mang-tiêu vào đun sôi một chút rồi uống nóng.

Tiểu-thừa-khí thang :

大黃	Đại-hoàng	4 ch
厚朴	Hậu-phác	2 ch
只實	chỉ-thực	2 ch

Đổ 2 chén nước sắc còn 8 phân uống nóng, lần đầu

TimSách

phải đi cầu, nếu không đi cầu lại sắc uống, đi cầu được thì thôi.

Đại-thừa-khí thang :

大黃	Đại-hoàng rửa rượu	2 ch
厚朴	Hậu-phác	4 ch
只實	Chỉ-thực	2 ch
芒硝	Mang-tiêu	2 ch

Đổ 3 chén nước sắc vị Chỉ-thực Hậu-phác còn 1 chén rưỡi bỏ cặn đi sẽ bỏ vị Đại-hoàng và mang tiêu vào đun sôi một chặp uống rồi thấy hạ được đừng uống nữa.

KINH THIẾU-DƯƠNG

Tiểu-sài-hồ thang :

柴胡	Sài-hồ	4 ch
人參	Nhân-sâm	1,5 ch
黃芩	Hoàng-cầm	1,5 ch
炙草	Chích-thảo	1,5 ch
生羌	Sinh-khương	1,5 ch
半夏	Bán-hạ	2 ch
大棗	Đại-tảo	2 trái

Đổ 3 chén nước sắc còn một chén uống nóng, ngày đêm uống 3 lần. Trong bụng buồn bức không ói bỏ vị Bán-hạ Nhân-sâm gia 2 chỉ Quát-lâu. Khát nước bỏ Bán-hạ gia 7 phân Nhân-sâm, 2 chỉ Quát-lâu-căn. Trong bụng đau bỏ

TimSách

vị Hoàng-cầm gia 1 chỉ rưỡi Thược-dược.. Dưới sườn cứng bĩ bỏ Đại-tảo gia 2 chỉ Mẫu-lệ. Bụng dưới hồi hộp tiểu tiện khổng lợi bỏ Hoàng-cầm gia 2 chỉ Phục-linh. Không khát nước ngoài có hơi nóng bỏ Nhân-sâm gia 1 chỉ rưỡi Quế-chi trùm mền cho ra mồ hôi một chút thì khỏi. Ho thì bỏ Nhân-sâm Đại-tảo Sanh-khương gia 1 chỉ Ngũ-vị-tử va 1 chỉ rưỡi Càn-khương.

Đại-Sài-hồ thang :

柴胡	Sài-hồ	4 ch
半夏	Bán-hạ	2 ch
黃芩	Hoàng-cầm	1,5 ch
芍藥	Thược-dược	1,5 ch
只實	Chỉ-thực	1,5 ch
生姜	Sanh-khương	2 ch
大棗	Đại-tảo	2 trái

Bản khác có vị Đại-hoàng 5 phân, đổ 3 chén nước sắc còn 8 phân uống nóng, ngày đêm uống 3 lần.

KINH THÁI-ÂM

Lý-trung-hoàn-thang:

人參	Nhân-sâm	3 lạng
白朮	Bạch-truật	3 lạng
干姜	Càn-khương	3 lạng
甘草	Cam-thảo	3 lạng

TimSách

Cùng tán nhỏ mật hoàn lớn bằng lòng đỏ hột gà, mỗi lần ăn một hoàn với nước sôi, mỗi ngày ăn ba, bốn lần, ăn rồi húp nước cháo nóng, uống thấy trong bụng nóng làm độ, hoặc dùng thang mỗi vị 3 chỉ, đổ 3 chén nước sắc còn 8 phân uống nóng, uống rồi húp cháo nóng. Nếu trên rốn thấy cứng thì bỏ Truật gia Quế, thổ nhiều bỏ Truật, gia 2 chỉ Sanh-khương, hạ nhiều lại phải dùng Truật, hồi hộp gia Phục-linh, khát nước gia Truật, bụng đầu gia Nhân-sâm, hàn thì gia Càn-khương, bụng đầy bỏ Truật gia Phụ-tử, uống rồi một lát húp nước cháo nóng là thấy ấm, đừng hở áo mền.

Tứ-nghịch thang :

炙草	Chích-thảo	4 ch
干羌	Càn-khương	3 ch
生附子	Phụ-tử sống	2 ch

Đổ 3 chén nước sắc còn 8 phân uống nóng.

Thông-mạch Tứ-nghịch gia Nhân-niệu Trư-đảm-thang :

干羌	Càn-khương	6 ch
甘草	Cam-thảo	4 ch
生附子	Phụ-tử sống	2 ch

Đổ 3 chén nước sắc còn 8 phân cho một muỗng nước mật lợn và nữa muỗn nước tiểu người uống nóng.

Quế-chi gia Thược-dược thang :

桂枝	Quế-chi	3 ch
生羌	Sanh-khương	3 ch

TimSách

芍藥	Thược-dược	9 ch
炙草	Chính-thảo	2 ch
大棗	Đại-tảo	4 trái

Đổ 3 chén nước sắc còn 1 chén uống.

Quế-chi gia Đại-hoàng thang :

桂枝	Quế-chi	3 ch
生姜	Sanh-khương	3 ch
芍藥	Thược-dược	6 ch
炙草	Chính-thảo	2 ch
大黃	Đại-hoàng	9 phân
大棗	Đại-tảo	4 trái

Đổ 3 chén nước sắc còn 8 phân uống.

KINH THIẾU-ÂM

Ma-hoàng Phụ-tử Tế-tân thang :

麻黃	Ma-hoàng bỏ gốc đất	3 ch
細辛	Tế-tân	3 ch
附子	Phụ-tử	1,5 ch

Đổ 3 chén nước sắc vị Ma-hoàng trước còn 2 chén gạt bọt đi sẽ bỏ các vị kia vào sắc còn 7 phâu uống nóng,

Ma-hoàng Phụ-tử Cam-thảo thang :

麻黃	Ma-hoàng bỏ gốc	3 ch
甘草	Cam-thảo	3 ch

TimSách

附 子　　Phụ-tử　　1,5 ch

Phép sắc theo như thang trên.

Thông-mạch Tứ-nghịch thang :

干 羌　　Can khương　　6 ch

炙 草　　Chích thảo　　4 ch

生 附 子　　Phụ-tử sống　　3 ch

Đổ ba chén nước sắc còn 8 phân uống nóng

Bạch-thông thang :

干 羌　　Can-khương

生 附 子　　Phụ-tử sống

葱 白　　Song-bạch

Đổ 3 chén nước sắc còn 8 phân uống nóng.

Ngô-thù-du thang :

吳 茱 萸　　Ngô-thù-du thang bào　　3 ch

人 參　　Nhân-sâm　　1,5 ch

生 羌　　Sanh-khương　　6 ch

大 棗　　Đại-tảo　　4 trái

Đổ nước sắc uống.

Trư-linh thang :

猪 苓　　Trư-linh　　3 ch

茯 苓　　Phục-linh　　3 ch

澤 瀉　　Thạch-tả　　3 ch

TimSách

阿膠	A-giao	3 ch

Đổ 2 chén nước sắc 3 vị trên trước còn 1 chén bỏ cặn bã đi sẽ bỏ A-giao vào sắc tan rồi uống.

Hoàng-liên A-giao Kê-tử-hoàng thang :

黃連	Hoàng-liên	4 ch
黃芩	Hoàng-cầm	1 ch
芍藥	Thược-dược	2 ch
阿膠	A-giao	3 ch
鷄子黃	Kê-tử-hoàng	1 chiếc

Đổ 2 chén rưỡi nước sắc còn 1 chén rưỡi bỏ cặn bã đi sẽ bỏ A-giao vào đun cho tan để nguội một chút sẽ bỏ Kê-tử-hoàng vào khuấy cho đều rồi uống, mỗi ngày uống 3 lần.

Đại-thừa-khí thang :

(Phương này đã chua ở mục Dương-minh.)

KINH QUYẾT-ÂM

Ô-Mai-hoàn :

烏梅	Ô-mai	93 trái
細辛	Tế-tân	6 ch
干姜	Can-khương	1 lạng
當歸	Đương-quy	4 ch
黃連	Hoàng-liên	1,6 ch
附子	Phụ-tử	6 ch

TimSách

蜀椒	Thục-tiêu sao	4 ch
桂枝	Quế-chi	6 ch
人參	Nhân-sâm	6 ch
黃栢	Hoàng-bá	6 ch

Cùng tán nhỏ, lấy rượu tẩm Ô-mai 1 đêm rồi bỏ hột để trên nồi cơm chưng, đâm nhuyễn như bùn sẽ bỏ chung với bột thuốc kia nhào mật làm hoàn bằng hột ngô lớn, trước khi ăn uống 10 hoàn, lần lần uống đến 20 hoàn mỗi lần.

Đương-Quy Tứ-nghịch thang :

當歸	Đương-Quy	3 ch
桂枝	Quế-chi	3 ch
白芍	Bạch-thược	3 ch
炙草	Chính-thảo	2 ch
木通	Mộc-thông	2 ch
細辛	Tế-tân	2 ch
大棗	Đại-Tảo	8 trái

Đổ 3 chén nước sắc còn 8 phân uống nóng, nếu hàn-khí thịnh gia 2 chỉ rưỡi Ngô-thù, 8 chỉ sanh khương đổ 2 chén nước, 2 chén rượu sắc còn 1 chén rưỡi chia làm 2 lần uống nóng.

Bạch-đầu-ông thang :

白頭翁	Bạch-đầu-ông	1 ch
黃連	Hoàng-liên	1,5 ch
黃栢	Hoàng-bá	1,5 ch

TimSách

秦 皮	Tần-bì	1,5 ch

Đổ 2 chén nước sắc còn 8 phần uống nóng.
Giải rõ ở trong mục Thời-phương diệu-dụng, phụ thêm vào môn Thương-hàn

Ôn-dịch phương :

Nhân-sâm bại-độc tán
(Phương thuốc này chua ở trong mục Lỵ-tật)

Phòng-phong thông-thánh tán
(Phương này chua ở trong mục Trúng-phong.)

Hoắc-hương chính-khí tán :
(Trị những chứng ngoài bị khí tứ thời bất-chính, trong bị đình-ẩm-thực, đầu nhức nóng, lạnh, hoặc hoắc-loạn thổ tả, hoặc làm sốt nóng.)

霍 香	Hoắc-hương	3 lạng
白 芷	Bạch-chỉ	3 lạng
大 腹 皮	Đại-phúc bì	3 lạng
紫 蘇	Tử-tô	3 lạng
茯 苓	Phục-linh	3 lạng
陳 皮	Trần-bì	2 lạng
白 朮	Bạch-truật	2 lạng
厚 朴	Hậu-phác	2 lạng
半 夏	Bán-hạ khúc	2 lạng
吉 更	Cát-cánh	2 lạng
甘 草	Cam-thảo	1 lạng

TimSách

Cùng tán nhỏ mỗi lần uống 5 chỉ với nước gừng sống và Đại-tảo sắc.

Thần-thánh tịch-ôn đan :

Lưu truyền ở thế-gian đã lâu, cứ ngày mồng một tháng giêng đốt một nén có thể giữ bình-an bốn mùa.

羌活	Khương-hoạt ;
香附	Hương-phụ
三柰	Tam-nại
獨活	Độc-hoạt
大黃	Đại-hoàng
赤箭	Xích-tiên
蒼术	Trương-truật
白芷	Bạch-chỉ
甘松	Cam-tùng
雄黃	Hung-hoàng

Các vị cân lạng bằng nhau, duy có vị Thương-truật nhiều gấp đôi cùng tán nhỏ, lấy hồ hoàn bằng hòn đạn lớn, lấy Hoàng-đan làm áo ngoài, đem phơi khô, cứ sáng sớm ngày một tháng giêng đốt một viên để tịch-ôn.

TimSách

Phụ-nhân kinh sản
Tạp bệnh thứ 23

婦人病 四物良 Phụ-nhân bệnh, Tứ-vật lương. (Bệnh của Phụ-nhân, thang Tứ-vật hay nhất).

Bệnh của Phụ-nhân cũng như Nam-tử, duy có kinh-tiền sản-hậu là khác thôi, Tế-âm cương-mục lấy thang Tứ-vật gia Hương-phụ Chích-thảo làm chủ, phàm kinh-tiền sản hậu đều lấy thang này mà xuất nhập gia giảm.

月信準 體自康 Nguyệt-tín chuẩn, thể-tự khang. (Nguyệt-tín đúng kỳ, trong mình mạnh mẽ)

Kinh thủy mỗi tháng có một lần, không có sai kỳ cho nên gọi là nguyệt-tín, hễ kinh đều thì trong mình mạnh mẽ không bệnh.

漸早至 藥宜凉 Tiệm-tảo chí, dược nghi lương. (Kinh nguyệt thấy sớm là huyết-hải có nóng, nên cho uống thang Gia vị Tứ-vật, thêm những vị Tục-đoạn, Địa-du, Hoàng-cầm, Hoàng-liên.

漸遲至 重桂羌 Tiệm trì chí, trọng Quế-Khương (Kinh nguyệt thấy muộn, trọng dụng Quế-Khương)

Kinh-nguyệt mà thấy muộn là Huyết-hải có lạnh, nên

TimSách

cho uống thang Gia-vị Tứ-vật thêm những vị Càn-khương, Nhục-quế, quá lạnh thì gia Phụ-tử.

錯雜至 氣血傷 Thác tạp chí, khí huyết thương. (Thấy kinh lẫn lộn, là thương khí huyết)

Thấy kinh hoặc sớm, hoặc muộn không chừng, là do khí huyết hư mà kinh loạn vậy, nên cho uống thang trước mà gia những vị Nhân-sâm, Bạch-truật, Hoàng-kỳ.

歸脾法 主二陽 Quy-tỳ pháp, chủ Nhị-dương. (Phép thang Quy-tỳ, chủ về Nhị-dương)

Nội-Kinh nói rằng : Bệnh Nhị-dương phát, thì Tâm-Tỳ không được ẩn khúc (bứt rứt) làm cho con gái không có nguyệt-tín nên cho uống thang Quy-tỳ,

兼鬱結 逍遙長 Kiêm uất kết, Tiêu-dao trường (Có cả uất kết, dùng thang Tiêu-dao)

Khí uất thì thương Can, lo nghĩ thì thương Tỳ, nên cho uống thang Gia-vị Tiêu-dao tán.

種玉者 即此詳 Chủng ngọc-giả, tức thử tường (Cái phép Chủng-ngọc, phải rõ như thế)

Phép chủng tử tất phải điều kinh, lấy Quy-tỳ thang trị ở gốc, lấy Tiêu-dao tán trị ở dòng, và những phương thuốc ở trên đều là hay cả, bất tất phải kiếm ở đâu, duy phụ-nhân mình mẩy béo mập sợ có mỡ dầy ở Tử-cung, lại phải dùng thang Nhị-trần gia vị Xuyên-khung, Hương-phụ làm hoàn.

經閉塞 禁地黃 Kinh bế tắc, cấm Địa hoàng (Kinh-nguyệt bế tắc, cấm dùng vị Địa-hoàng)

TimSách

Kinh bế tắc, mạch thực, bụng trướng đau cùng với bệnh Nhị-dương làm cho con gái không có kinh khác nhau, tuy thang Tứ-vật là phương thuốc thường dùng về phụ-khoa mà kinh bế với tích ứ, thực chứng thì nên bỏ vị Địa-hoàng có tánh trệ, sợ rằng giúp Xúc-huyết không hành được, gia 2 chỉ Đại-hoàng sao dấm, 1 chỉ quế, 2 chỉ Đào-nhân cho uống chừng năm sáu thang.

孕三月六君嘗 Dựng tam-nguyệt, Lục-quân thường (Có thai ba tháng uống thang Lục-quân)

Có thai chừng trong ba tháng thường hay có chứng nôn oẹ, không ăn được tên là Ổ-trở nên cho uống thang Lục-quân, Tục thường ngờ vị Bán-hạ ngại Thai không giám dùng, nhưng không biết là thứ diệu-phẩm của Đức Trọng-Sư thường dùng. Ông Cao-Cổ-Phong nói rằng : Vị Bán-hạ hợp với Sâm Truật là thứ thuốc hay để an thai, chỉ ẩu, tiến thực.

安胎法寒熱商 An thai pháp, hàn nhiệt thương (Phép an thai, phân ra hàn nhiệt)

Thang Tứ-vật bỏ Xuyên-khang làm chủ, Nhiệt thì gia vị Hoàng cầm, Bạch-truật, Tục-đoạn. Hàn thì gia vị Ngải-diệp, A-giao, Đỗ-trọng, Bạch-truật, đại để thai khí không yên phần nhiều là hư hàn, bọn Dung-y cho là ha chữ Thai Hỏa để giối người gạt người không biết bao nhiêu mà kể.

難產者保生方 Nan sản giả, Bảo-sinh phương. (Sinh sản khó, dùng phương Bảo-sinh)

Những chứng sinh ngang đẻ ngược, tương thủy sớm quá, giao cốt không mở, nên cho uống thang Bảo-sản vô-ưu tán.

TimSách

開交骨 歸芎鄉 Khai giao cốt, Quy-khung hương (Mở giao cốt, phải dùng thang khung-quy)

Giao cốt không mở là bởi Âm-hư, nên cho uống thang Gia-vị Khung-quy.

血大下 補血湯 Huyết đại hạ, Bổ-huyết thang. (Huyết ra nhiều, dùng thang bổ-huyết)

Thai cũng như cái thuyền, huyết cũng như nước, nước đầy thì thuyền nổi, huyết ra sớm thì khô cạn mà thai phải trở ngại, nên cho uống thang Đương-quy bổ-huyết gia 3 chỉ Phụ tử, muốn cho khí vượng huyết thì mới sinh mau, vả chăng muốn khí có vượng thì mới có sức đẩy ra, gia vị Phụ-tử là lấy tính cấp, gia rượu là để cho mau chóng cái công dụng của Quy Kỳ, thang Bảo-sản vô-ưu trị khi tương thủy chưa hành ; phương này trị khi tương thủy ra quá nhiều ; thang Gia vị Quy khung trị khi giao cốt không mở, ba phương riêng hẳn phải biết như thế.

脚小指艾火煬 Cước tiểu-chỉ, Ngải hỏa dương (Ngón út chân phải, lấy Ngải lửa đốt)

Ông Trương - văn - Trọng trị chứng hoành-sản (sinh ngang) của phụ-nhân dùng bao nhiêu phù phép thuốc thang không hiệu, sau lấy Ngải lớn bằng hột đậu đốt ở dưới đầu nhọn ngón chân út bên chân mắt thì sinh liền hiệu liền.

胎衣阻失笑匡 Thai-y trở, Thất-tiếu khuông (Thai-y ngăn trở, uống Thất-tiếu tán)

Thai-y không xuống được, nên dùng 3 chỉ Thất-tiếu tán thang Dăm cho uống hạ liền.

產後病生化將 Sản hậu bệnh, Sinh hóa tương, (Bệnh sau khi sinh, uống thang Sinh-hóa)

TimSách

Thời-y tương truyền rằng thang Sinh-hóa gia giảm để trị trăm chứng bệnh của đàn bà sau khi sinh đẻ, nếu không phải huyết đình ứ ở trong mà dùng lầm thì Ngoại tà chạy vào trong Huyết-thất khí nhân đó mà bị thương, sinh ra nhiều nguy chứng, phải nên cẩn thận.

合諸說俱平常 Hợp chư thuyết, cân bình thường (Hợp các thuyết lại đều là bình thường)

Những phép ở trên đều là sáo quen dùng, bệnh nhẹ còn có thể hết, nếu trị bệnh nặng thì không có hiệu nghiệm gì cả.

資顧問亦勿忘 Tư cố vấn, diệc vật vong (khi bàn hỏi, cũng đừng quên)

Lúc bàn về trị bệnh với các ông Thày thuốc mà không bàn tới phép đó lại bị người ta cười.

精而密長沙室 Tinh nhi mật, Trường sa thất (Tinh mà kỹ càng, phép của Trường-sa)

Bộ Kim-Quỹ yếu-lược quyển thứ hai mươi, hai mươi mốt, hai mươi hai, nghĩa đã tinh tường mà phép lại kỹ càng.

婦嫉篇丸散七 Nhâm-thần thiên, hoàn tán thất (Trong thiên Nhâm-thần, Hoàn tán bảy phần)

Trong thiên nhâm-thần gồm có mười phương, Hoàn tán bảy phương, Thang có ba phương, bởi vì thang là đãng (loãng). Khi Nhâm-thần phải lấy An thai làm chủ, dùng thuốc công bổ không nên mau quá, cho nên làm chầm chậm mới hay, tức là phép thế.

桂枝湯列第一 Quế-chi thang, liệt đệ nhất (Thang Quế-chi, đứng bực nhất)

TimSách

Thang này trị về Ngoại chứng là giải Cơ, hòa Vinh vệ, trị về Nội chứng là hóa khí, điều âm-dương, người ta chỉ biết là phương đầu về chứng Thương-hàn, đây ở thiên Nhâm-thần cho là phương bực nhất để kêu tỉnh giấc mộng của các Dung-y tức là phép này. Đức Trọng-Sư nói rằng : Phụ-nhân bình-mạch, âm-mạch nhỏ yếu, khát nước mà không ăn được, không nóng, lạnh tức là nhâm-thần lấy thang Quế-chi làm chủ, chú rằng Âm bác Dương biệt là có con, nay lại nói Âm mạch nhỏ yếu là chỉ có thai hai tháng lẫn khí Hạ-tiêu thế không thể mạnh được. Nhưng khi mới có nhâm thần trên dưới vốn không bệnh, nhân Tử thất có khí ngưng đầy rẫy trên dưới, cho nên lấy một vị Thược-dược để giữ Âm khí không cho tràn lên trên, lấy vị Quế-Khương Cam-thảo để phù dương khí Thượng-tiêu mà biết dược vị-khí, chỉ khiến Dương khí ở Thượng-tiêu đầy đủ có thể chống được Âm-khí lấn lên là đủ, không phải trị bệnh mà trị bệnh vậy.

附半羌功超軼 Phụ-Bán-khương, công siêu trật (Vị Phụ, Bán, Khương, công dụng tột bực)

Thời-Y cho rằng : vị Phụ-tử Bán-hạ trụy thai mà không dám dùng, vị Càn-khương nghi là nóng cũng ít dùng, nhưng không biết vị Phụ-tử bổ chân Hỏa của Mệnh-môn để nâng Thai lên, vị Bán-hạ hòa Vị-khí để An thai, vị Càn-khương làm ấm thổ-tạng khiến cho Thai dễ lớn, Tục-tử đâu có biết.

內十方皆法律 Nội Thập phương, giai pháp luật (Trong mười Phương, đều là khuôn phép)

Thang Quế-chi trị Nhâm-thần ; thang Phụ-tử trị bụng đau, tiểu-phúc như quạt ; thang Phục-linh, Quế-chi trị trên

TimSách

ba tháng lậu hạ, động ở trên rốn là chừng Há-cố ; Đương-quy, Thược-dược tán trị có thai đau nhức trong bụng ; Càn-khương. Nhân-sâm, Bán-hạ hoàn trị có thai nôn oẹ hoài ; Đương-quy, Bối-mẫu, Khổ-sâm hoàn, có thai khó đi tiểu-tiện ; Đương-quy tán thường dùng trong lúc Nhâm-thần ; Bạch-truật tán dưỡng Thai trong lúc Nhâm-thần : Phương nào cũng hay chói lói, biết dùng hiệu như thần, duy có Nhâm-thần có thủy khí nặng mình. tiểu-tiện không lợi, sợ lạnh, đứng lên đầu choáng váng thì dùng thang Quỳ-tử Phục-linh tán không nghi ngại gì nữa-

產後篇 有神術 Sản hậu thiên, hữu thần thuật (Thiên Sản-hậu, có phương thuật thần)

Cộng có chín phương thuốc.

小柴胡 首特筆 Tiểu-sài-hồ, thủ đặc bút (Thang Tiểu-sài-hồ, nêu ra trước tiên)

Nhâm thần lấy thang Quế-chi làm phương thứ nhất, Sản-hậu lấy thang Tiểu-sài-hồ làm phương thứ nhất, Phụ-nhân mới sanh có ba bệnh, một là bệnh hình, hai là bệnh Uất, ba là bệnh đại-tiện khó đi, Sản-phụ uất-vị, mạch nhỏ yếu, nôn mà ăn được, đại-tiện cứng, chỉ có đầu ra mồ hôi, lấy thang tiểu-sài-hồ làm chủ.

竹葉湯 風連疾 Trúc-diệp thang, Phong kinh tật (Thang Trúc-diệp, trị chứng Phong kinh)

Kim-quỹ nói rằng : Sau khi sinh trúng phong phát nóng mặt đỏ, suyễn mà nhức đầu lấy thang Trúc-diệp làm chủ Tiền-viện-Sứ chua rằng : Trúng Phong thường có bệnh Kinh, xét ra các Dung-y đối với chứng này thường dùng thang Sinh-hóa gia những vị : Khương, Quế, Kinh-giới, Ích-mẫu-thảo cho uống giết người ta vô số.

TimSách

陽旦湯 功與匹 Dương đán thang, công dữ thất (Thang Dương-đán, công dụng ngang nhau)

Tức là thang Quế-chi thêm quế gia Phụ-tử thì sống người, nếu thang Quế-chi gia Hoàng-cầm là lầm, bởi vì Phong nhân thế Hỏa, Hỏa mượn oai Phong mà hơ đốt gân thành ra chứng Kinh thì dùng thang Trúc-diệp, nếu đã lâu vài hôm mà còn chứng sợ lạnh tức là Hàn-phong nên cho uống thang này, hai thang, một thang Hàn, một thang Nhiệt đối nhau. Đức Trọng-Sư nói rằng : sau khi sinh bị trúng phong và mười bữa không giải, đầu hơi nhức, sợ lạnh, thường thường có nóng, bụng dưới buồn, nôn khan, dẫu rằng lâu mà chứng Dương-đán vẫn còn, nên cho uống thang Dương-đán.

腹痛條 須詳悉 Phúc-thống điều, tu tường tất (Những điều Phúc thống, phải nên tường tất)

Tám câu dưới đây đều nói về Phúc-thống khác nhau, mà phương dùng cũng khác.

羊肉湯 疗痛證 Dương-nhục thang, giảo thống mật (Thang Dương-nhục, trị chứng đau bụng)

Giảo-thống là bụng đau lầm-nhầm, tức là Hư-chứng.

痛滿煩 求只實 Thống mãn phiền, cầu chỉ-thực (Bụng đau, đầy, buồn, cầu thang Chỉ-thực)

Bụng đầy buồn không nằm được là Lý-thực, nên cho uống Chỉ-thực, Thược-dược tán, hay ở chỗ lấy cháo Mạch mà hạ.

著臍痛 下瘀吉 Trước tễ thống, hạ Ứ cát (Đau ở dưới rốn, hạ ứ huyết hết)

TimSách

Trong bụng có huyết ứ ở dưới rốn mà đau, nên cho uống thang Hạ-ứ.

痛而煩 裏熱室 Thống nhi phiền, lý nhiệt trất (Bụng đau và buồn, bởi lý nhiệt lấp)

Tiểu phúc đau tuy là huyết đình ứ, nhưng không đi đại-tiện, về chiều buồn bực nóng nẩy và nói lảm nhảm là không phải nguyên chứng huyết đình ứ, huyết nhân ở trong nóng mà không hành được, chớ không phải huyết kết ở dưới, thì phải công ứ mới hết được, Kim-Quỹ cho uống thang Đại-thừa-khí công nhiệt.

攻涼施 毋固必 Công lương thi, vô cố tất (Công, Lương đem trị, đừng có cố chấp)

Công, có thang Đại-thừa-khí, Lương, có Trúc-bì đại-hoàn, Bạch-đầu-ông gia Cam-thảo A-giao thang.

Kim-Quỹ nói rằng . bệnh đã giải, ăn được, bảy tám bữa lại phát nóng tức là Vị-thực, lấy thang Đại-thừa-khi làm chủ, Lại nói trong vú của phụ-nhân hư phiền mà nôn ói lấy thang An-trung Ích-khí Trúc-bì đại hoàn làm chủ. Lại nói sau khi sinh mà hạ lợi, thế là hư cực, lấy thang Bạch-đầu-ông gia Cam-thảo A-giao làm chủ, đọc rồi mới biết cái thuyết của ông Đan-Khê cho rằng sau khi sinh rồi cần phải đại bổ Khí huyết làm chủ, sau nữa sẽ trị ở ngọn, thật là lầm lớn.

雜病門 還熟讀 Tạp bệnh môn, hoàn thục độc (Những môn Tạp bệnh, nên đọc cho kỹ)

Kim-Quỹ nói: Tạp bệnh của phụ-nhân chỉ lấy sáu chữ (Nhân hư, Tích-lãnh, Kết-khí) làm cương mục, đoạn chót

TimSách

làm ra thiên biến vạn đoan đều bởi ở Âm Dương Hư Thực mà chỉ nói về mạch Huyền Khẩn là bởi ở ban đầu Kinh trở, đại khái thuộc Hàn-khí kết thì mạch Huyền, Hàn quá thì mạch Khẩn lấy đó làm chủ mà trị.

二十方效俱速 Nhị thập phương, hiệu câu tốc. (Trong hai mươi phương, đều hiệu-nghiệm mau).

隨證詳難悉錄 Tùy chứng tường, nan tất lục (Theo chứng thì rõ, không thể chép hết được)

惟溫經帶下服 Duy Ôn-kinh, đới-hạ phục (Duy thang Ôn-kinh, trị chứng đới-hạ)

Mười hai Hà, chín thống, bảy Hạ, năm Thương, ba cố, cộng là ba mươi sáu thứ, đều bởi kinh mà thành bệnh, gọi tóm lại là chứng Đới-hạ, tức là bệnh Đới-mạch, chớ không phải thuyết Xích-bạch đái-hạ ngày nay, thang Ôn-kinh trị đàn bà chứng Âm hạ huyết, chiều phát nóng, bàn tay buồn nóng, bụng đau, miệng khô v, v... thực ra công dụng của thang Ôn-kinh không phải trị có bấy nhiêu đó mà thôi.

甘麥湯臟燥服 Cam-mạch thang, tạng táo phục (Thang Cam-mạch, trị tạng khô ráo)

Kim-qũy nói rằng : Phụ-nhân tạng khô ráo thì đau tủi muốn khóc, hình như bệnh Thần-linh làm, thiếu sự thong thả, dùng thang Cam-mạch Đại-tảo làm chủ.

藥到咽效可卜 Dược đáo yết, hiệu khả bốc (Thuốc uống khỏi họng, thấy kiến hiệu liền)

Các Thày thuốc ở Mân-trung thấy tôi dùng và phương

TimSách

thuốc ấy có kỳ hiệu, đều biên ở sau Độc bản, đó cũng là Y phong có thay đổi, tôi lấy làm mong lắm.

道中人須造福 Đạo trung nhân, tu tạo phúc
(Người trong đạo làm thuốc, cũng nên tạo phúc)

ĐÔNG Y-SĨ
NGUYỄN - HUY - THẤT
CỰ'-THẤT
CHỮA CHÂN TAY

Gẫy xương, bong gân, trật khớp và phong thấp rất thần hiệu cùng các bịnh gân, xương, nhức mỏi đã được tín - nhiệm với đồng bào Bắt-Việt.

Trước ở Hàng Điếu Hà-Nội nay đã tiếp khách tại.

287, Gia-Long gần Ngã Sáu (Saigon)

Chủ Nhật chữa làm phước ở Tịnh Độ Cư SĨ

282, đường Lacaze Cholon từ 10 đến 12 giờ

TimSách

NHỮNG PHƯƠNG THUỐC VỀ PHỤ-NHÂN

Tứ-vật thang : Trị trăm thứ bệnh của Phụ-nhân.

當歸身	Đương-qui thân	3 ch
熟地	Thục-địa	3 ch
白芍	Bạch-thược (sao rượu)	3 ch
川芎	Xuyên-khung	1,5 ch

Đổ 3 chén nước sắc còn 8 phân uống, gia Chích thảo 1 chỉ, Chế Hương-phụ 2 chỉ.

Quy-tỳ thang : phương này chua ở trong mục Hư-lao.

Tiêu-dao tán : (Cảnh Nhạc)

(Trị Phụ-nhân lo uất quá độ làm thương Tâm Tỳ, khí huyết ngày khô lần tới kinh mạch không đều.)

當歸	Đương-quy	3 ch
熟地	Thục-địa	5 ch
芍藥	Thược-dược	1,5 ch
炒棗仁	Tảo-nhân sao	2 ch
茯神	Phục-thần	1,5 ch
炙草	Chích-thảo	1 ch
陳皮	Trần-bì	8 ph

TimSách

遠志 Viễn-chí 5 ph

Đổ 3 chén nước sắc còn 8 phân uống.

Khí hư gia Nhân-sâm, kinh-trệ gia Hương-phụ.

Xét ra phương này tuy tầm thường, song cũng có thể nhuận được Dương-minh táo, cho nên theo Tục mà chép vào đây.

Đương-quy tán : (Kim-Quỹ)

Người gầy ốm mà có Thai hỏa không yên nên dùng :

Đương-Quy ; Thược-dược ; Hoàng-cầm ; Xuyên-khung

mỗi vị một cân, Bạch-truật nửa cân, cùng tán nhỏ mỗi lần uống 1 chỉ với rượu, ngày uống hai lần.

Người có Thai thường uống thì dễ sinh mà Thai mạnh, sau khi sinh, bệnh gì cũng uống được.

Bạch-truật tán (Kim-qũy)

Đàn bà mập trắng có Thai hàn không yên, uống phương này có thể dưỡng Thai được.

白术 Bạch-truật 川芎 Xuyên-khung 川椒 Xuyên-tiêu 牡蠣 Mẫu-lệ, cân lạng bằng nhau cùng tán nhỏ, mỗi lần uống 1 chỉ với rượu, ngày uống 3 lần, đêm 1 lần, lầm nhầm đau bụng gia Bạch-thược, bụng dưới đau nhức gia Xuyên-khung, trong bụng buồn đau ói không ăn được gia Tế-tân Bán-hạ, uống rồi bệnh chưa bớt thì uống nước tiểu-mạch, khát nước thì uống nước Đại-mạch, bệnh dẫu hết cũng cứ uống.

- Bảo-sản vô-ưu tán :

TimSách

Phụ-nhân gần sinh uống một hai tễ tự nhiên dễ sinh, hoặc gặp khi sinh ngang đẻ ngược, liền mấy bữa không sinh được thì uống hai ba tễ thấy thần hiệu.

當歸	Đương-quy rượu rửa	1 5 ch
川貝母	Xuyên bối-mẫu	1 ch
生黃芪	Hoàng kỳ sống	8 phân
艾葉	Ngải-diệp	9 phân
酒芍	Tửu-thược	1,2 ch
兎絲子	Thỏ-ty-tử	1,4 ch
厚朴	Hậu-phác sao gừng	7 phân
荊芥穗	Kinh-giới tuệ	8 phân
只壳	Chỉ-sác sao	6 phân
川芎	Xuyên-khung	1,3 ch
羌活	Khương-hoạt	5 ph
甘草	Cam-thảo	5 ph

Gia 3 lát gừng sống đổ 2 chén nước sắc còn 8 phân uống lúc đói bụng.

Phương này toàn dùng phép đầy, mở, Đương-qui Xuyên-khung, Bạch-thược để dưỡng huyết hoạt huyết, Hậu-phác để khứ huyết ứ, dùng để đầy mở huyết mạch ác lộ không đầy lấp được, Khương-hoạt, Kinh-giới để sơ khai Thái-dương, Thái-dương trị thì mọi Kinh đều trị, Chỉ-sác để sơ lý khí kết, khiến cho Thai khí liễm mà không lo trớ trệ, Ngải-diệp cho ấm Tử cung, động tới Tử cung thì Bào thai linh động, Bối-mẫu Thỏ-ty rất hay hoạt Thai

TimSách

nhuận Khí, đem toàn thể Thai Khí mới lớn đủ cả thú Thiên nhiên hoạt bát, gia Hoàng-kỳ là để phù nguyên khi, nguyên khí mạnh thì có sức chuyển động, Sinh khương thông thần minh, trừ uế khí, tan lạnh chỉ ẩu để phù Chính khí, an Vị khí, Cảm-thảo hòa các thứ thuốc cho đều mà hoàn dược thần pháp đầy mở, phương này nhiều người không giải được, ông Trình-sơn-Linh chú giải rất cao, cho nên chép cả ra đây.

Gia vị Quy khung thang :

川芎	Xuyên-khung	3 ch
當歸	Đương-quy	5 ch
龜板	Quy-bản sống	3 ch

Lấy tóc ở thóp con nít mới sinh đốt bằng hột gà bỏ vào đổ 3 chén nước sắc còn 8 phân uống nóng, uống rồi lâu chừng người đi được năm dặm đường thì sinh.

Đương quy bổ huyết thang :

當歸	Đương-quy	5 ch
炙芪	Chích-kỳ	1 lạng

Đổ nước sắc uống, gia Phụ-tử 3 chỉ, hay là Quế 1 chỉ rất thần hiệu

Thất-tiếu tán

(Phương này chua ở trong mục Tâm-phúc thống).

Sinh-hóa Thang :

當歸	Đương-quy	3 ch
川椒	Xuyên-tiêu	2 ch

TimSách

干 羌	Càn-khương	5 phân
桃 仁	Đào-nhân bỏ vỏ	1,5 ch
炙 草	Chích-thảo	1 ch

Đổ 2 chén nước sắc còn 8 phân uống.

Sản hậu trúng phong miệng câm, co rút hay ưỡn ra nên gia Kinh-giới tuệ 3 chỉ. Lại có phương trúng phong miệng câm dùng Hoa-Đà dũ phong tán tức là một vị Kinh-giới-tuệ đem bồi đừng để cháy đen tán nhỏ rồi dùng Đồng tiện và rượu cho uống, miệng câm không đổ thuốc được thì lấy hơn 1 lạng đổ Đồng tiện vào đun sôi đổ vào lỗ mũi cho xuống.

Đương-quy Sinh-khương Dương-nhục thang :

(Phương này chua ở trong mục Tâm-phúc thống.)

Trúc-diệp thang (Kim-quỹ)

(Trị sản hậu trúng phong bệnh Hình phát nóng mặt đỏ, suyễn, nhức đầu :)

鮮 竹 葉	Tiên-trúc diệp	49 lá
葛 根	Cát-căn	3 ch
防 風	Phòng-phong	1 ch
吉 更	Cát-cánh	1 ch
桂 枝	Quế-chi	1 ch
人 參	Nhâm-sàm	1 ch
附 子	Phủ-tử	1 ch
甘 草	Cam-thảo	1 ch

TimSách

生 羌	Sinh-khương	5 ch
大 棗	Đại-tảo	5 trái

Đổ 3 chén nước sắc còn 8 phân uống nóng, trùm mền cho ra mồ hôi, ngày đêm uống 3 lần. Đầu cổ cứng gia thêm 5 phân Phụ-tử, ói gia bán-hạ 2 chỉ, nếu tự ra mồ hôi bỏ Cát-căn gia Quát-lâu-căn 3 chỉ, Phụ-tử 5 phân.

Sản hậu chứng Hình mười người chỉ cứu được một người, trừ phương này ra không còn phương nào hơn nữa.

Cam-mạch Đại-tảo thang :

甘 草	Cam-thảo	3 ch
小 麥	Tiểu-mạch	1,6 lạng
大 棗	Đại-tảo	10 trái

Đổ 3 chén nước sắc còn 1 chén uống. ngày uống 3 lần, chỉ chép ở Kim-quỹ có 5 phương, còn nữa không hề đăng hết được,

TimSách

ĐÔNG Y-SĨ

HÀ-DOÃN-TRUNG

VÀ CON **THIẾU-TRUNG**
TIỂU-TRUNG

Xem mạch người lớn và trẻ em

Chuyên môn châm cứu

Số 94, Nguyễn-Trí-Phương

CHOLON

中允何

中少 } 男擱
中小 }

脈方小大

灸針手老

提岸阮智芳大道九十四號

Tìm Sách

Tiểu-Nhi thứ 24

小兒病多傷寒 Tiểu nhi bệnh, đa Thương-hàn (bệnh Tiểu nhi, nhiều Thương-hàn)

Ông Dụ-gia-Ngôn nói rằng : Phương thư cho rằng. Tiểu nhi từ 8 tuổi trở về trước không có chứng Thương hàn, thế là nói sai, Tiểu nhi không quen lạnh, khi mới truyền vào Kinh Thái-dương thì đã mình nóng ra mồ hôi nhiều, cân mạch lay động, người mê man, thế đã trầm trọng lắm rồi, như ở Kinh đó uống lắm thuốc chết liền, còn đợi đâu tới truyền Kinh, cho nên bảo rằng không có chứng Thương-hàn, Tục gọi là Kinh-phong cũng là chứng đó.

稚陽體邪易干 Trĩ dương thể, tà dị can (Thân thể non dương, Tà dễ sâm nhập)

Thời Y cho non Dương là thuần Dương đó là quan-hệ về sống chết, mới mở miệng ra đã lầm rồi.

凡發熱太陽觀 Phàm phát nhiệt, Thái-dương quan (Phàm phát nóng, coi Kinh Thái-dương)

Thái-dương chủ bên ngoài trong mình người, Tiểu-nhi lỗ chân lông chưa kín dễ bị tà sâm nhập, thành những chứng đầu đau cổ cứng phát nóng sợ lạnh. Tiểu-nhi không nói ra được, duy sờ thấy nóng thì rõ.

TimSách

熱未已 變多端 Nhiệt vị dĩ, biến đa đoan (Nóng chưa rứt, biến ra nhiều thứ)

Ông Dụ-gia-Ngôn nói rằng : thấy Tiểu-nhi bị bệnh lắc đầu, mình cứng chân tay co rút, trợn mắt, miệng câm cho là kinh phong mà dùng những thuốc công đàm, trấn kinh, thanh nhiệt cho uống thì có thể chết liền, không biết rằng mạch Thái-dương bắt đầu từ khóe mắt lên tới trán chuyền tới đỉnh đầu vào trong óc rồi xuống gáy cổ xương sống tới trong eo cho nên thành ra những chứng ở trên, lúc bấy giờ nếu dùng thang Quế-chi cho uống thì không việc gì, quá nữa biến thành chứng kinh không có mồ hôi dùng thang Quế-chi gia Cát-căn, có mồ hôi dùng thang Quế-chi gia Quát-lâu-căn, đó là phép trị kinh Thái-dương mà gồm cả kinh Dương-minh vậy, hay là chứng nóng lạnh dây dưa mà ói nhiều dùng thang Quế-chi hợp với thang Tiểu-sài-hồ hay là nguyên thang Tiểu-sài-hồ cho uống, đó là phép trị kinh Thái-dương mà gồm cả kinh Thiếu-dương vậy.

太陽外 仔細看 Thái-dương ngoại, tử-tế khan (Ngoài kinh Thái-dương, nên coi rõ ràng)

Ông Dụ-gia-Ngôn nói rằng : ba bữa bệnh hết được là quý, nếu bệnh không hết mà truyền sang kinh khác thì coi chứng bệnh thuộc về kinh đó mà trị, phải nên coi cho rõ.

遵法治 危而安 Tuân pháp trị, nguy nhi an (Theo phép trị bệnh, nguy mà yên được)

Theo phương pháp của Lục-kinh mà trị bệnh, đã chua rõ ở trong mục Thương-hàn luận.

若吐瀉 求太陰 Nhược thổ-tả, cầu Thái-âm (Còn chứng thổ-tả, cầu ở kinh Thái-âm)

TimSách

Bệnh Thái-âm là thổ, tự lợi, không khát, chân tay ấm, bụng thường đau làm đề cương, lấy thang Lý-trung làm chủ.

吐瀉甚變風淫 Thổ tả thậm, biến phong dâm (Thổ tả luôn luôn, biến chứng Phong dâm)

Thổ tả không dứt là Thổ hư mà bị Mộc-tà lấn. Tả-truyện nói rằng : Phong-dâm là mạt tật, mạt là cuối rốt của Tứ chi, tức là cái ráng bệnh co rút.

慢脾說即此尋 Màn-tỳ-thuyết, tức thử tầm (Thuyết Màn-tỳ, tìm ở đây)

Đời thường cho là chứng Màn tỳ phong phần nhiều chết, nhưng không biết là Thái-âm Thương hàn, lúc sơ đầu bị thương Thái-âm, rồi lần lần truyền hẳn vào Thái-âm, có khi lầm đem dùng những vị Thần-khúc, Mạch-nha, Sơn-tra La-bạc-tử, Chỉ-sác, Đình-lịch, Đại-hoàng, Qua-lâu, Đởm-nam-tinh, để hãm vào Thái-âm, đã vào Thái-âm thì theo phép Thái-âm mà trị, như chứng thổ tả rồi mình lạnh mồ hôi ra không dứt, chân tay cứng đờ dùng thang Lý-trung gia phụ-tử hay thang Thông-mạch Tứ-nghịch, thang Bạch-thông cho uống đó là cách trị Thái-âm mà gồm cả Thiếu-âm vậy. Như chứng Thổ-tả tay chân lạnh, buồn bực muốn chết, không thổ đồ ăn mà chỉ thổ nhớt rãi, dùng thang Lý-trung không ứng, nên dùng thang Ngô-thù để giúp thêm, đó là cách trị Thái-âm mà gồm cả Quyết-âm, còn chứng Tam-âm Nhiệt-hóa như Thái-âm, chứng bụng khi đau khi hết dùng thang Quế-chi gia Thược-dược, đại-tiện thực mà đau bụng dùng thang Quế-chi gia Đại-hoàng. Thiếu-âm : chứng h· mà nôn khát, bụng buồn bực không ngủ được, nên dùng thang Chư-linh, trong bụng buồn bực không nằm được nên dùng thang Hoàng-liên A-giao. Quyết-âm : chứng tiêu

TimSách

khát, hơi đưa lên thổ ra con trùng, hạ-lợi nên dùng ô-mai hoàn, hạ-lợi rồi lại muốn uống nước dùng thang Bạch-đầu-ông, những chứng ấy cũng có khi có, phải đọc kỹ Thương-hàn luận tự hiểu, nhưng đề cương không ở đó.

陰陽證二太撿 Âm-dương chứng, Nhị-thái cầm (Chứng âm-dương, bắt hai Thái trước)

Ba Dương chỉ trị ở Thái-dương, ba âm chỉ trị ở Thái-âm đó là thủ-đoạn đánh giặc bắt vua trước, Thái-dương, Dương-minh Thiếu-dương tức là ba Dương, Thái-âm Thiếu-âm Quyết-âm tức là ba âm.

千古秘理蘊深 Thiên-cổ bí, Lý uẩn thâm (Bí quyết ngàn xưa, nghĩa lý sâu-xa)

Ông Du-gia-Ngôn nói: thông lý của đạo Thuyên, được Dị-nhân trao cho quyển Độc-đắc thiên cổ chỉ bí. Ông Hồ-mãng-Thần nói rằng: tập về ấu-khoa phải nên hư tâm để lãnh hội mới tránh được sự tai-ương khổ hải, nếu lập dị thuyết sẽ gây ra sự nghiệt ác vô cùng.

即痘疹此傳心 Tức đậu chẩn, thử truyền tâm (Chứng Chẩn đậu, coi đây truyên tâm)

Chứng Đậu là độc ở Tiên-thiên núp ở Mệnh-môn, nhân cảm ngoại tà mà phát ra, khi mới tấy lên dùng thang Quế-chi theo kinh Thái-dương để hóa khí, khí đã hóa thì độc không lưu lại, tự nhiên không có những chứng uất-nhiệt, can chi phải dùng những thuốc Liên-kiều Tử-tháo Sinh-ngưu-bàng, Sinh-địa, Tê-giác, Thạch-cao, Cầm-liên, để tới nỗi hàn thành biến chứng ư ? tới khi báo điềm đã đều muốn cho tương đầy dễ kết vầy thì nên cầu ở kinh Thái-âm, dùng thang Lý-trung cho bổ Thổ-khí ở Trung-cung

TimSách

để cho gốc thành Tương (mủ) thoát Già (vẩy) cũng không cần nhờ ở sức của thang Bảo-nguyên và Lộc-nhung Nhân-nhũ Nhu-mễ Quế-viên vậy. Nếu dùng độc dược để cho thành Tương tức là làm tổn Thổ-khí ở Trung-cung rồi, còn làm sao mà thành Tương được nữa, cách trị như thế làm hại người nhiều lắm. Các sách về Đậu-chứng xưa nay chưa từng nói tới, duy có ông Trương-ẩn-Am biện luận đã hơi rõ cái cơ về chứng Đậu ở ngoài lời nói, thế là biết trọng đạo mà không giám khinh tiết ra chăng? Còn chứng Chẩn có hơi nhẹ hơn chứng Đậu một chút, phép trị cũng phải theo như vậy. Bộ Y-học chân-truyền của ông Cao-sĩ-Tôn có phép dùng thang Quế-chi gia Kim-ngân-hoa Tử-thảo mà trị.

誰同志 度金鍼 Thùy đồng-chí, độ Kim-châm (Ai người đồng chí? độ kim-châm),

TìmSách

NHỮNG PHƯƠNG THUỐC VỀ TIỂU-NHI

Không có chuyên phương về tiểu-nhi, lấy những phương ở trên chiết làm tễ nhỏ dùng mà trị. Ngày nay hễ nói tới khoa Tiểu-nhi mở miệng ra thì bảo là Thực, là Kinh, là Phong, là Cam, còn dùng thuốc đại để lấy những vị Câu-đằng Tần-giao Phòng-phong Khương-hoạt Độc-hoạt Thiên-ma Tiền-hồ Toàn-yết Cương-Tâm làm thứ thuốc trừ Phong, lấy Châu-sa Ngưu-hoàng Đởm-tinh Thạch-sương-bồ Thiên-trúc-hoàng Đại-giả-thạch Thanh-đại Xích-thược Kim-ngân-hoa sắc cho uống làm thứ thuốc định Kinh, lấy Sơn-tra Thần-khúc Mạch-nha Cốc-nha Lai-bạc-Tử Chỉ-sác Hậu-phác Binh-lang Thảo-quả làm thứ thuốc tiêu-thực, lấy Vô-di, Phỉ-tử, Xử-quân-tử, Minh-linh-thổ Ngũ-cốc-trùng làm thứ thuốc trị Cam, như những loại Hạnh-nhân Đình-lịch Tửu-cầm Tang-bạch-bì Bán-hạ-khúc Trần-bì Bối-mẫu Thiên-hoa-phấn bảo là thứ thuốc hay thông dụng để điều Khí hóa Đàm, cha truyền cho con, thày truyền cho trò để làm vật chuyên phương giết người. Ông Tiền trọng-Dương xướng ra thứ thuốc kim-thạch còn có một hai phương phải đạo, đến như thang Thiết-kinh Thái-vi thì làm sai lạc đạo nhiều lắm, gần đây về Nhi-khoa chỉ dùng những thứ thuốc nói trên, nhậm ý viết ra để gây ra ác-nghiệt không biết bao nhiêu mà kể, thực lấy làm căm giận.

TimSách

CẦN ĐẠI LÝ

Bán các thứ trà MINH THÁI Ô TÔ KIM TÂN thơm nhứt. Muốn Đại Lý mời tới Hãng Trà Kim Tân uống thử và xem trà ngon hãy mua.

1) Ai hay xây xẩm mặt mày mặt, tim đập mạnh hồi hộp đêm ngủ hay chiêm bao sợ hãi, hay quên v. v... UỐNG BỔ TIM KIM TÂN chỉ 3, 4 ngày hết mệt như ý.

2) Ai đau lưng gối mỏi, mắt mờ răng nhức buốt, sinh chứng hắc hơi sổ mũi, mệt, ho, buồn mỏi xương cốt hãy dùng SÂM NHUNG YẾN KIM TÂN chữa đúng như lời nói.

3) Ai ho hen, Siễng thở nhức mỏi, tức ngực chói bên hông đêm lăn lộn không ngủ, hãy dùng HỒ CỐT PHONG ĐỜM KIM TÂN được ngủ yên.

4) Các bà các cô có kinh không đều, huyết trắng, đau giây chằng, biến ra nhiều chứng có thuốc chữa mau hết.

5) Trẻ con gầy còm ít ăn, đổ mồ hôi xanh mét có nọc ban, dùng CAM SÂM YẾN là thuốc bổ trẻ em ưa dùng mau lớn mập mạnh.

6) Các bà có thai, trong người nóng nhiệt có thuốc bổ dưỡng YÊN THAI KIM TÂN và sau khi sinh xong xin nhớ dùng HẬU SẢN KIM TÂN cho mẹ tròn con khỏe, người hồng hào trẻ đẹp.

7) Người hiếm muộn con, muốn có quý tử xin mời đến nhà thuốc Kim Tân do coi mạch để biết rõ nguyên căn bệnh và sẽ trình bày quý vị rõ và phòng bệnh.

HÃNG THUỐC

KIM - TÂN

Đông Dược Sĩ NGUYỄN-VĂN-TÂN

311, Hai Bà Trưng (ngay xế chợ TÂN ĐỊNH — SAIGON

(Cửa hãng có trưng hai con cọp lớn)

ĐẠI LÝ : 47 Võ Tánh Qui Nhơn — 210 A và B Quốc lộ số 1 Bồng Sơn — 56 Quang Trung Quảng Ngãi — 5 Nguyễn Hoàng Nha Trang — 30 Minh Mạng Đàlạt — Tế Lợi Đường 29 Phan Bội-Châu Huế — 18 Đông Ba Huế — tại chợ Dục Mỹ Tỉnh Ninh Hòa — 280 Trần hưng Đạo chợ Tuy Hòa — 390 Khu Xương Bình Đànẵng.

TìmSách

TẠNG-PHỦ

Mười hai Quan :

Linh-lan bí-điển nói rằng : Tâm là Quan quân chủ, thần minh ở đó mà ra : Phế là Quan Tương-truyền, trị tiết ở đó mà ra ; Can là Quan Tướng-quân, mưu lự ở đó mà ra ; Đảm là Quan Trung-chính, quyết đoán ở đó mà ra ; Đán-trung là Quan Thần-sứ, vui mừng ở đó mà ra ; Tỳ-Vị là Quan Thương-lẫm, năm mùi ở đó mà ra ; Đại-trường là quan truyền-đạo, biến hóa ở đó mà ra ; Tiểu-trường là Quan Thụ-thình, hóa vật ở đó mà ra ; Thận là Quan Tác-cường khéo léo ở đó mà ra ; Tam-tiêu là Quan Quyết-độc, đường nước ở đó mà ra ; Bàng-quang là Quan Châu đô, tân-dịch chứa ở đó, có khí hóa thì ra. Xét ra ở đây lấy Tỳ Vị hợp chung là một Quan e rằng sai lầm, Thiên thích Pháp bổ-di nói rằng ; Tỳ là Quan Gián-nghị, sự hiểu biết ở đó mà ra ; Vị là Quan Thương-lẫm, năm mùi ở đó mà ra, lấy đó bổ vào mới đủ số mười hai Quan.

Nói về tâm :

Tâm là tạng Hỏa, là chủ của thân người, là nơi Thần-minh đóng ở đó. Theo lối chữ Tiểu-truyện thì chữ Tâm (心) chỉ là một chữ Hỏa (火) đảo ngược đấy thôi. Vì Tâm là tạng Hỏa, không muốn Hỏa bốc thành ngọn lửa bốc lên, cho nên chữ Hỏa viết đảo-ngược thành chữ Tâm, để ngụ ý thần diệu dụng của Hỏa vậy.

TimSách

Ông Chúc-vô-Công nói rằng : một nét vạch của họ Bào nguyên là hình ngang, nếu nét ngang ấy dựng thẳng lên thì thành nét sổ (|) đặt nghiêng về bên tả thì thành nét phẩy (ノ) ngả về bên hữu thì thành nét mác (乀) rút ngắn lại thì thành nét chấm (•) bắt ngang thì thành vòng câu (乙 乙). Nhìn hình nét chấm (•) thì tròn mà có tinh thần. Nhìn hình nét ngang (一) nét sổ (|) nét phẩy (ノ) nét mác (乀) ta thấy vuông và thẳng, lối chữ biến hóa rất nhiều, nhưng chữ nào cũng không thể ngoài nét ngang, nét sổ, nét phẩy, nét mác mà kết cấu thành chữ được, chỉ có chữ Tâm muốn cho lưu-động, toàn, chuyển cũng không ngoài được nét ngang, nét sổ, nét phẩy, nét mác được, nếu muốn tìm một chữ khác để tác đối cũng không thể được, chữ Tâm nghĩa là mới, thần minh biến hóa mỗi ngày mỗi mới vậy. Tâm chú huyết mạch, Huyết-mạch lưu thông kkông đình trệ thì người ta khỏe, nếu không thế thì người ta đau yếu.

(Tâm hợp với mạch, làm cho sắc đẹp, khai khiếu ở lưỡi)

Nói về Can :

Can là tạng mộc, là nơi Hồn đóng ở đó, Can là cán, hình thể như nhánh cây, ngôi đóng ở phương Đông mà chủ về sinh khí, Thời-Y không rõ Lý, lại nói : Can không có phép bổ, chỉ nên cho mát và nên phạt, vì nêu cái thuyết Mộc khắc Thổ, mà không hiểu Hậu-thiên Bát-quái sánh với tượng Hà-đồ Tam Bát là Mộc đóng ở phương Đông tức là ngôi Hậu-thiên Cấn Tốn, Tốn ở trên, Khôn ở dưới là Quẻ Quan, Kinh-Dịch nói rằng : Xem thần-đạo của trời mà bốn mùa không sai biến ; trên Khôn dưới Chấn là quẻ Phục, Kinh-dịch nói rằng : lại được thấy cái tâm của Trời Đất, thật là nghĩa rộng lớn lắm thay !

TimSách

(Can hợp với gân, làm cho cứng tốt móng chân tay, khai-khiếu ở mắt).

Nói về Tỳ :

Tỳ là tạng Thổ, chứa ý với trí, ở dưới Tâm và Phế, cho nên theo chữ Ty, Tỳ là giúp, giúp đỡ Vị khí để tiêu hóa món ăn, Kinh nói rằng : nạp cốc thì tốt, là ở chỗ đó. (Tỳ hợp với thịt, làm cho môi đẹp, khai khiếu ở miệng)

Nói về Phế :

Phế là tạng Kim, Phách chứa ở đó, Phế là bái (tuôn) vậy. Trong phổi có 24 lỗ, chia những khí trong, đục để đưa đi các tạng, khiến cho tuôn xuống không thể ngăn được. Nội-Kinh nói rằng : Phổi không ưa lạnh. Lại nói rằng : Hình lạnh, mà uống thứ lạnh thì Thương Phổi, đừng nên giữ cái thuyết Hỏa khắc Kim.

(Phế hợp với da, làm cho lông người tốt, khai khiếu ở mũi)

Nói về Thận :

Thận là Thủy tạng, chứa Tinh cùng chí, Ông Hoa-nguyên-Hóa cho là cái gốc của tính mệnh, Lại Thận là nhậm, chủ về xương mà giữ việc khắp trong mình, cho nên người ta mạnh hay yếu là hệ ở đó, Giáp-ất kinh nói rằng : Thận là dẫn vậy, dẫn khí thông với cốt tủy, Thận là thấp, nói là Thần diệu muôn vật vậy.

(Thận hợp với xương, làm cho tốt tóc, khai khiếu ở Nhị-Âm)

Nói về vị :

Vị thuộc thổ, là Phủ của Tỳ, là Quan Thương-lẫm, kho của Ngũ cốc, cho nên theo chữ Điền (ruộng) Điền :

Tìm sách

năm giống lúa ở đó mà ra là cái chợ của năm giống lúa, lại Vị là Vệ, cơm nước ăn vào trong Vị hóa đầy tinh khí đưa lên phổi thấm suốt Tứ-chi và khắp mình để che chở bên ngoài làm cho da lông kín đáo bền bỉ.

Nói về Đởm :

Đởm thuộc Mộc, là Phủ của Can, là quan Trung-chính, là kho Trung-thanh, mười một Kinh đều quyết ở nơi Đởm, người ta mạnh hay nhát, tà hay chính cũng ở nơi đởm, cho nên chữ theo Đam, Đởm là gánh vác, có đởm lượng mới có thể gánh vác được việc thiên-hạ, Can chủ nhân, nhân thì không nỡ, cho nên phải lấy Đởm đoán, Đởm ở khoảng lá ngắn của Can, nhân thì tất có mạnh vậy.

Nói về Đại-trường, Tiểu-trường :

Đại-trường là quan Truyền-đạo, biến hóa ở đó mà ra, thuộc Kim, là Phủ của Phế. Tiểu-trường là quan Thụ-thình (chịu đựng) hóa-vật ở đó mà ra, thuộc Hỏa, là Phủ của Tâm, người ta ăn cơm nước, Tỳ-khí hóa mà đưa lên trên, Trường thời hóa mà đưa xuống dưới, ý trường là sướng vậy, mới có thể sướng đạt được cái khí ở trong Vị, hễ Trường thông sướng được là người mạnh, nếu không thông sướng là người bệnh.

Nói về Tam-tiêu :

Tam-tiêu là khí ở trên, giữa, dưới ba tiêu vậy, Tiêu là nóng, trong bụng đầy khí nóng bủa khắp để thông điều đường nước, là Phủ của Tâm Bào-lạc, thuộc Hỏa, Thượng-tiêu không trị thì nước tràn ở Cao-nguyên. Trung-tiêu không trị thì nước đọng ở Trung-quản. Hạ-tiêu không trị thì nước đọng cả Nhị-tiện. Tam-tiêu khí trị thì mạch lạc thông

TimSách

mà đường nước lợi, cho nên gọi là quan Quyết-độc (khai-thông).

Nói về Thủ-tâm-chủ (tức là Tâm Bào-lạc)

Tâm là chủ-tể của Ngũ-tạng Lục-phủ, còn Bào-lạc là Tướng-hỏa ngoại-vệ của Quân-chủ, thay Quân-chủ mà làm việc, cho nên cũng có Chủ danh, sao lại thêm vào Thủ, bởi vì Thủ quyết-âm mạch thuộc Tâm bào, Thủ Tam-dương mạch tản mát mà truyền sang Tâm-bào, thế là Thủ cùng Tâm hợp, cho nên Tâm-bào-lạc cũng gọi là Thủ-tâm-chủ, trong 5 tạng thêm một tạng này nữa là sáu tạng vậy.

Nói về Bàng-Quang :

Bàng-Quang thuộc Thủy, là Phủ của Thận, Kinh nói Bàng-Quang giữ việc Châu-đô, tân-dịch chứa ở đó, hễ khí hóa thì tân dịch ra được, ý nói được khí hóa thì tân-dịch tiết ra ngoài mà tư nhuận tới da lông vậy. còn chuyên giữ về thủy đạo thì ở Tam - tiêu - phủ, cho nên Kinh nói Tam-tiêu coi việc khơi đào cho thủy đạo ra, ý nói khí nóng bủa khắp, khiến cho thủy đạo xuống phía dưới mà thành ra đi đái vậy. Hai chữ xuất ở Nội-kinh, một là xuất ra ngoài, hai là xuất xuống dưới, ngàn xưa ít ai hiểu cái ý đó, nay xin đem giải rõ ra, lại Bàng là một bên, Quang là sáng, ý nói là nguyên-khí ở khí-hải đầy đủ thì tân dịch chạy khắp các nơi mãi mãi, mà sớ thịt da lông đều nhờ đó mà sáng láng vậy.

Nói về Mệnh-Môn :

Việt-nhân chỉ Hữu-thận là Mệnh-môn, các nhà cho là không đúng, Tôi xét ở Nội-kinh ; Thái-dương gốc ở Chí-âm, kết ở Mệnh-môn, Mệnh-môn tức là mắt vậy.

Tìm sách

Thiên-linh khu kết căn, Thiên Vệ-khí với Tố-Vấn Âm-dương tạp hợp luận, ba thuyết đều giống nhau. Sau đọc tới kinh Hoàng-đình nói rằng : phía trên có Hoàng-đình, phía dưới là Quan-nguyên, phía sau có U-môn, phía trước có Mệnh-môn, mới hiểu rõ là nơi của Mệnh-môn ở đó. Phàm người ta trước khi thụ sinh, Tiên-thiên tinh khí tụ ở dưới rốn giữa khoảng Quan-nguyên Khí-hải, về Đàn bà thì có thể lấy tay mà sờ thấy được, tức Tục kêu là Sản-môn, còn về Đàn ông thì tới khi tiết tinh mới có thể biết được, đó tức là chìa khóa Bắc-môn, là nơi chí mệnh của người ta vậy. Lại xét theo thuyết Bảy Xông-môn của Việt-nhân bảo Phi-môn tức là môi, Hộ-môn tức là Răng, Hấp-môn tức là Hội-áp, Bí-môn là phía trên miệng Vị, U-môn là dưới cuống Đại-trường, Lan-môn là dưới cuống Tiểu-trường, Phách-môn tức là Giang-môn vậy, khi đi ỉa đi đái bởi khí hóa ấy mà ra, lại thêm lỗ đi đái là khí-môn, phàm đã gọi là cửa tức là nơi ra vào vậy. Phượng chi thân hình người ta trước khi chưa sinh, giữa lúc cha mẹ giao tế, đàn ông xuất tinh do cửa ấy mà ra, đàn bà thụ tinh cũng do cửa ấy mà vào, tới khi Thai-nguyên đủ hình lại do cửa ấy mà sinh ra, cho nên ngoài tám cửa chồng lên gọi là Mệnh-môn vậy, còn như Đốc-mạch mười bốn đốt, trong đó có huyệt Mệnh-môn, đó là chỉ ngoại-du mà nói, chớ không phải Mệnh-môn ở nơi đó vậy.

TimSách

VẬN KHÍ

Cái thuyết của Ông Trương-Phi-Trù cho rằng : Vận khí không đủ làm bằng.

Lời Ngạn nói rằng : làm thuốc mà không đọc năm Vận, sáu khí coi khắp các phương thư, thì có ích gì cho nghề làm thuốc, cho nên hễ ai hơi hiểu Y lý một chút là chỉ lấy Tư-Vận làm cốt-yếu, nhưng có biết đâu những thiên Thiên-nguyên-kỷ vốn không phải nguyên văn của Tố-Vận, đó là họ Vương lấy Âm-Dương đại-luận bổ vào trong kinh, người đời sau tưởng là cách ngôn của bực Thánh đời xưa, thì ai còn dám bảo là không phải, nhưng thực ra không có quan hệ gì với Y đạo hết, phương chi trong bài luận có nói rõ rằng : thời có thường-vị mà khí không nhứt định, thế mà còn đem ra bàn đi bàn lại chẳng qua xét cho cùng cái lý mà thôi. Ví dầu thắng phục có thường mà chính phương Nam Bắc, bốn phương có nơi cao, nơi thấp, bốn mùa có thuận trái khác nhau, trong khoảng trăm bước cớ nơi mưa, nơi nắng, ngoài ngàn dặm có chỗ lạnh, chỗ ấm khác nhau, có thể nào lấy phép nhất định mà lường được cái biến phi thường chăng ? nếu coi để đem ra bàn luận với nhau thì được, còn chấp nhất để đem ra trị bệnh thì thực là không thông vậy.

TimSách

1933 - 1958
25 NĂM DANH TIẾNG

Nhà thuốc Võ-Văn-Vân ra đời suốt 25 năm trời được sự tín nhiệm của Đồng Bào trong nước và hải ngoại là nhờ sự linh nghiệm của các thứ Cao Đơn Hoàn Tán do Ông Y-Học-Sĩ Võ-Văn-Vân Thudaumot, là một vị lương-y khắp Việt-Nam và hải ngoại đều biết tiếng, khảo cứu nhiều năm chế ra, nhứt là :

BÁ ĐÃ SƠN QUÂN TÁN

Thuốc trị bịnh tử cung, bạch đái, đau trắng dạ dưới, đau thắt ngang lưng, có nhiều bạch đái, hiệu nghiệm phi thường.

TAM TINH HẢI CẨU BỔ THÂN HOÀN

Trị Mộng Tinh, Di Tinh và Hượt Tinh, đau lưng nhứt mỏi, ai dùng rồi cũng khen tặng.

HI DI NINH THẦN HOÀN

Trị đau tim, trằn trọc không ngủ, ăn mất ngon, công hiệu như thần.

Và còn hơn 50 thứ thuốc khác đều công hiệu, (xin hỏi sách thuốc nơi bổn đường).

Nhà thuốc VÕ-VĂN-VÂN Thudaumot

Trụ sở chánh : 201-211, Đại lộ Nguyễn-thái-Học

— SAIGON —

TìmSách

BAN VỀ CHỨNG SẢN-HẬU KINH-PHONG

Đây là kinh Thái-dương ở bài luận Thương-hàn, trong chứng ấy có chứng Cương-hình và chứng Như-hình ; người đàn bà mới sinh huyết ra nhiều qaá, Âm hư Dương thịnh, hễ cảm mạo thì phát nóng, cùng với Tiểu-nhi huyết mạch chưa đầy, Dương có dư, Âm thì không đủ, cho nên dễ bị Thương-hàn cũng giống nhau, bởi thế mới có chứng Tiểu-nhi kinh-phong, nhân đó lại có tên Sản-hậu kinh-phong nếu theo về mặt cảm mạo dùng những thứ thuốc giải cơ, giải biểu mà trị thì phần nhiều còn sống được, còn theo về mặt kinh-phong dùng những thuốc Kim-thạch, ngưu-hoàng mà trị thì muôn người chết cả muôn người. Than ôi! Phụ-nhân và Tiểu-nhi sao không may bị chết oan về hai chử kinh-phong như vậy ? Đời Tiền-Minh có quyển Y-môn pháp-luật của Du-gia-ngôn Tiên-sinh giải thích rất tinh tường, nay xin kính cẩn chép một đoạn cùng với Môn-nhân vấn đáp ở trong quyển sách đó, để kêu tỉnh những vị làm thuốc ở đời.

Môn-nhân hỏi rằng : Thưa Thày một chứng kinh-phong tuy ở trong cổ-điển không thấy nói tới, nhưng truyền lại đã đến ba trăm năm nay, dẫu Thày đã sửa chữa chỗ sai lầm, mà những bọn dần độn vẫn còn ngờ vực, vậy xin Thày giảng giải cho rõ ra để mở mắt cho những bọn mờ điếc ? Gia-Ngôn Tiên-sinh đáp rằng ? câu hỏi ấy cũng

TimSách

đã nhiều, nay ta vì các con mà phá những chỗ ngờ vực, và hơn nữa để phá hết những chỗ ngờ vực của thiên-hạ đời sau nữa; bởi vì những đứa Tiểu-nhi mới sinh cùng với những đứa trẻ, nhỏ da, thịt, gân, xương, tạng, phủ, huyết mạch chưa được đầy đủ, chân Dương thì có dư, mà chân Âm thì chưa đủ, không thể so sánh với người lớn Âm Dương đã giao thịnh. Duy chân Âm chưa đủ, chân Dương có dư cho nên trong mình dễ sinh ra nóng, nóng nhiều thì sinh Đàm, sinh Kinh, sinh Phong, đó là cái thế phải vậy ; nếu bấy giờ cứ lấy thẳng bốn chữ : Nhiệt, Đàm, Phong, Kinh mà đặt tên thì người sau không tới nỗi nhận sai, bởi vì bỏ hai chữ mà chỉ lấy chữ Kinh để đầu, chữ Phong để cuối, bèn cho là chứng bệnh kỳ đặc lại bảo là bệnh ấy có tám hậu ; thấy đầu tay cứng thì đặt tên là chứng co rút ; thấy bỗng chốc miệng câm, co chân lại thì đặt tên là chứng mắt xếch, bụng loạn và co quắp ; thấy xương sống cứng và ưỡn ra thì đặt tên là chứng uốn ván, tên gọi khác nhau, tự bầy đặt ra, hễ gặp những chứng ấy ai cũng lấy làm kỳ lạ lo sợ. Nhưng không hiểu rằng da thịt và lỗ chân lông của đứa Tiểu-nhi chưa kín, nên dễ bề cảm mạo phong hàn, phong hàn đã trúng, trước hết trúng vào kinh Thái-dương, mạch của Thái-dương bắt đầu từ trong mí mắt đưa lên trán tới đỉnh đầu vào trong óc rồi trở xuống cổ, gáy giáp xương sống đưa xuống đến eo lưng, cho nên gân mạch căng cứng, mới sinh ra những chứng co rút, ưỡn ngửa ra, cong rút lại, nếu mà dùng thuốc Kim-thạch trấn bên ngoài, tà chạy vào sâu trong Tạng Phủ, muôn ngàn đứa trúng thì muôn ngàn đứa chết, gián hoặc có đứa trẻ thân thể bền chắc, chứng bệnh nhẹ nhàng, may mà bệnh hết, lại cho là thuốc thần tiên rồi giữ lấy làm Môn thuốc chuyên môn, dẫu mỗi ngày có giết chết bao nhiêu đứa trẻ cũng

Tìm sách

không biết là tội, trong khoảng trăm năm, xa ngoài ngàn dặm, nêu có một hai vị Minh triết cũng không thể vạch rõ ra những chỗ nghi ngờ đó, như trong phương nói rằng đứa Tiểu-nhi từ tám tuổi trở về trước không có chứng Thương-hàn, những lời nói hồ đồ đó lại tự bực cao-minh xướng ra, càng làm dựng nêu cho cái thuyết Kinh-phong là có, không từng nghĩ tới đứa Tiểu-nhi không quen lạnh, mới truyền vào kinh Thái-dương thì đã cứng mình nhiều mồ hôi, gân mạch căng động mê man không biết gì, nếu đầu thuốc loạn bậy sẽ bị chết liền, còn đâu mà thấy truyền kinh giải tán nữa ? Chỉ bởi lầm là Tiểu-nhi không Thương-hàn vậy, nào có biết đâu Tiểu-nhi dễ bề ngoại cảm, dễ bề phát nóng, Thương-hàn rất nhiều mà đời cho rằng Kinh-phong là thế đó, Tiểu-nhi Thương-hàn cốt ở trong ba bữa hết được là quí, nếu đợi tới truyền kinh rồi mới giải thì không thể được, Lại chứng Cương-hình thì không có mồ hôi, chứng Nhu-hình thì ra nhiều mồ hôi, Tiểu-nhi ít chứng Cương-hình mà nhiều chứng Nhu-hình, Thày thuốc thấy mồ hôi ra hoài, mê man không tỉnh, liền cho là chứng kinh-phong mà dùng những-vị Sâm, Kỳ, Truật, Phủ làm bít những lỗ chân lông, để nhiệt tà không thoát ra ngoài được, cũng là cái hại lớn, so với thuốc kim-thạch cũng một mười một chín vậy. Phàm trị chứng nóng của Tiểu-nhi cần nhất phải mở cho thông ra ngoài, chớ không nên đề nhập vào trong, đức Trọng-Cảnh đã có phép trị bằng thang Quế-chi, nếu bỏ mà không dùng lại theo phép của Ông Đông-Viên trị về mặt nội-thương thì sai một ly đi một dặm, vậy khải nên suy xét cho kỹ càng. Lại bàn về người đàn bà mới sinh ra huyết quá nhiều, Âm hư Dương thịnh, khi cảm mạo cũng phát nóng cùng với Tiểu-nhi như nhau, Thày thuốc đều cho là chứng sản-hậu kinh-

TimSách

phong lại càng nực cười nôn ruột. Nên biết rằng ta bẻ cái thuyết kinh-phong, không phải là ta bảo không có bệnh Kinh đâu, đứa Tiểu-nhi thần khí yếu nhát, hễ gặp vật gì lạ, tiếng gì lạ thì sợ hãi mà té ngửa ra đều sinh ra chứng Kinh, như mặt xanh, phần xanh buồn bực la khóc hoài, chớ không giống như chứng nhiệt tà bít lỗ, thần khí mê man, nếu có khua chuông bắn súng ở trước mặt cũng không hay biết gì hết, vậy phải nên suy xét ngẫm nghĩ cho kỹ thì mới rõ cái thuyết Kinh-phong là bầy đặt. Các con đã theo học ta, hàng ngày ta giảng giải đưa tới nghĩa sáng tỏ, rửa sạch phổi, ruột tự nhiên tỉnh ngộ không khác gì uống nước ở nơi Thượng-trì, nhưng phải tìm hiểu ở trong lời nói, chớ không thể nói truyền ra hết được.

CHUNG

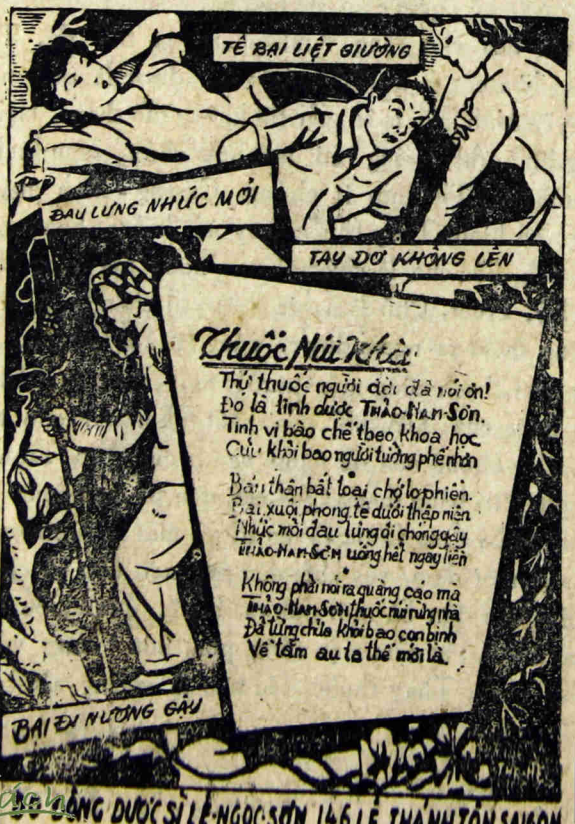

MỤC LỤC

Chương XII
TRƯỚNG-MÃN CỔ-TRƯỚNG và BÀI THUỐC 15
Chương XIII
THỬ-CHỨNG và BÀI THUỐC 23
Chương XIV
TIẾT-TẢ và BÀI THUỐC 32
Chương XV
HUYỀN-VỰNG và BÀI THUỐC 36
Chương XVI
ẨU-THỔ-YẾT và BÀI THUỐC 41
Chương XVII
ĐIÊN-CUỒNG-GIẢN và BÀI THUỐC 4
Chương XVIII
NGŨ-LÂM LONG-BẾ XÍCH-BẠCH-TRỌC DI-TINH và BÀI THUỐC 51
Chương XIX
SẢN-KHÍ và BÀI THUỐC 62
Chương XX
ĐÀM-ẨM và BÀI THUỐC 67
Chương XXI
TIÊU-KHÁT và BÀI THUỐC 79
Chương XXII
THƯƠNG-HÀN ÔN-DỊCH và BÀI THUỐC 84
Chương XXIII
PHỤ-NHÂN KINH-VẬN TẠP-BỆNH và BÀI THUỐC 106
Chương XXIV
TIỂU-NHI và BÀI THUỐC 124

TẠNG-PHỦ 131
VẬN-KHÍ 137
BÀN VỀ CHỨNG SAN-HẬU KINH-PHONG 139

TimSách

Đính chính

Trang 56 hàng 22 chữ 龜 胆 折
đọc là : 龍 胆 折

Trang 57 hàng 1 câu nhiều dâm mộng thất ttinh
đọc là : *nhiều dâm mộng thất tinh*

Trang 63 hàng 5 câu Tam-cang Hồi hương hoàn
đọc là : *Tam-tăng Hồi-hương hoàn*

Trang 101 hàng chót chữ : Thạch-tả
đọc là chữ : *Trạch-tả*

Trang 108 hàng 19 chữ : Xuyên-khang
đọc là chữ : *Xuyên-khung*

Trang 112 hàng 15 câu : nên ra trước tiên
đọc là : *nêu ra trước tiên*

hàng 20 câu : nôn mà ăn được
đọc là : *nôn không ăn được*

hàng 22 chữ : 風 連 疾
đọc là : 風 痙 疾

Trang 112 hàng 15 câu : hễ đăng hết được
đọc là : *thề đăng hết được*

Mỗi quyển đề có con dấu và
chữ ký của dịch giả

Cụ TRẦN - DUY - BÌNH

226, Đinh-tiên-Hoàng, 226
ĐAKAO - SAIGON

TimSách

ĐÔNG - Y - SĨ

TRẦN - DUY - BÌNH

Chuyên trị :

ĐÀN ÔNG :

Đau tim, Di tinh, Mộng-tinh v.v.

ĐÀN BÀ :

Sản-hậu, tiểu-san và Huyết chứng v v.

TRẺ EM :

Ban-trái, Sên-lái v.v.

226, Đại-lộ Đinh-Tiên-Hoàng
Dakao SAIGON

In lại THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN
Điện thoại : 25.861
Giấy phép số : 2492/XB ngày 10-12-1960

Tìm sách

GIÁ 120